

ĐẶC SAN

Khoa học và Công nghệ

Số 1
2018

DẤU ẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ năm 2017



*Chúc mừng
năm mới*



TRONG SỔ NÀY

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Dấu ấn khoa học và công nghệ Quảng Trị năm 2017	4
	BBT
Định hướng khoa học và công nghệ Quảng Trị năm 2018: Tiếp tục đổi mới toàn diện về cơ chế, chính sách và hoạt động khoa học và công nghệ	12
	Trần Ngọc Lân
Phát triển hợp tác về khoa học và công nghệ góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị	18
	Trần Thiêm
Sôi nổi hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong Sở Công Thương	24
	Nguyễn Hữu Thuần
Ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế xã hội huyện Vĩnh Linh	28
	Trần Hữu Hùng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu hoạt động khoa học và công nghệ	34
	Lê Thanh Nam
Quảng Trị đẩy mạnh cải cách hành chính, chú trọng cải cách thủ tục hành chính để thu hút đầu tư	38
	Bùi Thị Hồng Phương

Quảng Trị tích cực và chủ động hội nhập quốc tế: Khi tuổi nhỏ vươn mình hòa vào lòng biển lớn	42
	Nguyễn Lan Hương

Nghiên cứu sự nhiễm vi rút đốm trắng (WSSV) ở tôm càng (Macrobrachium nipponense) và khả năng lan truyền bệnh sang tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei)	48
	Trương Thị Mỹ Hạnh, Phạm Thế Việt, Phan Trọng Bình, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Phan Thị Vân

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

Huyện Hải Lăng: Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển nông nghiệp bền vững	56
	Lê Anh Quốc
Một số biện pháp kỹ thuật mới nhằm nâng cao năng suất ném củ trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Trị	60
	Tạ Sáu
Quảng Trị từng bước xây dựng chính quyền điện tử, phát triển đô thị thông minh trong xu thế cách mạng công nghiệp 4.0	68
	Phạm Thiện Đạt
Ứng dụng công nghệ thông tin: Thành quả và thách thức của ngành Y tế tỉnh Quảng Trị	73
	Nguyễn Bội Nhiên
Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cam đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại Quảng Trị	78
	Lê Thị Ngọc Diệp

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

Lễ hội đua thuyền ở làng Gia Độ	82
	Lê Văn Hà

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TÁM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Cải cách hành chính theo tư tưởng Hồ Chí Minh	84
	Nguyễn Trí Ánh

TRANG XUÂN

Đảng là mùa xuân mùa xuân là Đảng	89
	Hoàng Bích Hà
Nghĩ về bánh chưng bánh tét	91
	Hoàng Bích Hà
Thơ tứ tuyệt: Một mẫu mực của sự cô đọng, hàm súc	92
	Võ Văn Luyến
Đặc sản ngày tết	95
	Đoàn Phương Nam



CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

ThS. Trần Ngọc Lân
Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị
TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Bình
THƯ KÝ

Thái Thị Nga
TRÌNH BÀY

Nguyễn Thị Hòa
Nguyễn Sỹ Tiến

CƠ QUAN THỰC HIỆN

Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN Quảng Trị
Địa chỉ: 204 Hùng Vương - Đông Hà - Quảng Trị. Điện thoại: (0233) 3857030.
Email: dacsan.khcn.kt@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 09/GP-XBDS ngày 09/11/2017 của Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông. In 300cuốn, khổ 20x28 tại Công ty TNHH Song Lam, 47 Lê Thế Hiếu - Đông Hà - Quảng Trị. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2018

Trình bày bìa: Nguyễn Thị Hòa



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

Chào mừng năm mới

Nhân dịp năm mới Xuân Mậu Tuất 2018, Ban Biên tập Đặc san Khoa học và Công nghệ Quảng Trị trân trọng gửi đến các đồng chí lãnh đạo, các nhà quản lý, các nhà khoa học, cộng tác viên và bạn đọc gần xa lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

**BAN BIÊN TẬP
ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ**





Lễ ký hợp đồng thương mại sản phẩm Chè vàng hòa tan Tralavang. Ảnh: Hải Yến

DẤU ẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ năm 2017

Năm 2017 qua đi với nhiều cung bậc cảm xúc, cả khó khăn, thách thức lẫn những thành công. Xác định năm 2017 là năm “tăng tốc”, với quyết tâm vượt qua chính mình, được sự quan tâm của Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Bộ KH&CN, với chủ đề khoa học và công nghệ xuất phát từ cơ sở, hướng về cơ sở, hoạt động Khoa học và Công nghệ Quảng Trị năm 2017 đã thực sự “tăng tốc”, để lại nhiều dấu ấn, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

1 Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025. Nghị quyết được ban hành là “cú hích” trong việc đẩy mạnh ứng dụng, nhân rộng, phát triển trên diện rộng các kết quả KH&CN của tỉnh. Đây là nhân tố quan trọng

góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 08/2014 của HĐND tỉnh về phát triển KH&CN giai đoạn 2015-2020.

2 Năm 2017 là năm KH&CN có sự tăng tốc và bứt phá trong phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học (CNSH) trên các lĩnh vực sản xuất và đời sống, đặc biệt là nghiên cứu thành công và bước đầu thương mại hóa các sản phẩm dược liệu. Đây được xem là nhiệm vụ quan trọng của ngành nhằm thực hiện thắng lợi Chỉ thị số 06/CT-TU ngày 01/8/2006 về việc “**Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ sự nghiệp CNH - HĐH**” của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Trị. Bên cạnh ứng dụng CNSH để sản xuất phân hữu cơ vi sinh,

ứng dụng chế phẩm E.M, ứng dụng CNSH trong nhân giống cây trồng, vật nuôi, ngành đã tập trung đầu tư nguồn lực nghiên cứu thành công và cho ra đời thử nghiệm các sản phẩm: *Đông trùng hạ thảo, rượu Tỏi đen, Nấm Linh chi (hòa tan, quả thể khô), Cà gai leo hòa tan, Nấm đầu khỉ...* Đặc biệt, nghiên cứu thành công và chuyển giao kết quả tách chiết hoạt chất sinh học từ cây chè vàng tạo sản phẩm phối trộn từ hoạt chất trên với một số cây dược liệu khác để tổ chức sản xuất, đồng thời tiếp tục hoàn thiện công nghệ và các điều kiện khác nhằm thương mại hóa sản phẩm. Hiện kết quả được chuyển giao cho Trung tâm UDTB KH&CN và ký kết hợp đồng thương mại, bao tiêu sản phẩm chè vàng hòa tan *Tralavang* với Công ty TNHH thiết bị HP Việt Nam.



Sản phẩm Đông trùng hạ thảo Sa Mù, Chè vàng hòa tan Tralavang, Tỏi đen Winner, Cà gai leo - Linh chi hòa tan CAGALE của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Quảng Trị. Ảnh: Trần Quang Phú

3 Năm 2017 là năm nhiều sản phẩm đặc sản của địa phương được Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) cấp văn bằng bảo hộ SHTT nhãn hiệu tập thể/ nhãn hiệu chứng nhận (NHTT/NHCN) nhiều nhất từ trước đến nay. 04 sản phẩm đã được Cục SHTT cấp văn bằng bảo hộ NHTT gồm: NHTT Gạo Hải Lăng, NHTT Ném Vĩnh Linh, NHTT Dưa hấu Vĩnh Linh, NHTT Lạc Vĩnh Linh. 09 sản phẩm được Cục SHTT thẩm định và chấp nhận đơn hợp lệ gồm: Rau an toàn Đông Hà, Chuối Hương Hóa, Rượu truyền thống men

lá Ba Nang, Khoai môn Vĩnh Linh, sản phẩm cao dược liệu Định Sơn, Đậu đen xanh lòng Triệu Vân, nước mắm Cửa Việt, Nước mắm Cồn Cỏ, Nước mắm Mỹ Thủy. Đặc biệt, cấp văn bằng bảo hộ NHTT cho một trong những sản phẩm đặc sản chủ lực của tỉnh là cà phê chè Khe Sanh vùng Hương Hóa cùng việc xây dựng được hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm là tiền đề quản lý, phát triển cho thương hiệu sản phẩm bền vững, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế.



Nhãn hiệu tập thể Khe sanh cho sản phẩm cà phê chè vùng Hương Hóa. Ảnh: Tư liệu



Nhãn hiệu tập thể Đậu đen xanh lòng Triệu Vân. Ảnh: Tư liệu



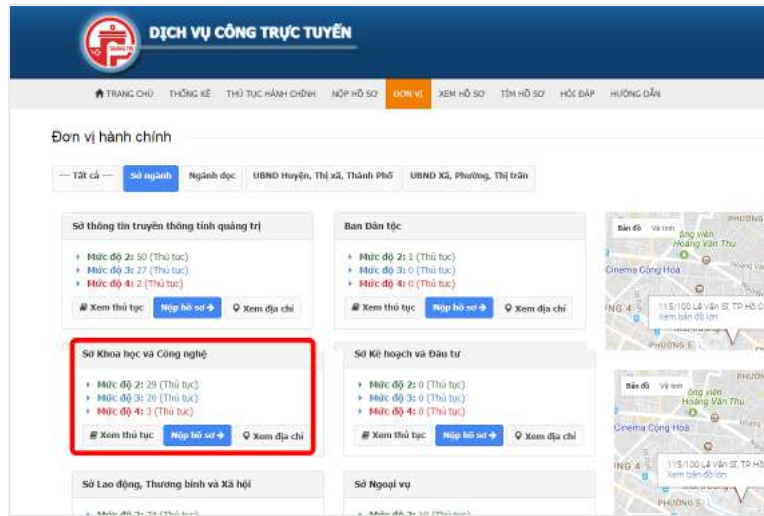
Nhãn hiệu tập thể Khoai môn Vĩnh Linh. Ảnh: Tư liệu



Nhãn hiệu tập thể nước mắm Mỹ Thủy. Ảnh: Tư liệu

4

Tích hợp 20 dịch vụ công (3 dịch vụ công mức 4 và 17 dịch vụ công mức 3) trên Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị nhằm đẩy mạnh công tác cải cách và hiện đại hóa nền hành chính, định hướng phát triển Chính quyền điện tử trong tương lai. Với sự chú trọng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý của đơn vị, nhiều năm qua, Sở KH&CN luôn là một trong những đơn vị dẫn đầu trong nhóm các Sở, ban, ngành về mức độ sẵn sàng ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.



Các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao được tích hợp lên Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị tại địa chỉ: <http://dichvucong.quangtri.gov.vn>. Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

5

Nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được triển khai và đem lại hiệu quả bước đầu như: Mô hình trồng rau, dưa ứng dụng công nghệ cao của

HTX Nguyên Khang Hải Lăng Garden (huyện Hải Lăng); Mô hình trồng dưa lưới trong nhà kính (Vĩnh Linh); Mô hình trồng mướp đắng trong nhà lưới (Gio Linh); Mô hình cây dược liệu Cam Lộ...



Mô hình trồng rau thủy canh của HTX Nguyên Khang Hải Lăng Garden. Ảnh: Baoquangtri.vn

Mô hình trồng dưa lưới trong nhà kính tại Vĩnh Linh. Ảnh: Tư liệu



Mô hình trồng mướp đắng tại Gio Linh
Ảnh: Baoquangtri.vn

Mô hình trồng cây dược liệu tại Cam Lộ.
Ảnh: Tư liệu

Đặc biệt, ra mắt sản phẩm Gạo hữu cơ Quảng Trị. Sản phẩm gạo hữu cơ Quảng Trị là thành quả của dự án hợp tác sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sạch, bền vững. Gạo hữu cơ Quảng Trị được canh tác trên vùng đất sạch, sử dụng giống lúa RVT chất lượng cao, nguồn nước tưới tiêu sạch, chăm sóc theo quy trình phân bón hữu cơ Ong Biển, chế biến và đóng gói theo hướng hữu cơ. Vượt qua những tiêu chuẩn khắt khe, gạo hữu cơ Quảng Trị đã được xuất khẩu vào các thị trường như Nhật Bản, Mỹ, EU...bước đầu đã đưa sản phẩm nông nghiệp của tỉnh ngày càng phát triển vươn cao vươn xa và nâng cao giá trị gia tăng giúp cho người nông dân xóa đói giảm nghèo, góp phần thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Việc ứng dụng nhiều mô hình công nghệ cao trong nông nghiệp trên

địa bàn các huyện/thị bên cạnh cung cấp thực phẩm sạch cho người tiêu dùng thì hiệu quả của các mô hình còn giúp người dân tăng thu nhập, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

6 Trong năm 2017, sau nhiều nỗ lực phát triển thị trường KH&CN và hoạt động đổi mới sáng tạo, 01 doanh nghiệp KH&CN được thành lập (*Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị*) và 01 doanh nghiệp thành lập được Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp (*Công ty cấp thoát nước Quảng Trị*). Các hoạt động như tổ chức các lớp tập huấn “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, hội thảo “Nhận thức về Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo cho sinh viên Quảng Trị”; giúp doanh nghiệp tham gia cuộc thi Startup,



Tập huấn “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Ảnh: Hải Yến

Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2017 đã bước đầu khởi động “thị trường” khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Quảng Trị.

7 Đẩy mạnh hợp tác KH&CN với các nước như Lào, Nhật Bản, Italy. Tổ chức Lễ ký kết hoàn thành lắp đặt hệ thống đèn Led và triển khai giám sát theo cơ chế tín chỉ chung (JMC) cho tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị. Đây là một trong những dự án thể hiện kết quả hợp tác hữu nghị giữa 2 nước Việt Nam - Nhật Bản, hỗ trợ ngư dân tỉnh Quảng Trị đạt hiệu quả cao hơn trong đánh bắt, thân thiện với môi trường, thay đổi tư

duy của người dân trong việc tiếp cận với khoa học công nghệ mới, hiện đại. Tập đoàn Hokkaido (Nhật Bản) và Công ty Lotus Fid (Việt Nam) tiến hành khảo sát thực tế tại đèo Sa Mù, huyện Hướng Hóa. Chuyến khảo sát là tiền đề đánh giá tiềm năng phát triển và triển khai các dự án nông nghiệp theo công nghệ Nhật Bản tại Quảng Trị trong thời gian tới.

8 Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương về thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia (Chương trình nông thôn miền núi) nhằm phục vụ phát triển sản xuất, chuyển đổi sinh kế cho nhân dân vùng ven biển sau sự cố môi trường biển. Cụ



Tập đoàn Hokkaido (Nhật Bản) và Công ty Lotus Fid (Việt Nam) tiến hành khảo sát thực tế tại đèo Sa Mù, huyện Hướng Hóa. Ảnh: Sỹ Tiến



Hội nghị Triển khai thực hiện dự án khoa học và công nghệ phát triển sản xuất phục vụ chuyển đổi sinh kế cho người dân chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tại tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Hải Yến

thể: 2 dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tỉnh Quảng Trị” và “Ứng dụng công nghệ sản xuất giống nấm dạng dịch thể, phục vụ nuôi trồng, chế biến nấm theo chuỗi giá trị cho người dân vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển và miền núi tỉnh Quảng Trị” được triển khai trên địa bàn tỉnh đã góp phần giải quyết được các vấn đề bức thiết do thực tiễn địa phương đặt ra. Đã phê duyệt 3 nhiệm vụ triển khai thực hiện năm 2018.

9 KH&CN tích cực đồng hành xây dựng nông thôn mới. Năm 2017 là năm đầu triển khai Chương trình phối hợp liên ngành giữa Sở KH&CN với Hội Nông dân tỉnh, ngành

Nông nghiệp và Ngành Công thương. Chương trình đã góp phần khẳng định vị trí, vai trò của KH&CN trong việc hỗ trợ, thực hiện các hoạt động ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ KH&CN nhằm nâng cao trình độ, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng giá trị hàng hóa nông - lâm - thủy sản, khai thác tiềm năng thế mạnh của từng địa phương ở cơ sở.

10 Năm 2017, ngành tập trung đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý nhiệm vụ KH&CN và tái cấu trúc ngành KH&CN theo nội dung Đề án Tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 2245/QĐ-TTg

ngày 11/12/2015). Theo đó tái cơ cấu ngành KH&CN tập trung các nội dung: Tái cơ cấu hệ thống tổ chức KH&CN công lập và toàn bộ hệ thống các tổ chức KH&CN nói chung; Tái cơ cấu nguồn nhân lực ở các trình độ khác nhau và các lĩnh vực khác nhau; Tái cơ cấu đầu tư cho hoạt động KH&CN; Tái cơ cấu nền tài chính dành cho KH&CN, chuyển mạnh sang cấp phát theo cơ chế quỹ, giao cho các tổ chức KH&CN thực hiện

cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng. Toàn ngành thực hiện cơ chế đặt hàng để xây dựng các nhiệm vụ KH&CN từ cấp quốc gia đến cấp cơ sở; Tái cơ cấu hệ thống luật pháp về KH&CN nhằm nâng cao năng lực nội sinh của ngành, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế./.

B.B.T





ĐỊNH HƯỚNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ NĂM 2018

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ths. TRẦN NGỌC LÂN

TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

Năm 2017 là năm ngành Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh nhà có những bước chuyển mình vượt bậc. Với tinh thần, khí thế mới tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế, ngành KH&CN đã không ngừng đổi mới từ phương thức chỉ đạo điều hành đến cách tiếp cận vấn đề KH&CN xuất phát từ cơ sở, hướng về phục vụ cơ sở đến việc đổi mới toàn diện về cơ chế, chính sách và hoạt động KH&CN. Do vậy, xác định hướng đi năm 2018 có vai trò đặc biệt quan trọng, là kim chỉ nam dẫn đường cho hoạt động KH&CN tiếp tục có những bước đi bền vững trong lộ trình thực hiện thành công mục tiêu tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020.

Năm 2017 là năm đánh dấu việc đổi mới về cơ chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN, cơ chế tài chính và cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, tạo nên một bước phát triển mới, khẳng định được vai trò, vị trí của KH&CN trong sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đặc biệt, năm 2017, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về chính sách

hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025, hứa hẹn sẽ là “cú hích” quan trọng đối với hoạt động KH&CN tỉnh thời gian tới.

Với tinh thần, khí thế mới là tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế. Ngành đã chú trọng



Đồng chí Nguyễn Đức Chính, Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh phát biểu tại phiên làm việc với Sở KH&CN về định hướng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN năm 2017 và những năm tiếp theo.

Ảnh: Hải Yến

công tác ứng dụng các kết quả, thành tựu KH&CN vào đời sống đã thực sự mang lại hiệu quả thiết thực, nhiều mô hình ứng dụng được triển khai bước đầu có kết quả tốt. Một số sản phẩm ra đời từ công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN (sản phẩm chè vàng hoà tan TRALAVANG) đã được đăng ký thương hiệu, thương mại hóa và được người tiêu dùng ưa chuộng. Công tác hỗ trợ đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN, xây dựng, xác lập và phát triển thương hiệu đã được tích cực triển khai, góp phần giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Một số đặc sản, sản phẩm chủ lực của tỉnh, đặc biệt là các mặt hàng nông sản như hạt tiêu, cà phê... đã xác định được chỗ đứng trên thị trường. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân được triển khai toàn diện, vừa tạo điều kiện thuận lợi nhất có thể cho doanh nghiệp

khi thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, vừa góp phần nâng cao chất lượng hàng hóa, chống gian lận thương mại, hạn chế việc sản xuất, tiêu thụ hàng nhái, hàng kém chất lượng, bảo vệ người tiêu dùng. Hoạt động KH&CN cấp huyện đạt được những kết quả nhất định. Hợp tác quốc tế về KH&CN đã góp phần tăng cường mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước; đồng thời thu hút được nguồn lực từ bên ngoài góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách do thực tiễn địa phương đặt ra. Các đơn vị sự nghiệp KH&CN ngoài phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước đã phát huy năng lực nội sinh để tạo nhiều sản phẩm cho xã hội và thị trường;...

Tuy vậy, so với yêu cầu phát triển, KH&CN tỉnh còn chưa thật sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, thị trường KH&CN còn sơ khai, công tác ứng dụng và nhân rộng



Cắt băng khánh thành Dự án đèn Led cho tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Hải Yến

các kết quả KH&CN chậm được triển khai, đầu tư cho KH&CN còn thấp...

Trên cơ sở những kết quả đạt được của năm 2017, KH&CN tỉnh trong năm 2018 sẽ phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế để tiếp tục thực hiện có hiệu quả “*Đề án Tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế*” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hoạt động KH&CN trong năm 2018 sẽ tiếp tục đổi mới toàn diện về cơ chế, chính sách và hoạt động KH&CN. Trong đó tập trung thực hiện Chương trình hành động số 26-CTHĐ/TU ngày 15/6/2016 của Tỉnh ủy Quảng Trị, Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động số 26-CTHĐ/TU ngày 15/6/2016 của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Nhiệm vụ trọng tâm của KH&CN tỉnh trong năm 2018 bao gồm những nội dung cụ thể sau:

1. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển các lĩnh vực KH&CN theo hướng gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, địa phương. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu Tỉnh ủy sơ kết 05 năm tình hình thực hiện Chương trình hành động số 64-CTHĐ/TU ngày 13/5/2013 của BCH Đảng bộ tỉnh Khóa XV thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.



Đoàn công tác của Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh thăm mô hình trình diễn trồng cây dứa theo công nghệ cao tại xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ. Ảnh: Baoquangtri.vn

2. Tham mưu UBND kế hoạch và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh. Thông qua các Chương trình KH&CN cấp quốc gia, cấp Bộ và các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ KH&CN để nâng cao hàm lượng KH&CN cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất và giá trị gia tăng cao.

3. Cơ cấu lại các nhiệm vụ KH&CN gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm, với yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và nền kinh tế. Ưu tiên những đề tài liên quan nghiên cứu ứng dụng trong sản xuất và đời sống, có tính ứng dụng cao, sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, đảm bảo tính mới, tính khoa học; các nghiên cứu liên quan chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Hạn chế tối đa các đề xuất nghiên cứu

nặng về báo cáo, tổng hợp phục vụ công tác chuyên môn của các sở, ban, ngành, cơ quan nhà nước. Năm 2018 ưu tiên các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ. Triển khai một số nhiệm vụ ứng dụng KH&CN để sản xuất, chế biến một số sản phẩm đang được thị trường ưa chuộng dựa trên nguồn nguyên liệu sẵn có là sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của vùng, địa phương; Nghiên cứu hợp tác để triển khai tại Trạm Nghiên cứu Bắc Hướng Hóa.

4. Phát triển thị trường công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động thị trường công nghệ trên mạng Techmartonline. Phổ biến, triển khai Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi) năm 2017 và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh về thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo Luật Chuyển

giao công nghệ (sửa đổi) năm 2017. Triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Quảng Trị và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Hình thành được 02 doanh nghiệp KH&CN và 02 Quỹ phát triển KH&CN trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ (xác lập, quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản, thế mạnh của tỉnh), phân đấu mỗi huyện, thị xã, thành phố có 1 sản phẩm đặc sản, truyền thống được bảo hộ nhãn hiệu và triển khai các giải pháp quản lý đồng bộ nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm. Triển khai nhiệm vụ tăng cường công tác quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm sau khi đã được xác lập thương hiệu. Triển khai toàn diện các hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trạm Đo lường - Thử nghiệm Lao Bảo.

6. Đẩy mạnh hoạt động KH&CN cấp huyện thông qua việc kiện toàn bộ máy tổ chức, hoạt động ứng dụng, nhân rộng các mô hình KH&CN vào thực tiễn địa phương cũng như công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực KH&CN trên địa bàn.

7. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008



Mô hình trồng hoa lily thương phẩm chất lượng cao. Ảnh: Thái Nga

vào hoạt động của UBND phường, xã, thị trấn giai đoạn 2015 - 2020 theo lộ trình.

8. Tăng cường quan hệ hợp tác về KH&CN với các cơ quan KH&CN trung ương, các trường đại học, các viện nghiên cứu nhằm tranh thủ nguồn lực KH&CN phục vụ phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế về KH&CN với các nước Lào, Thái Lan, Nhật Bản, Đức, Pháp. Đặc biệt hợp tác chặt chẽ với tổ chức NEDO (Nhật Bản) triển khai giám sát theo cơ chế tín chỉ chung (JCM) cho tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị.

9. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực KH&CN đảm bảo chất lượng, phục vụ và giải quyết các vấn đề KH&CN của ngành và của tỉnh, phù hợp với định hướng phát triển. Đổi mới công tác cán bộ, tuyển dụng, sắp xếp lại hệ thống tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả.

10. Tăng cường tiềm lực KH&CN thông qua việc tổ chức triển khai thực

hiện các dự án đầu tư phát triển KH&CN. Tập trung vào việc xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực, nghiên cứu triển khai của các tổ chức KH&CN, các cơ sở ứng dụng và chuyển giao KH&CN, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đặt ra trong năm 2018, ngoài sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ KH&CN tỉnh

triển KH&CN và kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ngành KH&CN tỉnh trong những năm qua luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp của các ngành, các cấp, các địa phương; sự tham gia đóng góp của các Viện Khoa học, Trường Đại học, nhà khoa học trong cả nước; đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu



Hội nghị sơ kết hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện 9 tháng đầu năm 2017. Ảnh: Tư liệu

cần huy động được sức mạnh của các cấp, các ngành, của người dân, doanh nghiệp và của toàn xã hội để triển khai đồng bộ các giải pháp như đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN; đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức KH&CN; đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng và trọng dụng cán bộ KH&CN; kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN; tăng cường tiềm lực KH&CN phục vụ có hiệu quả phát

của đội ngũ cán bộ KH&CN tỉnh. Hy vọng rằng trong năm 2018, KH&CN của tỉnh sẽ có nhiều khởi sắc hơn nữa, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà./.

T.N.L



Hội thảo Hợp tác về KH&CN giữa tỉnh Quảng Trị (Việt Nam) với tỉnh Salavan và tỉnh Savanakhét (CHDCND Lào). Ảnh: Hải Yến

PHÁT TRIỂN HỢP TÁC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG TRỊ

TRẦN THIÊM

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

Trong những năm qua, Quảng Trị đã tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác khoa học và công nghệ (KH&CN) với bên ngoài nhằm thu hút các nguồn lực trong nước và quốc tế để phát triển KH&CN, học hỏi những kinh nghiệm có ích và từng bước mở rộng sự tham gia của KH&CN Quảng Trị vào giải quyết các vấn đề chung. Tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành, sự hợp tác với các cơ quan khoa học Trung ương để nâng cao năng lực KH&CN của địa phương.

Tỉnh đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các Viện, Trung tâm KH&CN, trường đại học trong cả nước để triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ KH&CN. Thực tế cho thấy đây là một trong những hình thức chuyển giao tiến bộ KH&CN hiệu quả và là động lực thúc đẩy KH&CN địa phương phát triển.

Với Quảng Trị, được sự quan tâm hỗ trợ của Bộ KH&CN, tỉnh đã đề xuất đặt hàng tham gia các Chương trình KH&CN cấp Quốc gia như: Chương trình Nông thôn miền núi, Chương trình 592, Chương trình bảo tồn và phát triển Quỹ gen... Thông qua các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia đã tranh thủ được nguồn nhân lực và nguồn tài chính lớn nhằm giải quyết các vấn đề bức thiết do thực tiễn địa phương đặt ra. Trong đó tập trung triển khai các nhiệm vụ KH&CN liên quan đến phát triển sản xuất cho vùng bãi ngang phục vụ chuyển đổi sinh kế cho nhân dân vùng ven biển sau sự cố môi trường biển tháng 4/2016 với 02 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi thực hiện năm 2017 (Dự án: “*Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tỉnh Quảng Trị*”); Dự án “*Ứng dụng công nghệ sản xuất giống nấm dạng dịch thể, phục vụ nuôi trồng, chế biến nấm trong mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển và miền núi tỉnh Quảng Trị*”).

Sở KH&CN cũng đã tham mưu UBND tỉnh đề xuất Bộ KH&CN 4 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi thực hiện năm 2018 và đã được Bộ KH&CN

phê duyệt danh mục 03 dự án (Dự án: Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa lan hồ điệp, hoa lily tại Quảng Trị; Dự án: Xây dựng mô hình chăn nuôi gà thịt trang trại tiêu chuẩn VietGAHP theo chuỗi giá trị tại vùng cát tỉnh Quảng Trị; Dự án: Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất lạc an toàn theo VietGAHP tại tỉnh Quảng Trị).

Có thể khẳng định các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã góp phần nâng cao trình độ nhận thức về sản xuất nông nghiệp theo phương thức công nghiệp, giúp doanh nghiệp và người dân nhanh chóng tiếp thu những tiến bộ KH&CN tiên tiến nhất trong và ngoài nước. Thông qua các dự án đã đào tạo, phát triển được nguồn nhân lực KH&CN và nông dân có trình độ phục



Mô hình hoa lily thương phẩm chất lượng cao. Ảnh: Thái Nga

vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

Một số cơ quan KH&CN trung ương, các trường đại học, các Viện nghiên cứu và các tỉnh bạn đã có quan hệ hợp tác về KH&CN với Quảng Trị như Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Đại học Huế, Đại học Nông Lâm Huế...

sản xuất thử nghiệm thực phẩm chức năng chè vằng dạng hòa tan, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu cho sản phẩm - đăng ký công bố chất lượng. Kết quả của đề tài giúp đánh giá bằng các công cụ hiện đại một cách đầy đủ và toàn diện hơn về thành phần hoạt chất trong cây chè vằng, tạo động lực thúc



Đồng chí Nguyễn Quân Chính, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị kiểm tra việc lắp đặt đèn LED cho tàu đánh bắt xa bờ tại Cửa Việt. Ảnh: Sỹ Tiến

Đặc biệt, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam đã tham gia và có nhiều đóng góp, kết quả nghiên cứu quan trọng cho sự phát triển KH&CN của tỉnh Quảng Trị. Đề tài “*Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt chất sinh học của chè vằng La Vang và củ nghệ, để định hướng tạo chuỗi sản phẩm thiên nhiên nâng cao giá trị thảo dược*” do Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên chủ trì đã nghiên cứu chiết tách, định danh và công bố các hoạt chất sinh học có trong cây chè vằng Quảng Trị; nghiên cứu phối trộn,

đẩy sự chú ý người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm cây chè vằng Quảng Trị trên thị trường.

Mở rộng quan hệ quốc tế về KH&CN được đẩy mạnh. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Sở KH&CN đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức nước ngoài triển khai có hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN để tiếp nhận, chuyển giao công nghệ nhằm tranh thủ nguồn kinh phí lớn, nguồn nhân lực KH&CN có chất

lượng cao và huy động được sự tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị để nâng cao tiềm lực KH&CN cho tỉnh, góp phần giải quyết những vấn đề trọng điểm, cấp bách mà điều kiện địa phương không giải quyết được; đồng thời tăng cường tinh đoàn kết, gắn bó, hữu nghị với các nước láng giềng, củng cố và phát triển

gia dự án tích cực, khẩn trương hoàn thành lắp đặt đèn LED cho 40 tàu cá. Đồng thời đã đàm phán với Tổ chức NEDO (Nhật Bản) và đi đến thống nhất chi phí đối ứng lắp đặt của ngư dân sẽ được Tổ chức NEDO (Nhật Bản) hỗ trợ toàn bộ. Tháng 8/2017, UBND tỉnh đã tổ chức Lễ ký kết hoàn thành lắp đặt đèn



Sở KH&CN Quảng Trị làm việc với tập đoàn CIRAD (CH Pháp) về phát triển chỉ dẫn địa lý cho hồ tiêu Quảng Trị. Ảnh: Hải Yến

kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng khu vực vùng biên giới. Năm 2017, ngoài đẩy mạnh quan hệ hợp tác về KH&CN với CHDCND Lào, Nhật Bản, Cộng hòa Pháp...

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Tổ chức NEDO, Công ty Stanley Electric (Nhật Bản) triển khai dự án Ứng dụng đèn LED cho các tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị. Sở đã tích cực phối hợp với Công ty Stanley Electric, Công ty Cổ phần năng lượng công nghệ Vĩnh Cửu và ngư dân tham

LED và triển khai giám sát theo cơ chế tín chỉ chung (JCM) cho tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị.

Hợp tác với Tập đoàn Hokkaido (Nhật Bản) và Công ty Lotus Fid về khảo sát thực địa tại đèo Sa Mù, Hương Hóa và một số mô hình ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh nhằm nghiên cứu, đánh giá tiềm năng phát triển các dự án nông nghiệp theo công nghệ Nhật Bản tại Quảng Trị và tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư. Sở KH&CN đã tổ chức làm việc với Trung tâm Hợp tác quốc tế



Đồng chí Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị phát biểu tại Hội thảo Đánh giá kết quả hợp tác về KH&CN giữa Sở KH&CN Quảng Trị, Việt Nam với 02 Sở KH&CN tỉnh Salavan và Savannakhet, CHND Lào. Ảnh: Hải Yến

nghiên cứu nông nghiệp vì sự phát triển (CIRAD) của Cộng hòa Pháp về phát triển chỉ dẫn địa lý cho hồ tiêu Quảng Trị.

Đặc biệt Quảng Trị đã xúc tiến liên kết chặt chẽ với tỉnh Savanakhet và Salavan của CHDCND Lào về những vấn đề KH&CN mà hai bên cùng quan tâm, điển hình như: điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên phục vụ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường khu vực biên giới quốc gia thuộc địa phận hai tỉnh; chuyển giao công nghệ sản xuất một số giống cây trồng vật nuôi phục vụ cho các dự án hợp tác phát triển kinh tế giữa hai tỉnh.

Năm 2017, đã tổ chức Hội thảo Đánh giá kết quả hợp tác về KH&CN giữa Sở KH&CN Quảng Trị với 02 Sở KH&CN tỉnh Salavan và Savannakhet, CHDCND Lào nhằm báo cáo kết quả hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN của tỉnh Quảng Trị với tỉnh Savannakhet, tỉnh Salavan giai đoạn 2015 - 2017,

định hướng giai đoạn 2018 - 2020. Tại hội thảo, đại diện lãnh đạo Sở KH&CN Quảng Trị và 2 Sở KH&CN Savannakhet, Salavan đã Ký biên bản ghi nhớ.

Năm 2017 cũng đã đánh dấu sự hỗ trợ của Sở KH&CN Quảng Trị đối với Sở KH&CN các tỉnh bạn trong việc đào tạo nghiệp vụ đo lường, tin học, sản xuất và nuôi trồng nấm, trang bị các chuẩn, thiết bị đo lường.

Để phát huy hiệu quả của hoạt động hợp tác về KH&CN với bên ngoài, đối với Quảng Trị trong thời gian tới, cần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, tham gia tích cực vào các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia như Chương trình Nông thôn miền núi, Chương trình 592, Chương trình bảo tồn và phát triển Quỹ gen..., tạo điều kiện thu hút các hoạt động KH&CN của các cơ quan trung ương về địa bàn Quảng Trị.



Thứ hai, tăng cường liên kết với cơ quan KH&CN trung ương, các trường đại học, các Viện nghiên cứu và các địa phương khác trong hoạt động KH&CN thông qua chương trình liên kết về nghiên cứu, phối hợp tổ chức chợ thiết bị công nghệ, hợp tác nghiên cứu ứng dụng KH&CN, nhất là lĩnh vực công nghệ sinh học, nông nghiệp; hợp tác đào tạo nguồn nhân lực KH&CN...

Thứ ba, đề xuất sáng kiến hình thành các chương trình liên kết KH&CN theo hành lang kinh tế Đông - Tây. Chủ động và tích cực tham gia vào xây dựng thể chế liên kết KH&CN trong Vùng.

Thứ tư, bên cạnh mở rộng các quan hệ KH&CN cấp tỉnh (như ký kết giữa Sở KH&CN Quảng Trị với các Sở KH&CN của các tỉnh khác), khuyến khích các ngành, địa phương trong tỉnh chủ động mở rộng các mối quan hệ với bên ngoài bằng nhiều phương thức, sáng kiến khác nhau...

Thứ năm, mở rộng hợp tác với bên ngoài của KH&CN hướng vào phục vụ và khai thác các quan hệ kinh tế đối ngoại. Chú trọng các quan hệ hợp tác KH&CN với Lào, Nhật Bản, Thái Lan...

Đối với hợp tác về KH&CN với hai tỉnh Savanaket và Salavan, cần tập trung hợp tác điều tra, đánh giá tiềm năng về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường; hợp tác nghiên cứu khoa học phục vụ trực tiếp cho các liên kết kinh tế giữa Quảng Trị và các tỉnh của CHDCND Lào, phát huy tiềm năng, lợi thế hành lang kinh tế Đông Tây đi qua Quảng Trị và Savanaket; chuyển giao và hỗ trợ nâng cao tiềm lực

KH&CN, đào tạo nguồn nhân lực cho hai tỉnh của CHDCND Lào trong lĩnh vực tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển Nông - Lâm nghiệp...

Đối với hợp tác về KH&CN với Nhật Bản, cần tập trung phối hợp với Tổ chức NEDO (Nhật Bản), Công ty Stanley Electric triển khai giám sát theo cơ chế tín chỉ chung (JMC) cho tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị. Hợp tác với Tập đoàn Hokkaido (Nhật Bản) khảo sát thực địa, địa điểm đầu tư tại Quảng Trị để triển khai thực hiện các dự án nông nghiệp theo công nghệ Nhật Bản tại xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa. Hợp tác với Trường Đại học Rostock (CHLB Đức) khảo sát, lắp đặt turbin gió tại Đảo Cồn Cỏ. Hợp tác với Trung tâm Hợp tác quốc tế nghiên cứu nông nghiệp vì sự phát triển (CIRAD) khảo sát hiện trạng quản lý và khai thác Chỉ dẫn địa lý hồ tiêu Quảng Trị; tập huấn cơ chế kiểm soát sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, phát triển chỉ dẫn địa lý cho hồ tiêu Quảng Trị.

Có thể khẳng định, hoạt động hợp tác về KH&CN với bên ngoài trong những năm qua đã được tăng cường. Thông qua việc mở rộng quan hệ hợp tác KH&CN với bên ngoài, chúng tôi hy vọng sẽ tranh thủ và thu hút được các nguồn lực trong nước và quốc tế để phát triển KH&CN Quảng Trị, học hỏi những kinh nghiệm có ích và từng bước mở rộng sự tham gia của KH&CN Quảng Trị vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh./.

T.T



SÔI NỔI HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC TRONG SỞ CÔNG THƯƠNG

NGUYỄN HỮU THUẦN

Sở Công Thương Quảng Trị

Tỉnh Quảng Trị trong những năm qua hoạt động khoa học và công nghệ của ngành Công Thương đã tập trung giải quyết đòi hỏi thực tế, đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong cơ chế thị trường để đưa ra các giải pháp và công nghệ phù hợp, giúp doanh nghiệp sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, đổi mới, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành Công Thương tỉnh nhà. Đặc biệt trong năm 2017 hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tại Sở Công Thương lại diễn ra hết sức sôi nổi và mang lại hiệu quả thiết thực.

Trước hết phải kể đến công trình nghiên cứu, ứng dụng Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp vào thực tế các mô hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh được chuyển tiếp từ năm 2016. Với đề tài khoa học cấp tỉnh “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”, đội ngũ chuyên gia sản xuất sạch hơn của Sở Công Thương đưa ra chiến lược phòng ngừa tổng hợp về môi trường vào các quá trình sản xuất, nhằm nâng cao hiệu suất và giảm thiểu rủi ro môi trường. Qua đó giúp cho Ban lãnh đạo và đội ngũ công nhân thấy chỉ cần một số điều chỉnh, thay đổi nhỏ trong quy trình sản xuất cũng đã mang lại những lợi ích to lớn, thiết thực.

Việc áp dụng một số giải pháp sản xuất sạch hơn tại nhà máy phân bón Bình Điền Quảng Trị đã giúp cho môi trường sản xuất của nhà máy được cải thiện nhiều về mức độ ô nhiễm bụi và tiếng ồn, qua đó đáp ứng cao hơn các yêu cầu về môi

trường. Đối với hiệu quả kinh tế thì có thể thấy ngay sau khi áp dụng đã thu lợi cho công ty khoảng 1,5 tỷ đồng/năm thông qua việc thu hồi bụi phát tán trong quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động tập huấn, hội thảo và áp dụng Tiêu chuẩn 5S tại nhà máy đã nâng cao ý thức công nhân, người lao động, giảm thiểu nguy cơ tai nạn lao động trong quá trình sản xuất.

tỉnh Quảng Trị”. Đây là lĩnh vực có tính cấp thiết phục vụ quản lý ngành Công Thương trong giai đoạn hiện nay.

Ngành chế biến gỗ - đặc biệt là gỗ rừng trồng tương đối quan trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp chế biến tỉnh nhà hiện nay, là ngành có giá trị sản xuất chiếm tới gần 20% của toàn ngành công nghiệp chế biến toàn tỉnh, để có nhìn nhận, đánh giá chi tiết và đề ra những



Hội đồng KH&CN nghiệm thu đề tài: “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Ảnh: Hải Yến

Trong lĩnh vực quản lý ngành, trong năm 2017 Sở Công Thương được UBND tỉnh giao thực hiện 02 đề tài khoa học cấp tỉnh “Điều tra, đánh giá năng lực sản xuất của các doanh nghiệp chế biến gỗ và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành công nghiệp sản xuất, chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025” và “Khảo sát, đánh nhu cầu vận chuyển tiêu thụ hàng hóa của các doanh nghiệp và đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn

định hướng, giải pháp, kiến nghị những chính sách phát triển ngành trong giai đoạn tiếp theo nhằm bảo đảm tính bền vững, đồng thời giảm thiểu sự lãng phí tài nguyên là hết sức cần thiết.

Bên cạnh đó, Quảng Trị là tỉnh vừa nằm ở trung điểm của đất nước, vừa là điểm đầu trên tuyến đường huyết mạch chính của hành lang kinh tế Đông - Tây nối với Lào - Thái Lan - Myanmar qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo đến các cảng biển Miền Trung như: Cửa Việt, Chân



Võ thuyền Composite. Ảnh: Nguyễn Hữu Thuận

Mây, Đà Nẵng. Có thể nói, đây là vị trí “giao điểm” để tạo ra mở rộng hợp tác kinh tế trong khu vực, phát triển thương mại và dịch vụ, cũng như đẩy mạnh xuất khẩu những hàng hoá nếu chúng ta có những đánh giá đúng đắn và lựa chọn giải pháp phát triển dịch vụ logistics phù hợp trong giai đoạn tiếp theo. Trên cơ sở những nghiên cứu, nhóm thực hiện đề tài đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn về logistics cho một số sản phẩm nông sản, công nghiệp chủ lực của tỉnh, góp phần định hướng phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá có giá trị gia tăng cao. Đề xuất với lãnh đạo tỉnh hệ thống các giải pháp phát triển dịch vụ logistics của tỉnh Quảng Trị đối với các khâu thu gom và vận chuyển tiêu thụ hàng hoá nông sản chủ lực giai đoạn từ nay đến 2025, nhằm nâng cao chuỗi giá trị hàng hoá.

Ngoài công tác nghiên cứu phục vụ công tác quản lý nhà nước thì một số tổ chức, cá nhân trong Sở đã mạnh dạn phối hợp với các doanh nghiệp hoặc các chuyên gia bên ngoài ứng dụng một số tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Với việc một số cán bộ viên chức kết hợp với nhóm chuyên gia bên ngoài chế tạo thành công các máy móc gia công cơ khí ứng dụng công nghệ CNC (Computer Numerical Control) đã giúp cho ngành cơ khí chế tạo của địa phương được nâng lên một vị thế mới. Ngoài việc nâng cao năng lực ngành cơ khí thì đây là lĩnh vực hết sức quan trọng để ứng dụng công nghệ điều khiển tự động bằng máy tính nhằm hỗ trợ các ngành sản xuất, chế biến của địa phương. Cho đến nay, nhóm đã chế tạo thành công các máy tiện, bào, điều khắc mỹ nghệ, cắt plasma, phay tiện kim loại, cắt kính... theo công nghệ CNC. Trong năm, nhóm cũng đã đăng ký tham gia Hội thi Sáng tạo Khoa học – kỹ thuật tỉnh Quảng Trị lần thứ VII cho đề tài “Ứng dụng công nghệ CNC vào chế tạo Máy công cụ gia công đồ gỗ mỹ nghệ tự động” và được Ban Tổ chức trao giải Khuyến khích.

Trong quá trình công tác, nhận thấy việc chế tạo thuyền đánh cá bằng composite để thay thế cho thuyền gỗ là hết sức cần thiết, một số anh chị em đã mạnh dạn trao đổi với nhóm thợ thuyền

để hoàn thiện quy trình sản xuất thuyền cá bằng vật liệu composite. Với việc chế tạo thành công thuyền cá bằng vật liệu mới thay thế cho thuyền gỗ đã mở ra hướng mới trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo thuyền đánh cá phục vụ ngư dân vùng biển. Với một số ưu điểm nổi trội, đây là phương tiện hiện được khá nhiều

Nhìn lại năm 2017, tuy không phải là đơn vị trong lĩnh vực khoa học công nghệ, nhưng hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tương đối sôi nổi, từ những hoạt động nghiên cứu phục vụ quản lý, phát triển ngành, cho đến các công tác triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học vào thực tiễn và nhiệm



Phát triển gỗ rừng trồng là một lợi thế của tỉnh. Ảnh: Nguyễn Hữu Thuận

ngư dân tin tưởng lựa chọn. Đề ghi nhận những ý tưởng mới phục vụ nhu cầu đời sống và sản xuất, giải pháp cũng đã đạt giải tại Hội thi Sáng tạo Khoa học – kỹ thuật tỉnh năm nay.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ viên chức của Sở Công Thương cũng tích cực trong các hoạt động hỗ trợ, tư vấn cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất các hình thức quản lý, quản trị, tổ chức sản xuất, nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất theo hướng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, giảm phát thải, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

vụ hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành đều được làm tốt. Hy vọng trong giai đoạn tiếp theo, các cán bộ công chức, viên chức ngành công thương sẽ năng động, tích cực hơn nữa để tiếp tục đề xuất những ý tưởng mới cũng như hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp để tạo đà cho sự phát triển./.

N.H.T



Hội thảo khoa học về giải pháp phát triển vùng nguyên liệu nông sản sạch được tổ chức tại Vĩnh Linh. Ảnh: Baoquangtri.vn

ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN VĨNH LINH

TRẦN HỮU HÙNG
Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh

Vĩnh Linh là một huyện thuần nông, nằm ở phía Bắc của tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian qua, huyện Vĩnh Linh đã không ngừng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm phục vụ có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện cũng như cải thiện đời sống nhân dân. Lấy phát triển khoa học và công nghệ làm động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhờ đó, huyện đã đạt được nhiều kết quả đáng tự hào trên tất cả các lĩnh vực.

Trong lĩnh vực nông nghiệp: Khoa học và công nghệ đóng vai trò lớn về phát triển giống cây trồng mới, tăng năng suất và chất lượng. Việc ứng dụng công nghệ mới giúp chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích. Thông qua công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới ứng dụng vào sản xuất trong nông nghiệp, trên địa bàn huyện Vĩnh Linh đã xuất hiện nhiều

mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế. Nhiều đề tài khoa học đã được triển khai và được người dân hưởng ứng tích cực, bước đầu đã đưa lại các kết quả rất khả quan.

Với việc phát triển và nhân rộng các cánh đồng mẫu lớn thì việc ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất là yếu tố rất cần thiết. Qua đó, giảm công lao động, đảm bảo tính thời vụ, giảm thất thoát sau thu hoạch.

Trong những năm qua với sự hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cùng với sự nỗ lực của Hội Khoa học kỹ thuật và ngành nông nghiệp huyện trong

trên 150 triệu đồng.

Các mô hình chăn nuôi như mô hình nuôi lợn nái, lợn thịt ngoại và lai, nuôi bò nhốt ở quy mô hộ gia đình và trang trại đem lại hiệu quả kinh tế cao, nhiều hộ gia đình và trang trại cho thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm.

Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đề án chuyển đổi sinh kế; Huyện Vĩnh Linh đã xây dựng chương trình hành động đã tập trung đầu tư phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật; xác lập, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm. Cụ thể như:

Xây dựng 4 mô hình nhà màng trồng rau, củ, quả sạch (gồm 3 mô hình



Mô hình trồng dưa lưới tại Vĩnh Linh. Ảnh: Baoquangtri.vn

công tác đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất đến tận người dân. Đến năm 2017, trên địa bàn huyện Vĩnh Linh có trên 9.650 ha diện tích canh tác đưa vào sản xuất cho giá trị thu nhập cao từ 70 triệu đồng mỗi năm trở lên. Trong đó có hơn 4.000 ha có thu nhập

thỏ canh và 1 mô hình thủy canh) tại 2 xã Vĩnh Trung, Vĩnh Tú với tổng diện tích 5.500m², kinh phí đầu tư trên 4,6 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 300 triệu đồng, ngân sách huyện hỗ trợ 900 triệu đồng, còn lại là của doanh nghiệp. Xây dựng 01 mô hình sản xuất tiêu sạch

áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến với quy mô 01 ha tại xã Vĩnh Kim, dự toán kinh phí xây dựng 1,2 tỷ đồng. Ngoài ra, còn có mô hình trồng thử nghiệm vùng nguyên liệu Dừa với quy mô 21,2 ha. Đang chuẩn bị triển khai trồng 100 ha ớt xuất khẩu và nhiều mô hình chuyển đổi sinh kế tại một số xã, bước đầu mang lại hiệu quả. Đã xây dựng nhãn hiệu tập thể cho tiêu Vĩnh Linh; nhãn hiệu tập thể cho “Ném Vĩnh Linh”, “Khoai môn Vĩnh Linh”, “Đậu xanh Vĩnh Giang”, “Dừa hấu Vĩnh Tứ”, “Lạc Vĩnh Linh”,...



Nhãn hiệu tập thể Ném Vĩnh Linh.
Ảnh: iplib.noip.gov.vn

Để đảm bảo đầu ra cho sản phẩm, UBND huyện Vĩnh Linh hiện đang tiến hành xây dựng 2 lô quầy tại chợ Hồ Xá, 02 lô quầy tại di tích Quốc gia đôi bờ Hiền Lương và di tích Làng địa đạo Vịnh Mốc để bày bán và giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp trồng tại các mô hình ứng dụng công nghệ cao và các sản phẩm nông sản sạch trên địa bàn tới người tiêu thụ.

Trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Một số công nghệ mới ở trong nước và nước ngoài được áp

dụng và du nhập vào địa bàn như công nghệ sản xuất giấy bao bì (Kraft và Duplex) và giấy vệ sinh của Trung Quốc, dây chuyền chế biến cao su mũ cốm SVR - 3L và SVR 12-20 của Việt Nam, sản xuất gạch bằng công nghệ gạch không nung, sản xuất nước bằng công nghệ thẩm thấu ngược R/O của Mỹ, chế biến gỗ... đầu tư đổi mới công nghệ, đăng ký nhãn hiệu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong xử lý môi trường ngày càng được các nhà đầu tư quan tâm,...



Nhãn hiệu tập thể Đậu xanh Vĩnh Giang. Ảnh: iplib.noip.gov.vn

Trong lĩnh vực giáo dục: Ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy và học tập ở các bậc học. Sử dụng phần mềm vào soạn thảo giáo án điện tử, quản lý học sinh. Các trường đã ứng dụng các phần mềm vào quản lý trường học do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát hành đã được triển khai ứng dụng rộng rãi trong các nhà trường (Phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý học sinh, phần mềm quản lý tài chính, phần mềm quản lý phổ cập giáo dục, phần mềm hỗ trợ soạn, giảng...) nhìn

chung có hiệu quả.

Trong lĩnh vực Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân: Hệ thống y tế từ huyện đến xã, thị trấn tiếp tục được củng cố và hoàn thiện cả về cơ sở vật chất và đội ngũ y, bác sỹ, cán bộ y tế. Đề án hỗ trợ đào tạo, thu hút cán bộ y tế trên địa bàn đã góp phần tích cực vào việc nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế. Việc nghiên cứu, sáng kiến khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đặc biệt được quan tâm, mang lại hiệu quả tích cực như: việc ứng dụng, tiếp thu sự chỉ đạo tuyến của y tế tuyến tỉnh trong mổ trĩ bằng phương pháp phaco, mổ nội soi túi mật, sỏi niệu quản, sử dụng máy xét nghiệm nhiều thông số, siêu âm đa chiều, nghiên cứu tình hình sử dụng thuốc kháng sinh sau mổ, “Nghiên cứu tình hình bệnh viêm khớp dạng thấp ở người cao tuổi, bệnh lao...” Ứng dụng phần mềm trong khám chữa bệnh, trong việc quản lý thuốc BHYT, trong điều tra, thống kê dịch bệnh. Hiện có 06 trạm y tế đã có máy siêu âm, 22 trạm y tế có máy đo đường máu, máy điện tim.

Trong công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ: Triển khai thực hiện các chương trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 - 2008 vào hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước: Đến nay, trên địa bàn huyện đã có 40 quy trình được áp dụng tại 12 phòng ban trên 28 lĩnh vực của đời sống xã hội. Xây dựng trang thông tin điện tử của huyện và phần mềm quản

lý văn bản thay cho kênh điều hành tác nghiệp sử dụng từ năm 2009. Ứng dụng phần mềm một cửa điện tử, một cửa liên thông trên phạm vi toàn huyện. Công tác quản lý đo lường hoạt động một cách khoa học và hiệu quả,...

Đạt được kết quả trên là nhờ sự quan tâm, chỉ đạo của Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND huyện; sự phối hợp của các phòng ban cùng sự nỗ lực toàn thể nhân



Cơ giới hóa trong khâu làm đất tại Vĩnh Linh. Ảnh: tinhhuyquangtri.vn

dân trong toàn huyện; tranh thủ nguồn hỗ trợ có hiệu quả từ ngân sách Trung ương, tỉnh; Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 - 2020, Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND.

Cơ quan chuyên môn đã chủ động tham mưu giúp UBND huyện xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm. Tăng cường công tác

quản lý nhà nước về đo lường chất lượng, chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm,... Tham mưu giúp Hội đồng Khoa học và công nghệ huyện thẩm định, lựa chọn các dự án có chất lượng, có tính khả thi, ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn đời sống...

Có thể nói, bằng nhiều giải pháp tích cực, hiệu quả đồng thời phát huy tiềm lực của địa phương, sự phối hợp của các ban, ngành đoàn thể đã thực sự góp phần giúp cho hoạt động khoa học và công nghệ của huyện Vĩnh Linh có được nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như: Tiềm lực và hoạt động KH&CN của huyện ở một số lĩnh vực còn yếu chưa ngang tầm với nhiệm vụ được giao; Đầu tư cho công tác nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật tiến bộ mới còn nhiều hạn chế; Nhiều đơn vị chưa chú trọng đến nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong hoạt động chuyên môn cũng như trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN được giao. Mạng lưới tổ chức quản lý về KH&CN từ huyện xuống xã tuy đã được hình thành song hiệu quả hoạt động chưa cao; Đội ngũ cán bộ KH&CN tuy có bước trưởng thành song vẫn còn mỏng, trình độ năng lực hạn chế, một số chưa thực sự say mê với công việc; Ở các xã, thị trấn chưa có cán bộ chuyên trách về hoạt động KH&CN. Tiến bộ KH&CN đưa vào sản xuất và đời sống còn chậm; Nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN đạt hiệu quả cao trong nghiên cứu, thực nghiệm song chậm được nhân rộng và phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Việc tiếp cận, lựa chọn công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật trong nước, quốc tế để ứng dụng

vào sản xuất và đời sống Nhân dân còn hạn chế; Chưa tạo được những bước đột phá quan trọng về KH&CN trong việc phát triển sản xuất để tạo ra những sản phẩm hàng hóa lớn, giá trị kinh tế cao. Việc đầu tư ứng dụng, chuyển giao KH&CN trên lĩnh vực phi nông nghiệp của huyện trong những năm qua tỷ lệ còn thấp, chỉ mới tập trung vào các nội dung quy hoạch lĩnh vực; Nhiệm vụ đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp của huyện chuyển biến chậm; Phần lớn các doanh nghiệp chưa xây dựng được



Trang thông tin điện tử huyện Vĩnh Linh.

Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

lộ trình đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm; Đầu tư ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp được quan tâm song còn dãn trải, thiếu trọng tâm và chưa có nhiều chiến lược toàn diện, bền vững.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nói trên là do:

Về nhận thức, một số cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, đơn vị chưa ý thức được vai trò quan trọng của KH&CN đối với sự phát triển nên chỉ đạo, điều hành thiếu trọng tâm, kiên quyết, chưa tạo được phong trào ứng dụng trong nhân dân; Bên cạnh đó còn

xem các hoạt động KH&CN là việc của cơ quan khoa học nên chưa huy động được sức mạnh của hệ thống chính trị, sức mạnh khối đoàn kết toàn dân trong thực hiện. Công tác phối kết hợp giữa các cơ quan, đơn vị làm công tác khoa học trên địa bàn đang còn hạn chế. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào dự án đầu tư của Nhà nước của một bộ phận cán bộ và nhân dân vẫn còn tồn tại đã làm giảm tính năng động, sáng tạo trong thực hiện các nội dung KH&CN. Lực lượng cán bộ kỹ thuật, cơ sở vật chất cho nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ còn mỏng, năng lực và trình độ của cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn hạn chế nên việc tham mưu và tổ chức thực hiện các nội dung KH&CN đạt hiệu quả chưa cao.

Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ KH&CN trong thời gian tới, huyện Vĩnh Linh sẽ tập trung vào các nội dung giải pháp sau:

Tuyên truyền, tăng cường hoạt động thông tin, phổ biến tri thức KH&CN, tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến kỹ thuật cho các địa phương, các tổ chức cá nhân trên địa bàn, xây dựng các chuyên mục KH&CN trên hệ thống phát thanh của địa phương; Tăng cường nguồn nhân lực hoạt động KH&CN, có chế độ chính sách cụ thể khuyến khích năng lực tư duy nghiên cứu sáng tạo...

Xây dựng quy chế phối hợp về khoa học công nghệ, phối hợp xây dựng

cơ chế chính sách liên kết 4 nhà: Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học và Nhà nông để phát triển; Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, đưa nhanh tiến bộ KH&CN, xây dựng vùng sản xuất tập trung, chuyên canh để tạo điều kiện cho việc sản xuất chế biến nông sản, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa. Tăng cường hơn nữa công tác chuyển giao công nghệ - khoa học kỹ thuật cho nông dân một cách đồng bộ, phấn đấu nâng cao trình độ công nghệ và giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản; chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp, đồng thời đẩy nhanh việc khảo sát, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn theo quy định của quốc gia. Tăng cường hơn nữa việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản để thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế nông nghiệp, góp phần xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, hiệu quả và bền vững, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Có chính sách thu hút để tuyển dụng cán bộ KH&CN giỏi làm việc trong các cơ quản lý Nhà nước về KH&CN tại huyện.

Phối hợp với Sở KH&CN tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tổ chức các hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; chống hàng giả, hàng kém chất lượng, góp phần bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và các doanh nghiệp.

T.H.H



QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH TÁI CƠ CẤU HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

LÊ THANH NAM

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Một trong những nhiệm vụ đặt ra là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ mà trước hết là đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính.

Đặc biệt, theo nội dung Đề án Tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 2245/QĐ-TTg ngày 11/12/2015).

Theo đó, tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ tập trung các nội dung: Tái cơ cấu hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập và toàn bộ hệ thống các tổ chức khoa học và công

nghệ nói chung; Tái cơ cấu nguồn nhân lực ở các trình độ khác nhau và các lĩnh vực khác nhau; Tái cơ cấu đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ để không còn tình trạng chỉ có một nguồn kinh phí duy nhất từ ngân sách nhà nước; Tái cơ cấu nền tài chính dành cho khoa học và công nghệ, chuyển mạnh sang cấp phát theo cơ chế quỹ, giao cho các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng. Toàn ngành phải

thực hiện cơ chế đặt hàng để xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp quốc gia đến cấp cơ sở; Tái cơ cấu hệ thống luật pháp về khoa học và công nghệ, nhằm nâng cao năng lực nội sinh của ngành, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Với quan điểm cơ cấu lại các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển



Hội đồng KH&CN nghiệm thu đề án nghiên cứu khoa học: "Công giáo Quảng Trị từ 1975 đến nay, thực trạng và giải pháp". Ảnh: Hải Yến

công nghệ gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm; với yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và nền kinh tế. Các cơ chế mới áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cụ thể hóa theo quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ những quy định về: trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trên tinh thần "tái cơ cấu nền tài chính dành cho khoa học và công nghệ, chuyển mạnh sang cấp phát theo cơ chế quỹ, giao cho các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng", ngày 17/4/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và Thông tư

Liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó, các ngành, địa phương đã tiến hành cập nhật các hướng dẫn mới để ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Cùng với các tỉnh thành khác, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (QĐ số 11/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị).

Cùng với các hướng dẫn mang tính đột phá đó, việc thực hiện xã hội hóa trong hoạt động nghiên cứu khoa học, huy động các nguồn lực trong xác định và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, định hướng liên kết xác định và thực hiện nhiệm vụ khoa học

và công nghệ cấp tỉnh dần hình thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học với doanh nghiệp và các tổ chức khác để xác định và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Khi đó, kinh phí từ ngân sách nhà nước sẽ mang tính chất hỗ trợ theo quy định, hướng tới thực hiện cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ (PPP) thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xác lập trên cơ sở các đối tác công và đối tác tư ký thỏa thuận đóng góp nguồn lực cùng xác định, thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ và khai thác, sử dụng các kết quả tạo ra (Quyết định số 1931/QĐ-TTg ngày 07/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ (PPP) thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ngày 11/8/2017, Bộ KH&CN ban hành Thông tư số 11/2017/TT-BKHCN Quy định quản lý thực hiện Đề án “Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”, Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/10/2017.

Quảng Trị đã định hướng cơ cấu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hướng tập trung phát triển các công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ năng lượng mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, cơ cấu ưu tiên các dự án sản xuất thử nghiệm, các dự án khoa học và công nghệ về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng có triển vọng nhằm nâng cao giá trị và tính cạnh tranh của các sản phẩm đó theo yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp.

Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm trên cơ sở dự toán nguồn ngân sách nhà nước được duyệt và các nguồn kinh phí khác cân đối cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong năm kế hoạch và các năm tiếp theo tương ứng với thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt.

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quản lý, sử dụng theo các quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành, căn cứ dự toán kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được UBND Tỉnh giao theo năm kế hoạch. Việc cấp kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Tỉnh hoặc các đơn vị dự toán cấp II, cấp III. Giám đốc Quỹ và thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp II, cấp III có trách nhiệm cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì tại Kho bạc Nhà nước theo tiến độ xác định trong hợp đồng.

Thực hiện cơ chế cấp kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Tỉnh ở một số địa phương gặp phải một số vướng mắc sau đây:

Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, từ khâu xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, thẩm định nội dung, kinh phí để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ đến khâu kiểm

tra định kỳ, giám sát và tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chức năng quản lý. Theo quy định, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện thông qua hợp đồng được ký kết do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức chủ trì.

Tuy nhiên, theo quy định tại các văn bản nêu trên thì Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh là đơn vị cấp phát và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Để có cơ sở tiến hành cấp phát, thanh quyết toán kinh phí, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh cần phải được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức chủ trì, phải có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện cũng như tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong khi đó, hiện nay nhiệm vụ này theo quy định là trách nhiệm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ. vướng mắc này, tỉnh Bình Thuận đã có văn bản đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quy trình quản lý, cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Công văn số 3318/UBND-KGVX ngày 25/8/2017).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý và cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, đồng thời để đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và hướng dẫn cụ thể các vấn

đề liên quan hoạt động của các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Bộ Tài chính đã đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sớm nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và cho phép các địa phương chưa thực hiện các quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cho đến khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP (Công văn số 5264/KBNN-KSC ngày 02/11/2017 của Kho Bạc Nhà nước trả lời Vụ Hành chính sự nghiệp về việc quản lý, cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Hơn nữa vướng mắc nói trên còn liên quan đến những quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 29/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 15/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ.

Như vậy, nội dung về cơ chế tài chính - một trong những nội dung mang tính đột phá là tái cơ cấu nền tài chính dành cho khoa học và công nghệ vẫn đang còn chờ những hướng dẫn cụ thể tiếp theo từ Bộ Khoa học và Công nghệ. Các địa phương hy vọng rằng những hướng dẫn sắp tới sẽ đưa những điểm mới trong hoạt động khoa học và công nghệ từ Nghị quyết số 20-NQ/TW vào cuộc sống./.

L.T.N



QUẢNG TRỊ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHÚ TRỌNG CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THU HÚT ĐẦU TƯ

BÙI THỊ HỒNG PHƯƠNG


Phó Giám đốc Sở Nội vụ Quảng Trị

Công tác cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Đảng và Nhà nước quan tâm, thực hiện nhằm góp phần phát triển kinh tế, ổn định trật tự xã hội. Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ giai đoạn 2011 - 2020, thời gian qua công tác cải cách hành chính luôn được lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp ủy chính quyền các cấp tập trung chỉ đạo quyết liệt triển khai đồng bộ và đạt được nhiều kết quả nổi bật, đã tạo được sự đồng thuận trong toàn xã hội.

Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành đã xây dựng kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và những nội dung cần thực hiện đảm bảo tiến độ và chất lượng. Công tác kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên; những thủ tục không còn phù hợp được bãi bỏ và thay thế, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông và mô hình một cửa điện tử đã tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm được thời gian cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết TTHC. Tổ chức bộ máy của cơ quan hành chính nhà nước các cấp được sắp xếp đúng quy định và phù hợp. Chất lượng đội ngũ

cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao, có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước có bước đột phá. Từ những kết quả đó, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh năm 2015 chỉ đứng thứ 40/63 và năm 2016 đã vươn lên vị trí thứ 14/63 tăng 26 bậc.

Phát huy những kết quả đồng bộ công tác CCHC đã đạt được, đồng thời hướng tới mục tiêu nâng cao mức độ lòng người dân, doanh nghiệp, tỉnh đã đặc biệt chú trọng đến công tác cải cách thủ tục hành chính theo đúng tinh thần của Chính phủ, tạo môi trường thuận lợi,


UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
HỆ THỐNG HỖ TRỢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TRANG CHỦ
ĐĂNG KÝ HỒ SƠ QUA MANG
TRẢ CỨU KẾT QUẢ
KHẢO SÁT ĐỒ HẸI LÒNG
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
Đăng nhập hệ thống

THÔNG TIN HỒ SƠ

Tổ chức: -- Số KH & CN

Lĩnh vực: Hoạt động Khoa Học & Công Nghệ

Loại hồ sơ: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Hồ sơ gồm có:
 Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
 Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao có công chứng)
 Dự án sản xuất, kinh doanh
 Quyết định phê duyệt Đề án chuyển đổi

Số lượng hồ sơ: Số lượng hồ sơ

Ghi chú:

File đính kèm: Choose File No file chosen

THÔNG TIN NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Họ tên người nộp: CMND/Hộ chiếu: CMND/Hộ chiếu

Giới tính: Nam Nữ

Ngày sinh: dd/mm/yyyy

Dân tộc:

Điện thoại: Điện thoại

Email: Email

Hình thức nộp: Trực tiếp

Đối tượng: Cá nhân

Họ tên người đứng tên: Họ tên người đứng tên

Địa chỉ: Địa chỉ

Điện thoại người đứng tên: Điện thoại người đứng tên

Nộp qua bưu điện:

Nhận qua bưu điện:

Thực hiện lại
Đăng ký

Hệ thống hỗ trợ cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị tại địa chỉ <http://motcuadientu.quangtri.gov.vn>. Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

minh bạch nhằm thu hút đầu tư.

Nhận thức rõ yêu cầu nhiệm vụ, trong những năm qua tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn về công tác kiểm soát TTHC theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, đến nay UBND tỉnh Quảng Trị đã công bố 80 Quyết định với 1.357 thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và 892 thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thay thế. Đề nghị Cục Kiểm soát TTHC công khai 1.357 hồ sơ thủ tục hành chính, 30 hồ sơ văn bản; không công khai 892 hồ sơ thủ tục hành chính lên Cơ sở Dữ liệu quốc gia theo đúng quy định. 100% thủ tục hành chính sau khi công bố đã được công khai đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Nguồn lực phục vụ cho công tác

cải cách TTHC đã được bố trí đầy đủ; hệ thống cán bộ đầu mối về kiểm soát TTHC từ cấp tỉnh đến cơ sở đã được thiết lập và điều chỉnh kịp thời. Việc công bố, đơn giản hóa thủ tục hành chính, niêm yết công khai, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân và tổ chức trên địa bàn toàn tỉnh được thực hiện thường xuyên. Chủ động rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là những lĩnh vực nhạy cảm như: giấy phép xây dựng, giấy phép đầu tư, đất đai, lao động, thương binh và xã hội, hộ tịch... Qua đó đã rút ngắn thời gian giải quyết công việc, nâng cao chất lượng thực thi công vụ, tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh bình đẳng, thông thoáng thuận lợi, từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Cùng với việc rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai thực hiện đồng bộ đã rút ngắn thời gian chờ đợi,

giảm thiểu phiền hà, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện các quy định về quy chế văn hóa công sở như triển khai việc đeo thẻ công chức, viên chức khi thực thi nhiệm vụ; bố trí, sắp xếp phòng làm việc khoa học, gọn gàng, ngăn nắp; nơi làm việc được giữ gìn sạch đẹp, tạo cảnh quan văn minh, lịch sự...

Đến nay, các hoạt động về CCHC

ủy, chính quyền các cấp và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong tổ chức thực hiện CCHC nhằm thực hiện một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ về CCHC.

2. Tiếp tục xác định cải cách TTHC là nhiệm vụ then chốt gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện liên thông các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, tổ chức, cá



Trao giải Hội thi Tìm hiểu cải cách hành chính năm 2017 tại Sở KH&CN. Ảnh: Tư liệu

đã từng bước đi vào nề nếp, cơ bản đã giải quyết tốt các giao dịch hành chính với cá nhân và tổ chức. Tuy nhiên, công tác CCHC cũng như công tác cải cách thủ tục hành chính vẫn còn những tồn tại, khó khăn nhất định, nhằm đẩy mạnh công tác CCHC, trong đó chú trọng cải cách thủ tục hành chính góp phần đẩy mạnh công tác xúc tiến và thu hút đầu tư đối với sự phát triển của tỉnh cần tập trung các giải pháp sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về CCHC của cấp

nhân trong thu hút đầu tư, cấp phép xây dựng, giấy phép kinh doanh, sử dụng đất;... thường xuyên rà soát, chỉnh sửa hoặc bổ sung TTHC với mục tiêu đảm bảo thủ tục rõ ràng, đơn giản, thuận tiện và phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức và người dân tiếp cận dễ dàng, thuận lợi.

3. Thực hiện mô hình một cửa điện tử tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở 100% các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã để tạo

bước đột phá trong cải cách TTHC tạo thuận lợi tốt nhất cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc giải quyết và giao dịch với cơ quan hành chính. Nâng cao mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động quản lý hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của cơ quan hành chính các cấp.

quản chúng; kiểm tra, đôn đốc của các cơ quan chức năng đối với nhiệm vụ CCHC. Thực hiện nghiêm công tác đánh giá, chấm điểm CCHC đối với Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố, thị xã, xã, phường, thị trấn. Đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính.

Những cố gắng của tỉnh trong CCHC đều hướng đến phục vụ tốt nhu



Trao giải Cuộc thi tìm hiểu Cải cách hành chính năm 2017. Ảnh: Baoquangtri.vn

4. Hiện đại hóa hành chính thông qua việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý và xử lý văn bản, hồ sơ, thủ tục. Thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để người dân và doanh nghiệp có thể tra cứu, giám sát, đánh giá và phản ánh về việc thực hiện các thủ tục hành chính.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, giám sát của Hội đồng nhân dân và các Đoàn thể

cầu của người dân. Đặc biệt, trong thu hút đầu tư, bước đột phá này thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Tin tưởng rằng với sự nỗ lực không ngừng, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp là thước đo, công cuộc CCHC tỉnh Quảng Trị sẽ đạt hiệu quả tốt hơn nữa trong thời gian tới./.

B.T.H.P



Đồng chí Nguyễn Văn Hùng, UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Trị phát biểu tại hội thảo xúc tiến đầu tư vào tỉnh Quảng Trị.
Ảnh: www.quangtri.gov.vn

QUẢNG TRỊ TÍCH CỰC VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ **KHI SUỐI NHỎ VƯƠN MÌNH HÒA VÀO LÒNG BIỂN LỚN**

NGUYỄN LAN HƯƠNG

Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, quốc tế hóa đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ như hiện nay thì hội nhập kinh tế quốc tế được xem là một xu thế tất yếu khách quan. Nó không chỉ có tác động tích cực, tạo ra các cơ hội, đột phá mới cho sự phát triển mà còn là tiền đề quan trọng đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Song không chỉ có thời cơ và thuận lợi, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng tạo ra không ít rào cản và thách thức. Đặc biệt với những nền kinh tế có trình độ phát triển còn thấp như Quảng Trị thường phải trả “cái giá” đắt hơn. Tuy vậy, không phải vì thế mà Quảng Trị đóng cửa, bó hẹp mình lại hay từ bỏ con đường hội nhập với thế giới mà trái lại luôn trong trạng thái chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế để chuyển hóa những thách thức thành cơ hội.

Trong điều kiện phát triển kinh tế với xuất phát điểm ở trình độ thấp, chủ yếu là sản xuất nhỏ, lạc hậu, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế chưa cao, nguồn lực đầu tư còn nhiều hạn chế, môi trường đầu tư còn kém hấp dẫn, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Trị thực sự trải qua những tháng năm trăm trở, tìm tòi những hướng đi, cách làm mới nhằm tháo gỡ khó khăn, tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài thông qua hội nhập kinh tế quốc tế. Chính trong những thời điểm thử thách đó, nhiều Nghị quyết chuyên đề, Chỉ thị, Chương trình hành động được Tỉnh ủy,

động số 34-CTHĐ/TU ngày 5/2/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIV) về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 5/2/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về một số chính sách, chủ trương lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới; Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Trị ngày 17/10/2007 về tăng cường công tác đối ngoại và mở rộng hợp tác quốc tế đến năm 2015 có tính đến năm 2020; Chương trình hành động số 980/CTr-UBND ngày 24/4/2008



Đồng chí Nguyễn Văn Hùng, UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Trị và đồng chí Xăn Ty Phạ Phôm Vi Hân, Bí thư Tỉnh ủy, Tỉnh trưởng tỉnh Savannakhet (Lào) ký kết văn bản thỏa thuận hợp tác giữa hai tỉnh giai đoạn 2017 – 2019. Ảnh: Baoquangtri.vn

UBND tỉnh kịp thời ban hành nhằm tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế phù hợp với xu thế cũng như thực tiễn phát triển của địa phương, đặc biệt là Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12/12/2006 của Tỉnh ủy Quảng Trị về khai thác tiềm năng, lợi thế Hành lang kinh tế Đông - Tây; Chương trình hành

của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 09 của Tỉnh ủy; Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Và gần đây nhất là Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày

25/7/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về tiếp tục đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 5/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh nhà, sự chỉ đạo của chính quyền các cấp, các ngành, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Quảng Trị thời gian qua được thực hiện với những bước đi khá vững chắc, tạo nên

kinh tế quốc tế không ngừng được nâng cao, tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện và chủ động nắm vững luật chơi trong sân chơi toàn cầu hóa. Nền kinh tế mở đang từng bước hình thành dần phá vỡ mô hình kinh tế khép kín trước đây, các quan hệ kinh tế đang vận động một cách thông thoáng, chuyển giao liên tục. Những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, thị trường xuất khẩu ổn định



Lãnh đạo 3 tỉnh Quảng Trị - Savannakhet - Salavan ký kết văn bản hợp tác trong vấn đề bảo vệ đường biên giới. Ảnh: Baoquangtri.vn

những bước chuyển biến căn bản và bước đầu mang lại nhiều kết quả quan trọng góp phần đưa Quảng Trị từ một địa phương có nền kinh tế kém phát triển đang phấn đấu đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước vào năm 2020.

Với việc kịp thời ban hành, sửa đổi các văn bản, chính sách cũng như hỗ trợ tích cực nhằm định hướng thông tin hội nhập từ phía cơ quan quản lý nhà nước mà tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp về hội nhập

được định hình và ngày càng mở rộng, bước đầu phát huy các lợi thế so sánh của địa phương. Bên cạnh đó, tỉnh đã thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị tốt đẹp với trên 15 đơn vị hành chính đồng cấp của nước ngoài, gần 60 tổ chức quốc tế, phi chính phủ nước ngoài và liên chính phủ, 20 nhà tài trợ quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng hiệu quả hơn. Trên địa bàn tỉnh hiện đang triển khai thực hiện 14 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 47 triệu USD;

46 chương trình, dự án và khoản viện trợ phi dự án do các tổ chức NGOs tài trợ ước đạt gần 63 triệu USD và 26 dự án ODA với tổng mức đầu tư trên 5.000 tỷ đồng thể hiện vững chắc niềm tin và kỳ vọng của nhà đầu tư, cộng đồng tài trợ quốc tế đối với Quảng Trị. Công tác quản lý, bảo vệ đường biên, cột mốc và tình hình chung trên tuyến biên giới giữa 3 tỉnh Quảng Trị - Savannakhet -

chảy hội nhập hiện nay đang đặt ra nhiều thách thức đối với quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, chính quyền tỉnh nhà. Tư duy hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn chậm chuyển biến, phiến diện, ngắn hạn, cục bộ và thiếu sự chuẩn bị. Hội nhập đã đưa doanh nghiệp nhập vào biển lớn nhưng cách thức quản lý, hoạt động, sản xuất của doanh nghiệp chúng



Hội nghị khu vực Bắc Trung Bộ về "Hội nhập quốc tế và phát triển bền vững trong bối cảnh mới: Cơ hội và thách thức với địa phương, doanh nghiệp". Ảnh: Baoquangtri.vn

Salavan được tăng cường và giữ vững ổn định góp phần xây dựng biên giới Việt - Lào hoà bình, hữu nghị và hợp tác cùng phát triển.

Tuy vậy so với yêu cầu, hội nhập kinh tế quốc tế của Quảng Trị vẫn còn nhiều hạn chế. Việc hoạch định chủ trương và chỉ đạo thực hiện hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng bộ tỉnh trên thực tế còn có nhiều khía cạnh cần phải tiếp tục hoàn thiện để phát huy tối đa những lợi ích mà quá trình hội nhập đem lại; đặc biệt là trong dòng

ta vẫn bơi trong "ao làng" nên khó nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm lối ra hiệu quả và hướng đi đúng đắn. Bởi lẽ, cơ hội sẽ chỉ đến với những doanh nghiệp có tư duy đổi mới và sẵn sàng cho việc hội nhập. Bên cạnh đó, các chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế triển khai đến thực tế địa phương còn khoảng cách khá xa tạo nên độ trễ khá lớn từ chính sách đến hành động dẫn đến kết quả thực hiện chưa đạt như những gì chúng ta phấn đấu và kỳ vọng. Chúng ta cũng chưa tranh thủ được những



Ký kết biên bản ghi nhớ giữa Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị và Tập đoàn Noble House Spice ở bang California Mỹ. Ảnh: Quangtri.gov.vn

cơ hội để nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế cũng như những lợi ích mở rộng thị trường, nâng cao năng suất, chuyển giao công nghệ và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu mà hội nhập mang lại. Quá trình hội nhập đem đến nhiều lợi ích, cơ hội nhưng tất yếu song hành đưa tình nhà đối diện với không ít thách thức, rủi ro, trước hết là sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm bởi sự cạnh tranh quyết liệt đã làm cho nhiều cơ sở sản xuất, nhiều doanh nghiệp bị phá sản hay phải tiến hành tinh giảm biên chế; đặc biệt nếu lao động không có tay nghề, kỹ thuật sẽ đối diện với nguy cơ bị đào thải rất lớn. Do vậy, nếu không có những chiến lược tổng thể, tư duy dài hạn, chủ trương đúng đắn, khôn khéo và phương pháp linh hoạt, sáng tạo thì hội nhập kinh tế quốc tế vô tình sẽ trở thành những rào cản rất lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Hiện nay, đất nước đã bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sâu sắc và toàn diện hơn bao giờ hết khi tham gia các hiệp định thương mại với

nhiều nước, nhiều nền kinh tế có quy mô lớn trên toàn cầu thì chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Ngoài trách nhiệm là một dòng suối nhỏ đồng hành cùng Chính phủ hòa mình vào biển lớn hội nhập, mỗi địa phương đều có thể mạnh cho riêng mình trong quá trình hội nhập. Nhiều địa phương trong khu vực đã tiến xa hơn so với Quảng Trị trên con đường hội nhập quốc tế. Điều đó đặt ra cho Đảng bộ tỉnh Quảng Trị một nhiệm vụ hết sức nặng nề và khó khăn là cần phải xem xét, nhận biết được xu thế, diễn biến của kinh tế thế giới để phát hiện thời cơ, lợi thế cần khai thác, thách thức cần đối phó, phòng chống nhằm chủ động và tích cực mở rộng, nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế, tạo động lực thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vai trò, khẳng định vị thế của Quảng Trị trên đấu trường quốc tế.

Để thực hiện thắng lợi tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế mà Đại hội Đảng toàn quốc khóa XII và Đại hội Đảng bộ

tỉnh khóa XVI đề ra, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị nhất quán quan điểm giữ vững đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đề cao tính tích cực, chủ động, đa phương hóa, đa dạng hóa trong hội nhập quốc tế; kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp theo phương châm lấy nội lực làm yếu tố có ý nghĩa quyết định, lấy ngoại lực làm yếu tố có ý nghĩa quan trọng. Đồng thời, hết sức chủ động, linh hoạt, sáng tạo với tư duy đổi mới mạnh mẽ, nhạy bén quán triệt và cụ thể hóa đường lối hội nhập thành các chính sách, chương trình, kế hoạch cụ thể. Xem hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị, trong đó doanh nghiệp, doanh nhân, đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu. Quảng Trị không có nhiều lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, không có các doanh nghiệp đầu đàn đủ sức tham gia hội nhập kinh tế quốc tế đang trở thành những rào cản rất lớn nên việc xác định chính xác mình đang ở đâu, không “tô hồng” thực tế để xây dựng chiến lược cũng như lộ trình phù hợp nhằm hiện thực hóa việc khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực là hết sức quan trọng.

Cùng với việc không ngừng hoàn thiện chủ trương, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự chủ động, tích cực trong nhận thức, cách nghĩ, cách làm, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Trị cần chú trọng nâng cao năng lực chỉ đạo hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế. Trên cơ sở đó sẽ triển khai toàn diện, cụ thể, đồng bộ đến các cấp, các ngành bằng những chương trình, kế hoạch cho từng giai đoạn nhất định và trong những hoạt động cụ thể sẽ là những yếu tố quyết định sự thành công của công cuộc hội nhập quốc tế của địa phương. Bên cạnh đó, tập trung cải thiện môi trường kinh

doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tăng cường các liên kết kinh tế nhất là đẩy mạnh khai thác tiềm năng, lợi thế của tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây, thu hút có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư ngoài nước cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh đầu tư ra nước ngoài, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết tốt các vấn đề môi trường, giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm an toàn xã hội cũng được tỉnh xác định là những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và quyết tâm lãnh đạo thực hiện nhằm tạo nền tảng vững chắc cho địa phương tiến bước trên con đường hội nhập và phát triển.

Có thể nói, cơ hội và thách thức luôn song hành khi Quảng Trị xác định hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt. Thời đại luôn tiềm ẩn trong nó những thách thức và thách thức sẽ biến thành cơ hội trong những điều kiện cụ thể mà ở đó chúng ta luôn trong trạng thái chủ động đương đầu, không bỏ lỡ bất kỳ thời cơ nào. Những thành quả hội nhập kinh tế quốc tế hiện tại chỉ là những nỗ lực của quá khứ, quan trọng hơn hết là giá trị kỳ vọng tương lai được quyết định bởi chiến lược và lộ trình hội nhập phù hợp với bối cảnh thị trường và năng lực cốt lõi của địa phương. Tin tưởng rằng trong thời gian tới, với tâm thế chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế cùng sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự nỗ lực của toàn quân, toàn dân trên địa bàn tỉnh, Quảng Trị sẽ mạnh mẽ vượt qua mọi sóng gió để vươn mình hòa vào lòng biển lớn hội nhập./.

N.T.L.H



NGHIÊN CỨU SỰ NHIỄM VI RÚT ĐỐM TRẮNG (WSSV) Ở TÔM CÀNG (MACROBRACHIUM NIPPONENSE) VÀ KHẢ NĂNG LAN TRUYỀN BỆNH SANG TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (LITOPENAEUS VANNAMEI)

TRƯƠNG THỊ MỸ HẠNH¹, PHẠM THẾ VIỆT¹,
PHAN TRỌNG BÌNH¹, HUỖNH THỊ MỸ LỆ², PHAN THỊ VÂN¹

¹ Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I

² Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tóm tắt:

Vi rút đốm trắng (WSSV) là tác nhân gây bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng tôm nuôi. Mục đích chính của nghiên cứu nhằm xác định tôm càng (*Macrobrachium nipponense*) có phải là vector lan truyền bệnh đốm trắng ở tôm hay không. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tôm càng (*M. nipponense*) thu được trong ao nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) bị bệnh đốm trắng có kết quả dương tính với WSSV khi xác định bằng phương pháp phân tích PCR. Trong thí nghiệm sử dụng phương pháp ngâm tôm càng trong môi trường nuôi chứa WSSV khoảng 120 phút, tôm đã bị nhiễm WSSV. WSSV lan truyền từ tôm càng sang tôm thẻ chân trắng sau 5 ngày khi chúng được nuôi nhốt trong cùng điều kiện môi trường. Điều này cho thấy, tôm càng là vector mang WSSV và

là nguồn lây nhiễm WSSV lên tôm nuôi trong ao.

Mở đầu

Vi rút đốm trắng (white spot syndrome virus - WSSV) là tác nhân gây bệnh đốm trắng ở tôm. Tại Việt Nam, WSSV lần đầu tiên gây ra tình trạng tôm nuôi chết hàng loạt ở Bà Rịa - Vũng Tàu (1993), tiếp đó là ở Phú Yên, Khánh Hòa (1994) và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (1993-1994) [1-3]. Đặc biệt, năm 2015 bệnh đốm trắng đã xảy ra trên diện rộng, trải dài từ Quảng Ninh đến Cà Mau (tại 254 xã, 78 huyện thuộc 23 tỉnh, thành phố trong cả nước) với tổng diện tích nuôi tôm bị bệnh là hơn 5.200 ha (Cục Thú y, 2015). Trên thế giới, WSSV cũng đã mở rộng phạm vi ảnh hưởng từ Đài Loan (năm 1992) [4], Nhật Bản, Hàn Quốc (năm 1993) [5, 6], Malaysia và Ấn Độ (năm 1994) [7, 8], Indonesia

(năm 1995) và Philippin (năm 1999) - một đất nước nằm cách xa các nước đã xảy ra dịch bệnh vùng Đông và Đông Nam Á [9]. Không chỉ xuất hiện ở châu Á, bệnh đốm trắng còn được phát hiện tại Taxes, Bắc Mỹ vào tháng 11/1995 [10], phía nam Carolina năm 1996 [11]. Gần đây nhất, bệnh xuất hiện ở hộ nuôi tôm thuộc Saudi Arabia, Mozambique và Madagascar vào năm 2011 [12].

Hình thức lây nhiễm của WSSV lên tôm nuôi theo cả chiều ngang (thông qua môi trường nước, thức ăn...) và chiều dọc (từ tôm bố mẹ truyền sang tôm con) [13, 14]. Hơn nữa, vi rút có phổ ký chủ rộng, từ các loài thuộc giáp xác (cua, Artemia, Copepod...), chân chèo đến các động vật chân đốt khác [15]. Theo thống kê có đến 151 loài sinh vật thuộc 6 nhóm (giáp xác, nhuyễn thể, sinh vật phù du, giun nhiều tơ, côn trùng và gia cầm) mang WSSV, trong đó nhiều nhất phải kể đến tôm (65 loài) [16], tuy nhiên khả năng gây bệnh của vi rút này trên tôm có sự khác biệt theo loài (WSSV nhiễm lên tôm càng xanh (*M. rosenbergii*) nhưng không làm chết tôm [17, 18], tuy nhiên lại gây chết với tỷ lệ cao ở tôm sú, tôm he và tôm thẻ chân trắng [4, 12]). Tại Việt Nam, những nghiên cứu về các loài sinh vật mang WSSV có thể lây truyền sang tôm nuôi còn nhiều hạn chế; việc nghiên cứu bổ sung thêm loài sinh vật mang WSSV là rất quan trọng và đặc biệt cần thiết.

Mục đích của nghiên cứu này nhằm xác định tôm càng (*M. nipponense*), một loài tôm xuất hiện phổ biến ở cửa sông và quanh khu vực nguồn cấp nước vào ao lắng của các hộ nuôi tôm tập trung tại Nam Định nói riêng, các tỉnh phía Bắc nói chung có phải là vector lan truyền bệnh đốm trắng ở tôm hay không. Nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định, nhận biết thêm loài mang WSSV

và là cơ sở để kiểm soát mối nguy sinh học tiềm ẩn gây bệnh cho tôm nuôi qua phương thức lây truyền bệnh theo chiều ngang.

Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

Tôm càng (*M. nipponense*)

M. nipponense được thu trong ao nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại Nam Định, mật độ thả tôm thẻ chân trắng là 70 - 80 con/m². Tôm thẻ chân trắng thả nuôi bắt đầu từ tháng 4/2016, sau 1,5 tháng thả nuôi, tôm thẻ chân trắng có biểu hiện chết rải rác và đến cuối tháng nuôi thứ 2 (nuôi được 60 ngày tuổi) tôm chết với tỷ lệ cao. Nguyên nhân tôm thẻ chân trắng chết được xác định là do nhiễm WSSV. *M. nipponense* dễ dàng thu được bằng sàng cho tôm ăn, thức ăn của tôm thẻ chân trắng được thả vào sàng, sau 30 phút nhắc sàng lên và thu mẫu *M. nipponense* khi chúng vào sàng ăn thức ăn của tôm thẻ chân trắng. *M. nipponense* được thu ở thời điểm cuối tháng nuôi thứ 2 của chu kỳ nuôi tôm thẻ chân trắng. Mẫu thu được rửa sạch 3 lần bằng dung dịch PBS (pH = 7,4), sau đó giữ ở nhiệt độ -200 C cho đến khi phân tích. Tổng số 8 mẫu được phân tích ngẫu nhiên trong tổng số 11 mẫu thu được ở ao tôm thẻ chân trắng thâm canh bị bệnh đốm trắng.

Chuẩn bị mẫu ADN cho phân tích PCR

Đối với mẫu *M. nipponense* thu ở tự nhiên, một phần mang (khoảng 25 mg) của *M. nipponense* được cắt bằng kéo và cho vào ống eppendorf vô trùng. Bổ sung Proteinase K (20 µl) và 180 µl dung dịch đệm ATL vào ống eppendorf chứa mẫu và trộn đều bằng máy Vortex trước khi ủ mẫu ở 55°C trong 2 h. Sử dụng máy Vortex để trộn mẫu trước khi thêm 200 µl dung dịch đệm AL (ủ trong

10 phút ở 70° C). Sau đó, còn 96% (200 µl) được bổ sung vào và trộn mẫu bằng máy Vortex rồi chuyển vào ống Dneasy. Các bước thực hiện tiếp của tách chiết ADN được thực hiện theo chỉ dẫn của bộ kit Qiagen-DNA.

Đối với mẫu *M. nipponense* thu trong thí nghiệm cảm nhiễm, thực hiện cADN từ mARN của WSSV (First Strand cADN Synthesis, Fermentas, Đức). Cụ thể, tách chiết ARN mẫu *M. nipponense* bằng bộ kit IQ2000, tổng thể tích tổng hợp cADN là 20 µl được chạy với 4 giai đoạn tương ứng với nhiệt độ và thời gian: Ủ ở 25°C (5 phút), tiến hành phản ứng ở 37°C (60 phút), kết thúc phản ứng ở 70°C (5 phút) và bảo quản mẫu ở 4°C.

Chạy PCR

Phương pháp xác định mẫu nhiễm WSSV thu trong điều kiện tự nhiên được áp dụng theo Siti Khadijah và cs (2003) [19] với cặp mồi 336 có kích thước 160 bp: 366- F: 5'-GAG ACG TCG CTC ATC AAA GAT GGG GAA G-3', 366R: 5'-GAA ACC TGG ACC ATA TTG AAT ACG GCC AG-3'. Chu trình nhiệt tương ứng trong quy trình 94°C (7 phút), [94°C (30 giây), 53°C (30 giây), 72°C (40 giây) - lặp lại 35 chu kỳ], 72°C (10 phút) và 4°C (∞). Đối với mẫu cảm nhiễm, sản phẩm của phản ứng cADN được PCR với tổng thể tích là 50 µl với cặp mồi 336 trong chu trình nhiệt cho phản ứng là 94°C (5 phút), [94°C (30 giây), 53°C (30 giây), 72°C (40 giây) - lặp lại 30 chu kỳ], 72°C (5 phút) và kết thúc chu kỳ cuối 4°C (giữ mẫu).

Phương pháp định danh loài *M. nipponense* được áp dụng theo Folmer (1994) với cặp mồi COI [LCO-1490 (5'-GGTCAACAAATCATAAAGATATT GG-3')] và [HCO- 2198 (5'-TAACTTC AGGGTGACCAAAAATCA-3')]. Chu trình nhiệt tương ứng trong quy trình 95°C (3 phút), [95°C (30 giây), 56°C (30

giây), 72°C (40 giây) - lặp lại 30 chu kỳ], 72°C (5 phút) và 4°C (∞). Sản phẩm PCR được tinh sạch theo Qiagen-kit, giải trình tự gen tại Lab first base - Malaysia (No7-3, Jalan SP 2/7 Taman Serdang Perdana Seksyen 2, Seri Kembangan 43300, Selangor, Malaysia) và sản phẩm giải trình tự được blast trên Ngân hàng gen (https://blast.ncbi.nlm.nih.gov/Blast.cgi?PAGE_TYPE=BlastSearch).

Thí nghiệm gây nhiễm nhân tạo xác định khả năng tôm thẻ chân trắng nhiễm WSSV từ *M. nipponense* bằng hình thức ngâm

Tổng số 35 con *M. nipponense* được thu gom ở tự nhiên có khối lượng khoảng 3 g/con, xét nghiệm âm tính với WSSV và 100 con tôm thẻ chân trắng có khối lượng trung bình 3-5 g/con có kết quả âm tính với WSSV và bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND). Số tôm thẻ chân trắng được chia làm 5 bể, mỗi bể chứa 20 con (3 lô thí nghiệm và 2 lô đối chứng). Toàn bộ tôm được nuôi thuần 5 ngày trước khi thí nghiệm và chúng được nuôi trong điều kiện độ mặn 8‰, có sục khí cung cấp oxy.

Áp dụng phương pháp gây nhiễm bằng hình thức ngâm của Chen và cs (2004) [20] như sau: 1) Bước 1 - Chuẩn bị dịch lọc chứa WSSV: Lấy 1,5 g mẫu tôm được xác định dương tính với WSSV cho vào 30 ml nước có độ mặn 8‰, chúng được nghiền nhỏ và trộn đều bằng Vortex, sau đó ly tâm ở 3.000 vòng/phút trong 10 phút ở 4°C. Thu dịch nổi lọc qua màng lọc 0,45 µm, bổ sung thêm nước muối 8‰ khử trùng vào phần dung dịch thu được dưới màng lọc để được thể tích cuối cùng đạt 1.050 ml; 2) Bước 2 - Chuyển 21 con *M. nipponense* vào trong 1.050 ml có chứa WSSV và ngâm trong vòng 120 phút. Sau 120 phút, *M. nipponense* được rửa lại 3 lần

trong nước muối 8‰ khử trùng. 21 con *M. nipponense* chia đều làm 3 và lần lượt cho vào 3 bể thí nghiệm đang nuôi 20 con tôm thẻ chân trắng/bể. Bể đối chứng được chuẩn bị tương tự, bước 1 sử dụng 1 g mẫu tôm có kết quả phân tích âm tính với WSSV; bước 2 sử dụng 14 con *M. nipponense* và 2 bể (20 con tôm thẻ chân trắng/bể) còn lại. 3 bể thí nghiệm và 2 bể đối chứng được chăm sóc như nhau và theo dõi, thu mẫu phân tích WSSV ở tôm theo thời gian 5, 10, 15, 20 và 25 ngày.

Kết quả nghiên cứu

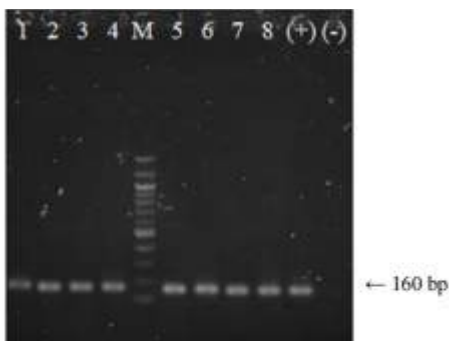
***M. nipponense* nhiễm WSSV trong điều kiện tự nhiên**

Sử dụng phương pháp PCR đã xác định được cả 8 mẫu *M. nipponense* thu trong ao nuôi tôm thẻ chân trắng đều dương tính với WSSV (tỷ lệ 100%) (bảng 1, hình 1). Mặc dù mang mầm bệnh vi rút nhưng *M. nipponense* không có biểu hiện bất thường, cơ thể sáng màu và phản xạ nhanh (hình 2).

Bảng 1. Tỷ lệ (%) *M. nipponense* nhiễm WSSV trong điều kiện tự nhiên.

Tên loài	Số mẫu phân tích	Tỷ lệ (%) mẫu nhiễm WSSV	Ghi chú
<i>M. nipponense</i>	8	100	Mẫu thu không có biểu hiện bất thường. <i>M. nipponense</i> khỏe, phản xạ nhanh, cơ thể sáng màu.

Hình 1. Kết quả PCR xác định WSSV ở mẫu *M. nipponense* thu trong ao nuôi tôm thẻ chân trắng (M: Marker; 1-8: Số thứ tự 8 mẫu được thu; (+): Đối chứng dương; (-): Đối chứng âm).



Hình 2. Hình thái *M. nipponense* nhiễm WSSV thu được ở ao nuôi tôm thẻ chân trắng tại Nam Định.

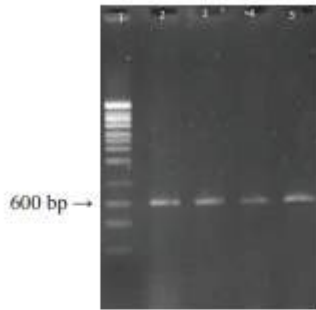
Lây nhiễm WSSV từ *M. nipponense* sang tôm thẻ chân trắng

Sau khi xác định *M. nipponense* nhiễm WSSV trong điều kiện tự nhiên, thí nghiệm gây nhiễm trong điều kiện nhân tạo được triển khai nhằm xác định *M. nipponense* nhiễm WSSV có hay không khả năng lan truyền bệnh đốm trắng sang tôm thẻ chân trắng khi chúng được nuôi nhốt trong cùng môi trường nuôi. Kết quả cho thấy, đã có sự lây nhiễm WSSV từ *M. nipponense* sang tôm thẻ chân trắng nuôi ở ngày thứ 5 sau khi gây nhiễm với tỷ lệ 3 mẫu nhiễm trong tổng số 12 mẫu được kiểm tra, trong khi đó mẫu *M. nipponense* có tỷ lệ nhiễm WSSV 100% (2/2). Số mẫu tôm thẻ chân trắng nhiễm WSSV tăng dần tỷ lệ thuận theo thời gian thí nghiệm từ ngày thứ 5, 10, 15 đến ngày thứ 20,

Bảng 2. Kết quả *M. nipponense* nhiễm WSSV trong điều kiện thí nghiệm và khả năng lây bệnh sang tôm thẻ chân trắng.

Thời gian (ngày ¹)	Số mẫu nhiễm WSSV/số mẫu kiểm tra			
	Lô gây nhiễm WSSV		Lô đối chứng	
	Tôm thẻ chân trắng	<i>M. nipponense</i>	Tôm thẻ chân trắng	<i>M. nipponense</i>
5	3/12	3/3	0/6	0/2
10	8/12	3/3	0/8	0/2
15	10/12	3/3	0/8	0/2
20	15/15	3/3	0/8	0/2
25	9/9	9/9	0/10	0/6
Tỷ lệ tích lũy mẫu nhiễm WSSV (%)	75,0	100	0	0

¹Thời gian thu mẫu sau khi gây nhiễm.



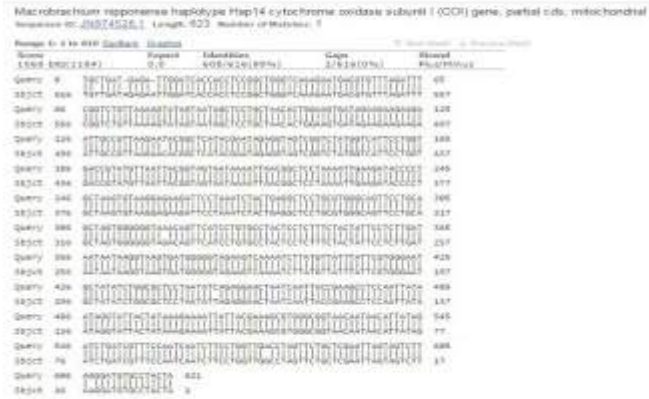
Hình 3. Sản phẩm PCR của 3 mẫu *M. nipponense* chạy với cặp mồi COI (1: Marker; 2, 3 và 4 lần lượt là 3 mẫu *M. nipponense* được phân tích).



```

1 ATCTGCTCGTGTGAGATTGGATCAACCCTCCGGCTGGGTAAAAGATGACGTGTAGATTTCGGTCTGTAAA
78 AGTATAGTAAATAGCTCTCTCAACACTGAAAGTGAAGAAAGAAAGAAATCCCTTAAGAAATACCGCTCATACGA
154 ATAGAGGAGTAGTGGTCTATGGTCATTCCTGGTGAACCGTATPTTAATACGGTAGTAATAAAAATACGGCTCAAAA
231 ATTGAAGATACCCTGCTAAAGTAAAGAGAAAGATCTTAAATCTACTGAGCTCTCCCTGCGGCGGCTCTGCAAGC
308 TAGTGGGGGGTAAACAGTTCATCTCTGGCTACTCTCTTCTACTATCTCTGTATAATAAAGAAAGTAAAGTAAAG
384 GGGAGAGAGTCAAAATGTATGTATTATCTGGGAGATGCTATATCTGGGCTCTCTAAATAGAGAGAACTAATC
461 AATTACCGAAGCCCTCAATTAATATGATTAATCTATAAAGAAATATTACGAAAGCGTGGCGGTAAACATAAC
539 ATTATAGATCTGATCGTTTCCAATCAACTCTCTGGTGAACCTAATCTCTGCTGAAATAGTAGTCTAGGGAATGTC
617 TACTATCTCTGCTCAAGCTCCGAAGATAAAATATAAAGTCCAAATATCTTATGATTTTGTACCAATTTGT
    
```

Hình 4. Giải đồ và trình tự các gen của loài *M. nipponense*.



Hình 5. Hình ảnh blast gen của trình tự gen có độ tương đồng 99% với *M. nipponense*.

25 lần lượt có tỷ lệ mẫu dương tính với WSSV tương ứng từ 25 (3/12), 66,7 (8/12), 83,3 (10/12) đến 100% (15/15 và 9/9) (bảng 2). Trong khi đó, lô đối chứng các mẫu phân tích tiếp tục có kết quả âm tính đối với WSSV ở cả tôm thẻ chân trắng và *M. nipponense*.

Định danh *M. nipponense* bằng sinh học phân tử

Nghiên cứu đã sử dụng cặp mồi COI trong phản ứng PCR đối với ADN được tách chiết từ mẫu *M. nipponense*. Kết quả phân tích cho thấy, sản phẩm PCR có kích thước khoảng 600 bp (hình 3). Sản phẩm PCR được tinh sạch trước khi giải trình tự gen, kết quả trình tự gen được xác định có độ tương đồng cao (99%) với loài tôm *M. nipponense* (hình 4, 5). Kết quả này cho thấy, bằng phương pháp PCR với cặp mồi COI là giải pháp hoàn toàn có thể định danh loài *M. nipponense* với độ chính xác và tin cậy cao.

Thảo luận

Nghiên cứu về các loài sinh vật mang WSSV có thể lây truyền trong tôm nuôi ở Việt Nam còn nhiều hạn chế và mang tính gián đoạn. Nghiên cứu được công bố đầu tiên vào năm 1999 với 3 loài tôm (*Penaeus indicus*, *Etapenaeus ensis*, *Metapenaeus lysianassa*) ở rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau nhiễm WSSV [21]; sau đó 10 năm, một báo cáo kỹ thuật xác định ốc mượn hồn, mực và tôm tít sử dụng nuôi vỗ tôm bố mẹ mang WSSV [22]; đến năm 2010, *M. rosenbergii* (tôm càng xanh nước ngọt) nhiễm WSSV [23]. Gần đây nhất, kết quả giun cát (*Perinereis* sp) nhiễm WSSV (32,07%) thu tại Nha Trang, Khánh Hòa [24] và cây đở (*Uca* sp) nhiễm WSSV trong điều kiện gây nhiễm đồng thời WSSV từ cây đở nhiễm lên tôm thẻ chân trắng khi nuôi nhốt trong cùng môi trường nuôi [25]. Như vậy, việc nghiên cứu bổ sung thêm loài sinh vật mang

WSSV là rất quan trọng và đặc biệt cần thiết ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu này đã xác định thêm 1 loài tôm càng (tên gọi địa phương) nhiễm WSSV trong điều kiện nhiễm tự nhiên ở Nam Định (bảng 1, hình 1).

Mẫu giáp xác phân tích nhiễm WSSV trong ao nuôi tôm thẻ chân trắng được xác định có tên khoa học là *M. nipponense* với độ tương đồng 99% khi sử dụng cặp mồi COI (hình 4), kết quả phân tích trùng hợp với nghiên cứu trước đây khi sử dụng cặp mồi COI để định danh phân loại *M. nipponense* [26], ngoài ra khi sử dụng cặp mồi 16S [16S-F-Car (5'-TGC CTG TTT ATC AAA AAC ATG TC- 3') và 16S-R-Car (5'-AGA TAG AAA CCA ACC TGG CTC-3')] cũng cho kết quả tương tự [27]. *M. nipponense* là loài tôm sống được trong điều kiện môi trường có biên độ dao động độ mặn lớn (từ nước ngọt đến nước lợ), đồng thời là loài phổ biến có tính thương mại và giá trị kinh tế tại Trung Quốc và Nhật Bản [28]. Ở Việt Nam, loài tôm này đã được xác định có giá trị, tuy nhiên số lượng ít không đáp ứng đủ nhu cầu, do đó năm 2003 đã có nghiên cứu thử nghiệm nhằm tối ưu hóa điều kiện ương nuôi và sinh sản trong điều kiện nước ngọt để có thể cho sản lượng cao đáp ứng đủ nhu cầu thị trường [29]. Kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được *M. nipponense* không có biểu hiện bất thường, cơ thể sáng màu và phản xạ nhanh mặc dù có mang WSSV (hình 1, 2), qua đây có thể nhận định *M. nipponense* có khả năng đáp ứng miễn dịch tự nhiên tốt đối với tác nhân gây bệnh WSSV - ưu điểm của loài khi phát triển nuôi thương mại. Kết quả nghiên cứu xác định *M. nipponense* nhiễm WSSV trong điều kiện tự nhiên là nghiên cứu đầu tiên được công bố trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Đối với tôm thuộc giống Macrobrachium nhiễm

WSSV hiện nay đã xác định được 3 loài bao gồm *M. idella*, *M. lamerrae*, *M. rosenbergii* [17, 30].

Thí nghiệm cảm nhiễm nhân tạo cho thấy đã có sự lây nhiễm WSSV theo chiều ngang từ *M. nipponense* sang tôm thẻ chân trắng ở ngày thứ 5 của thí nghiệm, tuy nhiên các biểu hiện bệnh lý chưa xuất hiện ở tôm thẻ chân trắng nhiễm bệnh (bảng 2). Đến ngày thứ 15 trở đi, số mẫu tôm thẻ chân trắng được thu phân tích phần lớn đã có biểu hiện giảm ăn, bơi lờ đờ, một số ít mẫu xuất hiện đốm trắng ở vỏ giáp đầu ngực. Biểu hiện bất thường của tôm thẻ chân trắng tiếp tục xuất hiện gia tăng, thậm chí một số con đã chết ở các ngày tiếp theo của thí nghiệm (20, 25 ngày). Đồng thời, tỷ lệ mẫu nhiễm WSSV cũng tăng lên so với những ngày đầu thí nghiệm (ngày thứ 5 và 10) (bảng 2). Biểu hiện bệnh lý của tôm thẻ chân trắng hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu đã công bố trước đây [10, 31]. Trong khi đó, *M. nipponense* trong lô thí nghiệm không có biểu hiện bất thường dù có kết quả dương tính với WSSV, khác với *M. rosenbergii* thuộc giống Macrobrachium dù không chết khi nhiễm WSSV nhưng chúng có biểu hiện yếu, bơi lờ đờ ở ngày thứ 3 sau khi cảm nhiễm, tuy nhiên chúng có khả năng hồi phục tốt và nhanh ở những ngày tiếp theo của thí nghiệm [18]. Số mẫu *M. nipponense* thu được trong ao nuôi tôm nhiễm WSSV nêu trên có kích cỡ khác nhau, từ giai đoạn trưởng thành đến thành thực (ôm trứng), sau 5 - 6 tháng loài tôm này đã thành thực và sinh sản, vì vậy nếu một mẫu *M. nipponense* ôm trứng nhiễm WSSV xuất hiện trong ao nuôi sẽ có khả năng lan truyền bệnh sang tôm nuôi nhanh và phát tán rộng. Kết quả nghiên cứu đạt được ở đây có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp người nuôi nhận biết và kiểm

soát *M. nipponense* tốt, ngăn chặn mầm bệnh sinh học có khả năng lan truyền bệnh WSSV lên tôm nuôi.

Kết luận

Tôm càng, tên loài tôm được người dân vùng nuôi tôm tập trung tại Nam Định gọi có ADN được nhận dạng giống tôm *M. nipponense* (99%) với cặp mồi COI. *M. nipponense* nhiễm WSSV trong cả điều kiện tự nhiên và thí nghiệm. Ở điều kiện thí nghiệm, *M. nipponense* nhiễm WSSV khi sử dụng biện pháp ngâm trong môi trường chứa WSSV sau khoảng 120 phút. *M. nipponense* không có biểu hiện bất thường, phản xạ nhanh khi cơ thể nhiễm WSSV trong cả 2 trường hợp nêu trên.

WSSV lan truyền từ *M. nipponense* sang tôm thẻ chân trắng sau 5 ngày khi được nuôi nhốt trong cùng điều kiện môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Việt Thắng và cs (1996), *Xác định nguyên nhân gây chết của tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long và các biện pháp tổng hợp để phòng trị*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.

[2] Đỗ Thị Hòa (2002), *Nghiên cứu bệnh WSSV trên tôm sú và đề xuất biện pháp trị bệnh tại Khánh Hòa*, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học cấp bộ. [

3] Nguyễn Văn Hào (2004), *Một số bệnh thường gặp trên tôm sú, các phương pháp chẩn đoán và phòng trị*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

[4] Chou Hsin-Yiu, Huang Chang-Yi, Wang Chung-Hsiung, Chiang Hsien-Choung, Lo Chu-Fang (1995), "Pathogenicity of a baculovirus infection causing white spot syndrome in cultured penaeid shrimp in Taiwan", *Dis. Aquat. Organ.*, 23, pp.165-173.

[5] H. Nakano, H. Hiraoka, M. Sameshima, T. Kimura, K. Momoyama (1998), "Inactivation of penaeid rod-shaped DNA virus (PRDV), the causative agent of penaeid acute

viremia (PAV), by some chemical and physical treatments", *Fish Pathol.*, 33, pp.65-71.

[6] J.H. Park, Y.S. Lee, S. Lee, Y. Lee (1998), "An infectious viral disease of penaeid shrimp newly found in Korea", *Dis. Aquat. Organ.*, 34, pp.71-75.

[7] I. Karunasagar, S.K. Ota, I. Karunasagar (1997), "Histopathological and bacteriological study of white spot syndrome of *Penaeus monodon* along the west coast of India", *Aquaculture*, 153, pp.9-13.

[8] C.F. Lo, C.H. Ho, S.E. Peng, C.H. Chen, H.C. Hsu, Y.L. Chiu, C.F. Chang, K.F. Liu, M.S. Su, C.H. Wang, G.H. Kou (1996), "White spot syndrome baculovirus (WSBV) detected in cultured and captured shrimp, crabs and other arthropods", *Dis. Aquat. Organ.*, 27, pp.215-225.

[9] F.O. Magbanua, K.T. Natividad, V.P. Migo, C.G. Alfafara, F.O. De La Peña, R.O. Miranda, J.D. Albaladejo, E.C. Nadala, P.C. Loh, L. Mahilum Tapay (2000), "White spot syndrome virus (WSSV) in cultured *Penaeus monodon* in the Philippines", *Dis. Aquat. Organ.*, 42, pp.77-82.

[10] D.V. Lightner (1996), *A handbook of pathology and diagnostic procedures for diseases of penaeid shrimp*, World Aquaculture Society.

[11] D.V. Lightner, R.M. Redman (1998), "Shrimp diseases and current diagnostic methods", *Aquaculture*, 164, pp.201-220.

[12] The World Bank (2014), *Reducing Disease Risk in Aquaculture*, World Bank. Agric. Environ. Serv., 119p.

[13] S.V. Durand, D.V. Lightner (2002), "Quantitative real time PCR for the measurement of white spot syndrome virus in shrimp", *J. Fish Dis.*, 25, pp.381-389.

[14] C.F. Lo, G.H. Kou (1998), "Virus-associated White Spot Syndrome of Shrimp in Taiwan: A review", *Fish Pathol.*, 33, pp.365-371.

[15] L.L. Chen, C.F. Lo, Y.L. Chiu, C.F. Chang, G.H. Kou (2000), "Natural and experimental infection of white spot syndrome virus (WSSV) in benthic larvae of mud crab

Scylla serrata", *Dis. Aquat. Organ.*, 40, pp.157-161.

[16] Trương Thị Mỹ Hạnh, Đặng Thị Lụa, Lê Thị Mây, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Phan Thị Vân (2016), "*Sinh vật mang virus gây bệnh đốm trắng trên tôm*", *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 10, tr.85-94.

[17] A.S. Sahul Hameed, M.X. Charles, M. Anilkumar (2000), "Tolerance of *M. rosenbergii* to white spot syndrome virus", *Aquaculture*, 183, pp.207- 213.

[18] M. Sarathi, A. Nazeer Basha, M. Ravi, C. Venkatesan, B. Senthil Kumar, A.S. Sahul Hameed (2008), "Clearance of white spot syndrome virus (WSSV) and immunological changes in experimentally WSSV-injected *M. rosenbergii*", *Fish Shellfish Immunol.*, 25, pp.222-230.

[19] S. Khadijah, S.Y. Neo, M.S. Hossain, L.D. Miller, S. Mathavan, J. Kwang (2003), "Identification of white spot syndrome virus Latency-Related Genes in Specific-Pathogen-Free Shrimps by Use of a Microarray", *J. Virol.*, 77, pp.10162-10167.

[20] L.L. Chen, H.L. Hsia, H.C. Hsu, C.F. Chang, S.E. Peng, C.F. Lo, G.H. Kou (2004), "Susceptibility of *Penaeus japonicus*, *P. monodon*, and *P. semisulcatus* to white spot syndrome virus (WSSV)", *J. Fish Soc. Taiwan*, 32, pp.101-114.

[21] N.V. Hao, D.T. Thuy, L.T.T. Loan, T.T. Phi, L.H. Phuoc, et al. (1999), "Presence the two viral pathogens WSSV and MBV in three wild shrimp species (*Penaeus indicus*, *Etapenaeus ensis*, *Metapenaeus lysianassa*) cultured in the mangrove forest of Ca Mau province", *Asian Fish Sci.*, 12, pp.309-325.

[22] Cao Chí Thuận (2009), "Virus đốm trắng WSSV trên một số mẫu thức ăn tươi sống dùng trong nuôi vỗ tôm sú bố mẹ ở Cà Mau và Bạc Liêu", *Luận văn đại học*, Trường Đại học Cần Thơ.

[23] Võ Văn Tuấn, M. Corteel, P. Sorgeloos, H. Nauwynck (2010), "*Bệnh đốm trắng trên tôm thẻ chân trắng và tôm nước ngọt*", *Tạp chí Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp*, Trường Đại học nông lâm TP Hồ Chí Minh, 2, tr.183-189.

[24] Phan Thị Vân, Phạm Thế Việt, Mai Thị Phương, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Trương Thị Mỹ Hạnh (2017), "*Xác định sự có mặt của WSSV trong thức ăn tươi sống dùng nuôi vỗ tôm bố mẹ*", *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 1, tr.84-88.

[25] Trương Thị Mỹ Hạnh, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Phạm Thế Việt, Phan Thị Vân (2017), "Đánh giá khả năng lây nhiễm WSSV từ cáy đồ (*Uca sp.*) sang tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*)", *Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam*, 15(2), tr.198-204.

[26] M.Y. Liu, Y.X. Cai, C.S. Tzeng (2007), "Molecular Systematics of the Freshwater Prawn Genus *Macrobrachium* Bate, 1868 (Crustacea: Decapoda: Palaemonidae) Inferred from mtDNA Sequences, with Emphasis on East Asian Species", *Zool. Stud.*, 46, pp.272-289.

[27] S.D. Salman, T.J. Page, M.D. Naser, A.G. Yasser (2006), "The invasion of *M. nipponense* (De Haan, 1849) (Caridea: Palaemonidae) into the Southern Iraqi Marshes", *Aquat. Invasions*, 1, pp.109-115.

[28] M.B. New (2005), "Freshwater prawn farming: Global status, recent research and a glance at the future", *Aquaculture Research*, 36, pp.210-230.

[29] Nguyen Quoc An, Phan Dinh Phuc, Phan Thi Le Anh, Nguyen Thi Tu, Ly Ngoc Tuyen, Le Phuoc Binh (2003), "Experiments on seed production and commercial culture of the freshwater prawn (*M. nipponense*)", *Proc. 6 th Tech. Symp. Mekong Fish, Pakse, Lao*.

[30] Đặng Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Thanh Phương, Lê Hữu Thái (2012), "Đáp ứng miễn dịch tự nhiên của tôm càng xanh (*M. rosenbergii*) cảm nhiễm WSSV", *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, 21b, tr.1-9.

[31] M. Crockford (2008), *White Spot Disease Australia and New Zealand Standard Diagnostic Procedures*, http://www.scahls.org.au/_data/assets/pdf_file/0009/1516518/White_Spot_Syndrome_Virus.pdf.

HUYỆN HẢI LĂNG: ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

LÊ ANH QUỐC
Phòng Nông nghiệp huyện Hải Lăng

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015-2020 của Huyện ủy Hải Lăng và các chủ trương thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ (KH-CN) vào sản xuất nông nghiệp. Trong những năm qua, được sự chỉ đạo của các cấp, các ngành cùng với sự giúp đỡ của sở Khoa học và Công nghệ, sở Nông Nghiệp & PTNT và một số đơn vị hỗ trợ, chuyển giao công nghệ... huyện Hải Lăng đã từng bước triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp và đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong các lĩnh vực.



Trong lĩnh vực trồng trọt

Công tác thử nghiệm giống cây trồng mới thực hiện khá tích cực, đã chọn được một số giống mới đưa vào cơ cấu giống chủ lực. Nhờ đó năng suất, chất lượng cây trồng không ngừng được nâng cao.

Công tác xây dựng cánh đồng lớn trong năm 2017 được 19 hợp tác xã (HTX) tham gia với tổng diện tích 944,9 ha (Đông xuân 574 ha, Hè thu 370,9 ha). Trong đó 02 HTX (Hà Lộc, Văn Quỹ) hợp đồng tiêu thụ với Công ty Giống cây trồng Trung ương 190 tấn lúa. 4 đơn vị tham gia sản xuất lúa hữu cơ với tổng diện tích 17,5 ha. Trong đó 15,5 ha của 3 đơn vị hợp đồng với công ty Ong Biển (được công ty thu mua lúa tươi với giá 7.000đ/kg tại ruộng, bù giá trị sản lượng chênh lệch nếu năng suất dưới 50 tạ/ha) và 2 ha tại Kim Long canh tác hữu cơ tự nhiên, không sử dụng thuốc trừ cỏ, thuốc hóa học. Việc phòng trừ sâu bệnh chỉ sử dụng các chế phẩm thảo dược (có nguồn gốc hữu cơ như: Ném, ớt, tỏi...).

Mô hình trồng ném, mướp đắng tập trung vùng cát cho hiệu quả cao. Diện tích mướp đắng tại Hải Dương 10 ha, tại Hải Ba 7 ha; Ném Hải Dương 51 ha.

Mô hình trồng rau, dưa ứng dụng công nghệ cao của HTX Nguyên Khang Hải Lăng Garden thực hiện đạt kết quả tốt: Rau trồng ứng dụng thủy canh hồi lưu trong nhà màng có diện tích 1.000 m² có lưới che nắng, hệ thống thông gió, làm mát, sử dụng phân bón thể thứ 4, được kiểm tra, điều chỉnh hàm lượng hàng ngày đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho cây. Tổng sản lượng xuất bán đến nay được 1,85 tấn, giá trị 80 triệu đồng;

Mô hình trồng dưa lưới bán thủy canh trong nhà màng, sử dụng hệ thống



Nhãn hiệu tập thể Gạo Hải Lăng.
Ảnh: <http://iplib.noip.gov.vn>

tưới nhỏ giọt tự động, đã sản xuất được 1 vụ, sản lượng 3 tấn, giá trị 120 triệu đồng.

Việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất đã được đẩy mạnh: 100% khâu làm đất, trên 90% khâu thu hoạch lúa được cơ giới hóa.

Công tác nhân rộng mô hình trồng cam tập đến nay đã thực hiện được 44,9 ha (Hải Phú: 31 ha; Hải Lâm 4,9ha, Hải Sơn 7 ha và Hải Thọ 2ha), trong đó 10 ha tại vùng K4 đã cho thu hoạch, hiệu quả kinh tế cao, ước tính trên 300 triệu đồng/ha (Giá bán tại vườn 22.000-25.000đ/kg) diện tích còn lại đang trong thời kỳ kiến thiết.

Mô hình trồng mới cây ăn quả thâm canh tại Hải Sơn với diện tích trên 7ha, đã trồng 1.550 cây bưởi da xanh, 1.000 cây cam V2, 400 cây ổi, 200 cây sầu riêng, 200 cây vú sữa.

Ngoài ra, mô hình trồng cây chè vàng đã đạt nhiều kết quả tốt: Mô hình nhân giống chè vàng bằng phương pháp giâm hom đã tạo nguồn giống trồng 3 ha tập trung tại Hải Phú trong năm 2016, riêng năm 2017 đã giâm

ươm trên 700.000 cây và chuyển giao quy trình giâm ươm mô số vườn ươm tại huyện Cam Lộ. Mô hình trồng thâm canh cây chè vàng năm 2016 gặp một số khó khăn nhất định nhưng năm 2017 đã có nhiều hứa hẹn, sau 3 tháng thu hoạch cây phát triển rất nhanh. Đây là mô hình triển vọng nhằm khôi phục nguồn nguyên liệu tự nhiên, đáp ứng nhu cầu chế biến các sản phẩm từ chè vàng ngày càng cao tại địa bàn tỉnh

nay toàn huyện có 7.070 con bò, trong đó bò lai 4.356 con đạt tỷ lệ 62% tổng đàn. diện tích trồng cỏ nuôi bò toàn huyện có trên 14 ha, số hộ chăn nuôi bò quy mô trên 10 con có 55 hộ.

Một số mô hình nuôi lợn tập trung trên 1.000 con đã hình thành tại Hải Phú, Hải Thượng, Việc sử dụng thức ăn phối trộn từ phụ phẩm nông nghiệp đã được các hộ chăn nuôi quan tâm ứng



Mô hình nuôi bò lai một chủng. Ảnh: <http://www.baoquangtri.vn>

(các cơ sở chế biến cao chè vàng tập trung tại huyện Cam Lộ).

Một số nhãn hiệu đã được bảo hộ: Nhãn hiệu tập thể “Gạo Hải Lăng”, “Ném vùng cát Hải Lăng”... là tiền đề trong việc phát triển sản xuất xây dựng thương hiệu cho các loại sản phẩm này.

Trong lĩnh vực chăn nuôi

Việc phát triển đàn bò theo hướng zê bu hóa triển khai thực hiện tốt, đến

dụng, giảm chi phí đầu tư, nâng cao chất lượng thịt và hiệu quả cho người nuôi..

Đối với lĩnh vực thủy sản

Đã phát triển mô hình nuôi cá lồng, toàn huyện có 162 lồng nuôi cá, trong đó có 52 lồng cá chình (tại sông Ô Lâu, Thác Ma) thử nghiệm nuôi cá chép giòn tại Hải Phú. Phát huy tốt công tác ương nuôi giống cá tại các cơ sở nuôi ươm tại Hải Phú, Hải Thượng.

Diện tích nuôi tôm công nghiệp 87 ha, sản lượng thu hoạch dự ước trên 1.000 tấn.

Lĩnh vực lâm nghiệp

Việc nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp giâm hom được nhiều vườn ươm áp dụng, đã gieo tạo trên 3 triệu giống keo lai giâm hom. Các hộ trồng rừng đã mạnh dạn đầu tư thâm canh bằng giống giâm hom.

diễn biến thị trường khó lường, diễn biến sâu bệnh, dịch bệnh cây trồng vật nuôi ngày càng phức tạp, vấn đề quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm còn nhiều khó khăn...

Trước những khó khăn thách thức đó, cùng với những kết quả đã đạt được, chúng tôi tin hy vọng rằng, trong những năm tiếp theo, huyện Hải Lăng sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng khoa



Mô hình nhân giống chè vằng bằng phương pháp giâm hom tại Hải Lăng. Ảnh: Tư liệu

Tỷ lệ che phủ rừng ổn định 47,1%. Diện tích đăng ký trồng rừng FSC toàn huyện 214,5 ha, trong năm 2017 đã khai thác và trồng lại 19,5 ha, giá bán 250 triệu đ/ha.

Trong thời gian tới, ngành nông nghiệp huyện đang đối mặt với nhiều thách thức: Biến đổi khí hậu toàn cầu,

học kỹ thuật, công nghệ mới theo hướng công nghệ cao, tăng cơ giới hóa, tự động hóa vào sản xuất nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp một cách bền vững và toàn diện hơn; góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân và đáp ứng yêu cầu đi lên của xã hội.

L. A. Q



MỘT SỐ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT MỚI NHẪM NÂNG CAO NĂNG SUẤT NÉM CỦ TRÊN ĐẤT CÁT VEN BIỂN TỈNH QUẢNG TRỊ

TẠ SÁU

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

Đặc điểm sinh vật học và công dụng của cây ném

Cây ném (*Allium schoenoprasum*) hay còn gọi là cây hành tăm hoặc cây hành trắng... thuộc họ hành (Alliaceae) có nguồn gốc mọc hoang ở vùng Địa Trung Hải tới dãy Himalaya, nó được du nhập vào nước ta từ lâu đời, thân lá thường dùng làm rau gia vị và lấy củ, hoa để làm thuốc. Có thể nhận giống như hành hoa là trồng bằng củ hay tách bụi. Thời vụ trồng chính là vụ Đông (tháng 9 - 10), thu hoạch củ vào vụ Hè (tháng 5 - 6).

Ném là cây dạng thân thảo gần giống cây hành hương nhưng có kích thước nhỏ hơn, chiều cao từ 30 - 45cm, củ ném có màu trắng, to bằng ngón tay út đến ngón tay cái, đường kính có kích

cỡ từ 0,5 - 3cm, được bao bởi những vẩy dai (bẹ thân). Lá và cánh hoa hình trụ rỗng, nhỏ như cái tăm do vậy mà có tên gọi là hành tăm. Cụm hoa hình đầu, dạng cầu mang nhiều hoa có cuống ngắn, quả nang, hình tròn.

Ném được trồng ở các tỉnh miền Trung của nước ta, chủ yếu dùng để làm gia vị phục vụ bữa ăn hàng ngày của người dân. Đồng thời ném là loại cây thuốc nam được dùng để điều trị rất nhiều loại bệnh. Ví dụ, dùng để trị ho, trừ đờm, chữa chứng ra mồ hôi, lợi tiểu, sát trùng...

Bộ phận sử dụng: Củ (*Bulbus Allii schoenoprasum*) hoặc cả thân lá khi còn tươi. Cây ném cũng chứa tinh dầu và các Sulfit hữu cơ, có chất kháng sinh Alliin.

Ném có vị đắng cay, mùi hăng nồng, tính nóng, có tác dụng làm ra mồ hôi, hành khí hạ đàm, lợi tiểu, giải độc, sát trùng. Ngoài ra, còn dùng làm thuốc giải cảm, trúng phong, thấp nhiệt, ôn dịch, nóng rét, nhức đầu, nghẹt mũi, ho tức ngực, chữa đầy bụng, bí đại tiện và an thai giải độc...

Ném ưa nhiệt độ mát và là cây chịu lạnh, nhiệt độ cần thiết để cây sinh trưởng và phát triển khoảng 20 - 22°C,

(thối thân thối bẹ) và ảnh hưởng tới quá trình bảo quản củ.

Tình hình phát triển cây ném tại tỉnh Quảng Trị

Tổng diện tích đất cát của tỉnh Quảng Trị là 31.000 ha, chiếm 6,5% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh (bao gồm đất cát ven biển 23.000 ha và đất cát nội đồng là 8.000 ha). Trong nhiều năm qua tại địa bàn tỉnh Quảng Trị đã đưa vào



Trồng ném trên vùng cát ở Quảng Trị. Ảnh: Baoquangtri.vn

để tạo củ cần nhiệt độ từ 25 - 27°C. Giai đoạn cuối ném thích ánh sáng ngày dài (số giờ nắng 12 - 13 giờ/ngày) để kích thích cây hình thành củ.

Độ ẩm đất tùy vào giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây ném thích hợp, độ ẩm từ 70 - 80% thích hợp cho cây ném sinh trưởng và phát triển thân lá và độ ẩm 60 - 65% thích hợp cho cây ném hình thành củ.

Nếu thiếu nước, cây sinh trưởng kém, củ nhỏ. Ngược lại, nếu thừa nước cây phát sinh bệnh thối ướt, thối nhũn

sản xuất nhiều loại cây trồng mang lại hiệu quả cao trên vùng cát ven biển như: Ném, kiệu, ớt, đậu đỗ, khoai lang, dưa các loại... Trong đó, cây ném là loại cây trồng mang lại giá trị cao nhất, trung bình sản xuất ném trong thời gian 6 - 7 tháng đã đem lại thu nhập mỗi hecta (ha) từ 250 - 280 triệu đồng. Bởi vậy nhiều địa phương đã phát triển mở rộng diện tích trồng ném và đăng ký nhãn hiệu tập thể hàng hoá. Diện tích trồng ném trong những năm qua ngày càng tăng lên, cụ thể: năm 2012 là 227 ha, đến năm 2013 là 286,9 ha và đến năm 2014 diện tích trồng ném toàn tỉnh Quảng Trị là 342 ha;

năm 2015 với diện tích là 348,3ha, năng suất bình quân đạt 63,4 tạ/ha, với tổng sản lượng đạt 2.208,3 tấn. Giá trị trung bình của ném củ đạt từ 60 - 80 ngàn đồng/kg. Diện tích trồng ném tập trung chủ yếu ở vùng cát của huyện Hải Lăng 170 ha, huyện Vĩnh Linh 162 ha (2015), (theo Niên giám Thống kê Quảng Trị, 2012, 2013, 2014, 2015).

Trong nhiều năm qua người dân trồng ném trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đang dựa theo kinh nghiệm và tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật do Sở Nông nghiệp & PTNT phê duyệt và ban hành và đưa vào giảng dạy tại Trường Trung cấp Nông nghiệp & PTNT tỉnh từ 2002 đến nay, đây là quy trình chuẩn dùng chung cho nhiều loại đất khác nhau, mà chưa có nghiên cứu cụ thể nào để bổ sung quy trình trồng ném trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Trị một cách phù hợp.

Một số biện pháp kỹ thuật mới nhằm nâng cao năng suất ném củ trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Trị

Qua nghiên cứu các tài liệu liên quan đến quy trình sản xuất cây ném trên cát của nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh của nhiều tác giả được công bố và đặc biệt là dựa vào kết quả nghiên cứu đề tài luận văn của thạc sĩ Tạ Sáu với tên đề tài: “Điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất và nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật mới nhằm nâng cao năng suất ném củ trên đất cát ven biển của tỉnh Quảng Trị” đã được triển khai thực hiện từ tháng 6/2015-6/2016, khuyến cáo một số biện pháp kỹ thuật mới nhằm nâng cao năng suất ném củ trên đất cát ven biển của Tỉnh Quảng Trị với những nội dung cụ thể như sau:

1. Kỹ thuật chọn thời vụ trồng thích hợp

Thời vụ là yếu tố quyết định đến

năng suất và giá cả thị trường đầu ra của sản phẩm. Trong nhiều năm qua do biến đổi thời tiết khí hậu nên mùa khô hạn đến sớm (tháng 3 - 4). Nếu trồng muộn thì cây ném có thời gian sinh trưởng dinh dưỡng ngắn, khi gặp trời nắng hạn, nhiệt độ cao cây ném sẽ chuyển sang giai đoạn hình thành củ sớm, dẫn đến năng suất ném củ thấp. Bởi vậy, hiện nay cần chọn thời vụ trồng sớm là thích hợp cho cây ném, tức vào đầu tháng 9 dương lịch (01/9 - 15/9) hàng năm, lúc này là đầu mùa mưa trời bắt đầu có mưa để làm cho đất cát đủ độ ẩm để trồng ném và nền nhiệt độ phù hợp cho cây con sinh trưởng và phát triển tốt. Thời vụ trồng sớm khi tỉa ném cây để bán sẽ có giá cao.

Sau khi trồng 2,5 - 3,0 tháng bắt đầu thực hiện việc đánh tỉa những cụm ném dày để thu hoạch ném cây làm gia vị (vào tháng 11 đến tháng 02 năm sau); Kết hợp biện pháp kỹ thuật ổn định mật độ đồng ruộng với việc định cây cách cây từ 15 - 20cm đều nhau, tiếp tục bón phân chăm sóc và sẽ cho thu hoạch củ vào tháng 4 - 5 hàng năm (khoảng 7 - 8 tháng sau trồng).

2. Kỹ thuật làm đất và kỹ thuật gieo trồng

Đất trồng ném nên chọn những loại đất cát pha với than bùn (cát đen), tơi xốp, giàu mùn, chân vằn, thoát nước tốt. Cây ném không kén đất, nên có thể sản xuất trên nhiều loại đất cát ven biển khác nhau. Tuy nhiên, nếu trồng trên đất cát trắng bạc màu thì cần phải bón nhiều phân hữu cơ, phân bón lá và tăng thêm lượng phân N,P,K hợp lý. Đặc biệt cần phải dùng rơm rạ phủ dày mặt luống để giữ ẩm đất, chống xói mòn do mưa và hạn chế cỏ dại.

Độ pH thích hợp 6,0 - 6,5, nguồn nước không bị ô nhiễm phèn sắt quá

cao...

Trước khi chuẩn bị vào vụ trồng ném nên tiến hành cày lật đất để xử lý cỏ dại và các mầm bệnh nằm lại trong đất từ vụ trước đảm bảo đất trồng ném phải được làm kỹ, tơi xốp và sạch cỏ dại. Lên luống rộng 1,3 - 1,5m, rãnh luống rộng 0,3 - 0,5m và độ cao luống là 20 - 25cm. Sau khi lên luống, rạch hàng bón phân lót để trồng như sau:

Đối với trồng ném củ để bán giống: Tiến hành rạch rãnh hàng vuông góc với chiều dài luống, khoảng cách rãnh này với rãnh khác từ 20 - 25cm, độ rộng mỗi rãnh từ 40 - 45cm, độ sâu rãnh từ 6 - 10cm, tiến hành bón phân lót và lấp phân bằng một lớp đất mỏng; sau đó tiến hành trồng mỗi rãnh 4 hàng củ giống. Khoảng cách trồng: Cây cách cây từ 6 - 8cm; hàng cách hàng từ 12 - 15cm; độ sâu đất lấp củ từ 3 - 5cm. Khi trồng xong phải phủ một lớp rơm rạ lên mặt luống với độ dày khoảng 7 - 10cm để giữ ẩm và hạn chế cỏ mọc hoặc xói lở do mưa. Lượng củ giống dùng 500kg/ha (tương đương 25kg/sào).

Đối với trồng ném củ thương phẩm đại trà: Để đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất và tiết kiệm được công lao động thì sau khi bón phân lót lên mặt luống, lấp phân bằng một lớp đất mỏng. Sau đó tiến hành gieo bằng phương pháp vãi dày đều trên mặt luống rồi lấp đất 3 - 5cm và phủ rơm rạ lên mặt luống. Chú ý khi làm đất đánh luống yêu cầu phải để lại một phần đất dưới rãnh luống để sau khi bón phân lót, vãi đều củ giống xong thì lấy đất đó rải lên mặt luống 3 - 5cm để lấp củ giống, rồi phủ rơm rạ dày trên mặt luống. Lượng củ giống dùng 600kg/ha (tương đương 30kg/sào).

Sau khi trồng từ 3,0 - 4,0 tháng thì tiến hành tỉa thưa để bán ném cây cho thu nhập cao, đồng thời ổn định mật độ

đồng ruộng cây cách cây từ 15 - 20cm đều nhau trên mặt luống. Kết hợp bón phân thúc, vun gốc để sau này thu hoạch ném củ.

3. Kỹ thuật chọn giống

Ném giống nên chọn những củ chắc, đồng đều có đường kính trung bình từ 1,5 - 2cm là tốt nhất. Không nên dùng ném củ có kích thước quá lớn sẽ lãng phí giống và hiệu quả đem lại không cao, bởi vì củ giống to thì khả năng đẻ nhánh kém, dẫn đến ném ít củ. Tương tự cũng không nên chọn củ giống quá nhỏ vì cây sẽ nhỏ thì khả năng sinh trưởng, phát triển kém, nên năng suất thấp.

4. Phân bón và cách bón phân cho cây ném

Phân hữu cơ là yêu cầu bắt buộc khi trồng ném củ trên đất cát và chỉ được dùng các loại phân đã hoai mục, có xử lý các mầm bệnh nằm trong phân bằng cách ủ kín phân tươi với vôi bột trước khi sử dụng phân để trồng 1 tháng, không được dùng phân tươi hoặc nước phân tươi để tưới cho cây. Có thể dùng nước thải gia súc pha loãng và các loại phân ngâm đúng kỹ thuật để tưới cho cây ném, cứ 15 - 20 ngày tưới 1 lần.

Nếu trồng ném lấy thân lá thì bón nhiều đạm để cây phát triển thân lá tốt. Nhưng đối với trồng ném lấy củ thì cần phải chú trọng tăng lượng phân lân và kali giúp cây ném phát triển củ. Nếu bón nhiều đạm quá bộ lá phát triển mạnh sẽ làm giảm độ lớn của củ, đồng thời cây yếu, mềm dễ bị sâu bệnh gây hại.

Qua các công thức phân bón trong thí nghiệm đồng ruộng đã chọn được công thức phân bón phù hợp cho ném củ trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Trị cụ thể như bảng sau:

* Lượng phân bón phù hợp cho 01 ha trồng ném củ trên đất cát ven biển:

Loại phân	Tổng số		Bón lót		Bón thúc (kg/sào)			
	Kg/ha	Kg/sào	Kg/ha	Kg/sào	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
Phân chuồng	30.000	1.500	30.000	1.500	-	-	-	-
Đạm Urê	240	12	120	6	1,5	1,5	1,5	1,5
Lân Sunpe	500	25	500	25	-	-	-	-
Kali clorua	120	6	60	3,0	-	0,5	1,0	1,5

* Cách bón:

- Bón lót: Sau khi làm đất đúng kỹ thuật tiến hành rạch hàng và bón toàn bộ lượng phân bón lót phân chuồng hoai và phân vô cơ như bảng trên, sau đó lấp một lớp đất mỏng để tránh củ giống không tiếp xúc trực tiếp với phân.

Chú ý: Không được gieo củ giống trước rồi sau đó tiến hành bón lót phân lên củ giống, vì như vậy củ sẽ bị lầy và hư hỏng do phân hoá học tác động trực tiếp.

- Bón thúc: Bón với số phân đạm và kali còn lại theo 4 đợt như bảng trên, mỗi đợt cách nhau 25 - 30 ngày, bón cách gốc 5 - 10cm. Kết hợp với các đợt xới xáo, làm cỏ vun gốc.

Sau khi ném mọt được 2 - 3 lá tiến hành pha 3 - 5 gram Urê/lít nước rồi tưới. Đến khi ném mọt tốt thì tiến hành pha 4 - 5gram phân NPK (20-20-15) trong một lít nước rồi tưới 2 bình(20 lít)/sào. Cách 10 ngày tưới phân 1 lần, tiến hành vun gốc cho ném.

Nếu trồng với mật độ dày với phương thức gieo vãi trên luống thì lượng giống 600kg/ha. Sau trồng 3,0 - 4,0 tháng thì phải tỉa những cây ở các khóm dày để đem bán ném cây. Kết hợp điều chỉnh mật độ trên ruộng phù hợp để thuận tiện cho việc chăm sóc và tạo điều kiện cho ném quang hợp tốt và phát triển đồng đều thì ruộng ném sẽ cho năng

suất củ và hiệu quả kinh tế cao.

5. Kỹ thuật chăm sóc

Tiến hành trồng khi đất đủ ẩm, nếu đất khô phải tưới trước khi trồng để tạo điều kiện thuận lợi cho củ ném nảy mầm. Sau khi cây ném mọc mầm tiến hành kiểm tra đồng ruộng để dặm các chỗ trống nhằm đảm bảo mật độ trên đồng ruộng.

Đến khi cây ném có 3 - 4 lá thật nếu đất bị khô thì cần tưới trực tiếp lên luống, nhưng phải tưới nhẹ theo phương pháp tưới phun sương để tránh bị xói gốc. Ném là cây ưa đất ẩm nhưng không được úng nước do đó ruộng trồng ném phải thoát nước tốt khi mưa, cho nên cần phải thiết kế rãnh thoát nước cho ruộng ném. Giai đoạn từ 1 - 4 tháng sau khi trồng nếu đất bị khô hạn thì phải tưới đủ ẩm cho ném phát triển thân lá tốt. Trước mỗi lần tưới nước nên kết hợp bón thúc phân để giúp cây ném có bộ lá đẹp phù hợp với nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng và đồng thời giúp cây phát triển thuận lợi, chống chịu với các điều kiện bất lợi để cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao.

Ngoài ra, có thể sử dụng các loại phân bón qua lá giai đoạn đầu cho cây ném (giai đoạn từ sau trồng 2 đến 4 tháng), tùy theo điều kiện thời tiết và tình hình sinh trưởng của cây mà có thể phun lần 2 cách lần 1 từ 12 - 15 ngày.

Song song với công tác tưới nước, tĩa dặm, bón phân thì việc làm cỏ và phòng trừ sâu bệnh hại là rất cần thiết để giúp cho cây ném sinh trưởng phát triển thuận lợi. Việc làm cỏ phải tiến hành thường xuyên kết hợp với việc xới xáo, vun gốc để giúp cây ném phát triển tốt và phá bỏ nơi cư trú của các đối tượng sâu bệnh hại (sâu xám, nấm

6. Biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại chính

Với kết quả điều tra thực tế nhiều năm qua cây ném trồng ở vùng cát ven biển tỉnh Quảng Trị có một số đối tượng sâu bệnh hại chính như sau:

6.1. Bệnh khô đầu lá

a. Triệu chứng



Sản phẩm ném củ vùng cát Hải Lăng đã được đăng ký nhãn hiệu. Ảnh: Nongnghiep.vn

bệnh ký sinh trong đất, cỏ dại...).

Sản phẩm cây ném vừa sử dụng thân lá vừa sử dụng củ nên việc phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời để bảo vệ bộ lá nhằm giải quyết vẻ đẹp bên ngoài là rất cần thiết.

- Bệnh khô đầu lá là một trong những bệnh nguy hiểm nhất đối với ném, nếu bệnh nặng sẽ làm ảnh hưởng giảm năng suất đến 30 - 50%, chất lượng sản phẩm ném củ thấp.

- Bệnh phát sinh ở giai đoạn ném hình thành củ và kéo dài tới trước khi thu hoạch và làm giảm năng suất và

chất lượng ném củ rõ rệt.

- Bệnh chỉ gây hại trên lá ném ở phần đầu đến cuống của lá, nấm bệnh xâm nhập và lan rộng kéo dài theo thân lá tạo thành vết bầu dục, lúc đầu có màu xám trắng, sau 5 - 7 ngày gãy gục ở giữa và khô lại màu nâu. Chiều dài vết bệnh có thể kéo dài từ 10 - 20cm.

Trời ẩm, mưa phùn, bệnh phát triển mạnh và phía trên bề mặt vết bệnh có lớp nấm màu nâu đen.

b. Nguyên nhân gây bệnh

- Bệnh khô đầu lá do nấm *Stemphylium botryosum* W gây nên. Nấm gây bệnh thuộc họ Dematiaceae bộ Molilales, lớp nấm bất toàn Deuteromycets

- Do thời tiết âm u, sương mù, sương muối, nhiệt độ từ 22 - 25°C là điều kiện thuận lợi cho bệnh phát triển mạnh.

- Mật độ trồng quá dày, bón nhiều phân đạm, ruộng tưới nước quá ẩm là nguyên nhân để bệnh phát triển nặng hơn.

c. Phòng trừ

- Ở những chân đất độc canh trồng cây ném nên áp dụng biện pháp luân canh hoặc xử lý đất bằng vôi bột trước khi trồng 15 - 20 ngày bằng cách rải đều vôi lên mặt đất trước khi cày lật đất. Lượng bón 50 - 60kg vôi/sào.

- Chọn thời vụ trồng thích hợp nhất cho cây sinh trưởng, phát triển và hạn chế bệnh khô đầu lá. Trồng đúng mật độ, tạo sự thông thoáng cho ruộng ném.

- Bón phân theo phương châm nặng đầu, nhẹ cuối. Bón lót $\frac{3}{4}$ lượng đạm hoặc có thể thay đạm bằng phân lân ngâm với nước giải.

- Chọn giống sạch bệnh để gieo

trồng.

- Thường xuyên thăm đồng, ngắt bỏ lá ném bị khô đầu lá hay bị lụi để hạn chế bệnh phát sinh lây lan.

- Phun trừ bệnh bằng các loại thuốc đặc trị sau: Altracol 70W 0,2 - 0,4%, Score 250ND 0,3 - 0,5lít/ha, Topsin M 0,4 - 0,6 l/ha, Ridomil 72WP, Funuran 72WP... phun khi bệnh chớm phát sinh hoặc phun định kỳ 3 - 4 lần, mỗi lần cách nhau khoảng 7 ngày.

6.2. Sâu xanh da láng (*Spodoptera Exigua* Hubner)

Thuộc Họ ngài đêm (Noctuidace), Bộ cánh vảy (Lepidopera).

a) Đặc điểm hình thái và sinh học

Hình dạng rất giống sâu xanh nhưng nhỏ hơn dài 10 - 15cm. Da xanh lục với 2 sọc vàng nâu chạy dọc 2 bên thân hình, không có u gai trên lưng như sâu xanh.

Bướm nhỏ hơn, màu nâu và có một đốm vàng ở giữa cánh rất đặc sắc. Bướm cũng đẻ trứng ban đêm trên lá nhưng thành từng ổ từ 20 - 30 trứng có phủ lông trắng do chùm lông ở cuối bụng của con cái.

Chu kỳ sinh trưởng của sâu khoảng 1 tháng, ngắn hơn nhiều so với sâu xanh hay các loài sâu khác cùng họ Noctuidae vì vậy mà sâu phát triển và gia tăng mật số rất nhanh, lây lan rất dễ vì chúng cũng ăn cả các loại cây khác như ớt, hành, cà chua, bắp...

b. Biện pháp phòng trừ

Sâu gia tăng mật số nhanh và kháng thuốc cũng mạnh nên chú ý kiểm tra kỹ khi cây còn non để có thể bắt sâu hoặc ổ trứng bằng tay tương tự cách tìm bắt sâu xám cắn lá ném, chỉ khi thấy sâu có mật độ nhiều thì phun thuốc ngăn chặn kịp thời, nhất là trong mùa Xuân là

mùa có mật độ sâu hại cao nhất. Nhưng vào cuối Xuân đầu Hè thì mật độ của các loại thiên địch thường tăng cao như nấm ký sinh, vi rút NPV, ong kén trắng... do đó nên hạn chế sử dụng thuốc sâu vào lúc này để bảo vệ chúng và hạn chế tồn dư thuốc hoá học trong củ ném sau này. Chỉ khi thấy cần thiết, ruộng ném bị hại nặng thì có thể phun trừ bằng các loại thuốc như Success, Badan hoặc OFatox để phòng trị theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

7. Kỹ thuật thu hoạch, bảo quản giống

7.1. Thu hoạch ném cây tươi

Thường thì thu hoạch khi cây còn tươi (thu hoạch sử dụng cả củ, thân, lá). Với mục đích này có thể thu tỉa các cây tốt rồi tiếp tục chăm sóc thu hoạch theo kiểu cuốn chiếu để thường xuyên có thu nhập.

7.2. Thu hoạch củ ném thương phẩm

Củ thương phẩm thu hoạch khi lá đã già và cây đã rụng khô hoàn toàn. Nhổ lấy củ, giữ sạch đất, có thể dùng rổ thưa có lỗ phù hợp để sàng lọc lấy củ. Chú ý không được thu hoạch vào những

ngày trời mưa dông vì củ ném bị ẩm ướt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sau này, nhất là khi bảo quản củ dễ bị bệnh gây hại.

7.3. Cách bảo quản củ ném thương phẩm

Để giảm hao hụt cần bảo quản nơi thoáng mát, nên dùng cát sạch, khô để lấp kín lô củ. Trong quá trình bảo quản cần phải thường xuyên theo dõi lô củ, thay cát khô kịp thời những chỗ bị mưa ướt và tiến hành loại bỏ các củ bị bệnh.

7.4. Chọn giống

Những ruộng ném có quá trình sinh trưởng phát triển tốt, không bị các loại sâu bệnh gây hại. Củ được chọn làm giống phải có thời gian sinh trưởng trên 210 ngày (>7 tháng). Nên chọn những củ đường kính từ 1,5 - 2cm, không chọn những củ quá lớn hoặc quá nhỏ, củ làm giống được tuyển chọn trên các ruộng sạch sâu bệnh và bảo quản riêng. Cách bảo quản củ giống tương tự như củ ném thương phẩm nêu trên. Trước khi đem trồng vụ sau phải kiểm tra lại lô giống và thử tỷ lệ nảy mầm nhằm đảm bảo tỷ lệ nảy mầm tốt, ném mọc đồng đều thì ruộng ném sẽ cho năng suất, hiệu quả kinh tế cao.

Với những kỹ thuật mới được chuẩn hoá thành quy trình sản xuất ném củ trên đất cát ven biển của tỉnh Quảng Trị nêu trên, hy vọng được phổ biến cho người dân áp dụng vào thực tế sản xuất sẽ đem lại năng suất ném củ cao, tăng thu nhập kinh tế cho người nông dân ở vùng cát ven biển của tỉnh nhà./.

T.S



Quảng Trị từng bước xây dựng chính quyền điện tử, phát triển đô thị thông minh trong xu thế cách mạng công nghiệp 4.0

PHẠM THIÊN ĐẠT

Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Trị

Chính phủ điện tử (CPĐT) là Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Ngày nay, việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước (CQNN), hướng tới phát triển CPĐT là xu thế tất yếu, là mô hình phổ biến của nhiều quốc gia; việc xây dựng CPĐT trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của bất cứ Chính phủ nào bởi CPĐT cho phép người dân tương tác, nhận được các dịch vụ từ Chính phủ 24 giờ một ngày, 07 ngày một tuần, tăng tính minh bạch, giảm chi phí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Chính phủ, góp phần làm giảm tiêu cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Nhận thức được vai trò và xu thế phát triển tất yếu của việc ứng dụng CNTT trong hoạt động các CQNN, hướng tới phát triển CPĐT; thời gian qua Đảng và Nhà nước ta đã và đang

thực hiện mạnh mẽ chủ trương ứng dụng CNTT nhằm cải cách hành chính, hiện đại hóa cơ quan Chính phủ, xây dựng một Chính phủ hiệu lực, hiệu quả hơn, thực sự của dân, do dân và vì dân, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều chương trình, kế hoạch, đề án, dự án CNTT được triển khai rộng khắp trong CQNN các cấp, bước đầu đạt được những kết quả quan trọng, tạo nền tảng phát triển CPĐT trong các giai đoạn tiếp theo.

Tại Quảng Trị, trên cơ sở quy định tại văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 1.0 cho thấy: Việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị đến

The screenshot shows the official website of Quang Tri province. The header features the logo of Quang Tri province and the text 'CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỈNH Quảng Trị'. There are also banners for 'Xuân Mậu Tuất 2018' and 'Chúc Mừng Năm Mới'. The navigation menu includes 'GIỚI THIỆU', 'BỘ MÁY TỔ CHỨC', 'THỦ TỤC HÀNH CHÍNH', 'ĐỐI THOẠI VỚI DOANH NGHIỆP', 'DU LỊCH QUẢNG TRỊ', and 'XÚC TIẾN ĐẦU TƯ'. Below the navigation menu is a search bar and a login section with fields for 'Tài khoản' and 'Mật khẩu', and a 'Đăng nhập' button. The main content area displays a news article titled 'Ký kết biên bản thỏa thuận với Tổ chức MAG' with a photo of a group of men at a table. To the right of the article is a sidebar with 'TIN NỔI BẬT' and 'THÔNG TIN CHỈ ĐẠO CỦA UBND TỈNH'.

Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

nay đã đạt được một số kết quả quan trọng.

Với kênh truy cập: Hệ thống thư điện tử công vụ tên miền @quangtri.gov.vn đã được triển khai đồng bộ tại tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; là công cụ trao đổi thông tin một cách thông suốt, an toàn và hiệu quả giữa các địa phương, đơn vị trong và ngoài tỉnh; cũng là công cụ trao đổi thông tin của các cán bộ, công chức (CBCC) giúp tiết kiệm thời gian và chi phí. Tỷ lệ CBCC của tỉnh được cấp hộp thư điện tử công vụ đạt 100% - cao hơn so với trung bình cả nước là 53%; tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc ước đạt trên 50% - cao hơn so với trung bình cả nước là 49%. Việc gửi nhận văn bản qua mạng tại địa chỉ <http://quinhanvanban.quangtri.gov.vn> được thực hiện tại 100% CQNN trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ văn bản được gửi qua mạng

giữa các CQNN trên địa bàn tỉnh ước đạt trên 95% (trừ những văn bản mật hoặc tuyệt mật). Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng được triển khai đồng bộ tại 100% CQNN trên địa bàn tỉnh - cao hơn so với trung bình cả nước là 98,4%.

Với dịch vụ cổng thông tin điện tử: Ngoài trang thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <http://www.quangtri.gov.vn>, đến nay 100% sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trang thông tin điện tử cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. 100% văn bản quy phạm pháp luật, hơn 80% văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh được cập nhật trên trang thông tin điện tử của tỉnh; bảo đảm hệ thống chỉ đạo, điều hành và trao đổi thông tin thông suốt từ UBND tỉnh đến các đơn vị trực thuộc. Nhìn chung, các trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh

cơ bản đáp ứng Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Với dịch vụ công trực tuyến (DVCTT): Cổng giao tiếp DVCTT tỉnh Quảng Trị được triển khai tại địa chỉ <http://dichvucong.quangtri.gov.vn>; tính đến 12 giờ ngày 12/12/2017 đã cung cấp 1.581 DVCTT mức độ 1, 1.173 DVCTT

(CSDL): Đến nay nhiều phần mềm, hệ thống CSDL chuyên ngành được cài đặt, vận hành, khai thác sử dụng tại các CQNN như: phần mềm quản lý giấy phép lái xe, quản lý cầu đường, quản lý vi phạm, quản lý đối tượng chính sách, quản lý công tác tiếp dân; phần mềm kế toán, quản lý tài sản, quản lý CBCC, quản lý hồ sơ công văn, quản lý ngành địa chính, quản lý phổ cập giáo dục... Hệ thống một cửa điện tử đã được triển khai đồng bộ, liên thông tại các sở, ban,

The screenshot shows the website for the Quang Tri Provincial Public Service Portal. The header includes the logo and the text "CỔNG GIAO TIẾP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TỈNH QUẢNG TRỊ". Below the header is a navigation menu with items like "TRANG CHỦ", "THỐNG KÊ", "THỦ TỤC HÀNH CHÍNH", "NỘP HỒ SƠ", "ĐƠN VỊ", "XEM HỒ SƠ", "TÌM HỒ SƠ", "HỎI ĐÁP", and "HƯỚNG DẪN". The main content area features a list of services and a statistics box titled "Tình hình xử lý hồ sơ năm 2018" (Case handling status for 2018). The statistics box shows a 93.91% on-time rate and lists the following figures: 5857 cases received, 5846 cases by unit, 11 cases by network, 5902 cases returned, 6113 cases completed, and 372 cases overdue.

Tình hình xử lý hồ sơ năm 2018	
Tiếp nhận:	5857 hồ sơ.
+ Đơn vị:	5846 hồ sơ.
+ Qua mạng:	11 hồ sơ.
Trả kết quả:	5902 hồ sơ.
Hoàn thành:	6113 hồ sơ.
Trễ hạn:	372 hồ sơ.

Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

mức độ 2, 183 DVCTT mức độ 3 và 24 DVCTT mức độ 4. Cổng giao tiếp DVCTT tỉnh cũng đã kết nối liên thông với Cổng thông tin điện tử Chính phủ nhằm công khai, minh bạch thông tin tiếp nhận và xử lý hồ sơ của các tổ chức, người dân, doanh nghiệp. Ngoài ra, còn có hơn 20 DVCTT mức độ 3 được cung cấp trên trang thông tin điện tử của các sở, ban ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh.

Với các ứng dụng và cơ sở dữ liệu

ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố phục vụ người dân và tổ chức; qua đó, giúp người dân, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội khai thác dịch vụ hành chính công nhanh hơn, dễ dàng và tiện lợi hơn; từ đó tăng cường và củng cố lòng tin của tổ chức, công dân với các cơ quan hành chính. Nhiều cuộc họp trực tuyến giữa Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương và địa phương đã được tổ chức bởi ứng dụng hội nghị

truyền hình.

Với hạ tầng kỹ thuật: Hạ tầng CNTT các CQNN trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư đồng bộ, hiện đại, cơ bản đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT phục vụ cho công việc chuyên môn của các CBCC; tỷ lệ bình quân máy tính/ CBCC đạt 81%; tỷ lệ máy tính các CQNN có kết nối mạng Internet ước đạt trên 92.8% (trừ số máy tính của cán bộ kế toán và máy tính của một số cán bộ chuyên soạn thảo văn bản quan trọng, có tính chất mật); 100% CQNN cấp tỉnh, 80% CQNN cấp huyện và trên 50% xã có mạng nội bộ LAN kết nối Internet qua các đường truyền tốc độ cao; tỷ lệ CQNN có kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đạt 2.8%.

Trong xu thế cách mạng công nghiệp 4.0, việc nâng cao hiệu quả chính quyền điện tử, phát triển đô thị thông minh là hết sức cần thiết; qua đó nâng cao chất lượng cuộc sống, hiệu quả của các dịch vụ và hoạt động đô thị, nâng cao tính cạnh tranh, đáp ứng được các yêu cầu kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa của các thể hệ hiện tại và tương lai. Nắm bắt được xu thế này, Đảng và Chính phủ đã chủ động xây dựng những định hướng phát triển, ứng dụng công nghệ nhằm hiện đại hóa đất nước và xây dựng các đô thị thông minh tại Việt Nam; chẳng hạn như Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị đã đưa ra định hướng thúc đẩy ứng dụng CNTT nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Bộ Chính trị cũng đã chỉ rõ: sớm triển khai xây dựng một số khu hành chính - kinh tế đặc biệt; ưu tiên phát triển một số đô thị thông minh; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương

trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước đã đưa ra các mục tiêu và nhiệm vụ: triển khai đô thị thông minh ít nhất tại 3 địa điểm theo các tiêu chí do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn; Nghị quyết số 05/NQ-TW ngày 01/11/2016 Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về Một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế đã nêu nhiệm vụ ưu tiên phát triển một số đô thị thông minh.

Như vậy, về mặt chủ trương và chính sách đã rõ; song đến nay các văn bản quy định tiêu chí đánh giá, công nhận đô thị thông minh tại Việt Nam vẫn chưa được ban hành bởi khái niệm đô thị thông minh thực ra rất rộng, mỗi thành phố có những mục tiêu, cách tiếp cận và cách làm khác nhau. Chẳng hạn với thành phố Hồ Chí Minh, vấn đề thách thức hiện nay của Thành phố có thể là tắc nghẽn giao thông, trộm cướp hay ngập lụt; nhưng với Quảng Trị thì đó chưa hẳn là những thách thức lớn của tỉnh.

Nhằm đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển, ngày 18/11/2017 UBND tỉnh Quảng Trị và Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) đã ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển CNTT, viễn thông giai đoạn 2017-2020; với thế mạnh về nguồn lực CNTT và hạ tầng viễn thông rộng khắp, Viettel cam kết cùng UBND tỉnh Quảng Trị đầu tư nguồn lực, triển khai thực hiện các chương trình hợp tác nhằm thúc đẩy ứng dụng, phát triển CNTT và viễn thông, hướng đến việc xây dựng đô thị thông minh tại tỉnh trong thời gian tới. Hai bên đã thống nhất chọn 06 lĩnh vực ưu tiên gồm: Chính quyền điện tử, Giáo dục và Đào tạo, Y tế và các dịch vụ an sinh,

An ninh trật tự, Giao thông và Du lịch để đầu tư ứng dụng CNTT theo hướng thông minh, toàn diện trên cơ sở tích hợp, kế thừa những kết quả đang có, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; các lĩnh vực khác sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất triển khai khi có điều kiện. Ngay sau khi thỏa thuận hợp tác được ký kết, Viettel đã nhanh chóng triển khai Dự án Wifi công cộng và đến nay cơ bản đã hoàn thành, dự kiến đưa vào sử dụng trong quý 1 năm 2018. Dự án wifi công cộng tỉnh Quảng Trị là nền tảng cho việc triển khai Dự án du lịch thông minh tỉnh Quảng Trị cho giai đoạn tiếp theo.

Với những kết quả đạt được trên chứng tỏ Quảng Trị đang có những bước đi đúng hướng trong tiến trình

xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh tại địa phương. Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã khẳng định: Quảng Trị ứng dụng CNTT sâu rộng trong hoạt động của hệ thống chính trị, đặc biệt là các hoạt động liên quan đến doanh nghiệp, người dân; từng bước xây dựng chính quyền điện tử cấp tỉnh. Quảng Trị đang cùng với cả nước quyết tâm xây dựng một Chính phủ điện tử hoàn thiện, một Chính phủ thật sự của dân, vì dân và vì sự phồn thịnh của đất nước trong một môi trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

P.T.Đ

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật... *(Tiếp theo trang 87)*

Khi phát hiện trên vườn cam có dấu hiệu bệnh ở một số cây, nên phun thuốc trừ nấm cho cả vườn cam. Đối với những cây bị bệnh, nên cạo lớp vỏ đã bị bệnh (làm sạch bề mặt vỏ cây, để khô phần vỏ cây vừa cạo) sau đó bôi thuốc trừ nấm tại nơi đã cạo vỏ.

- Bệnh vàng lá thối rễ

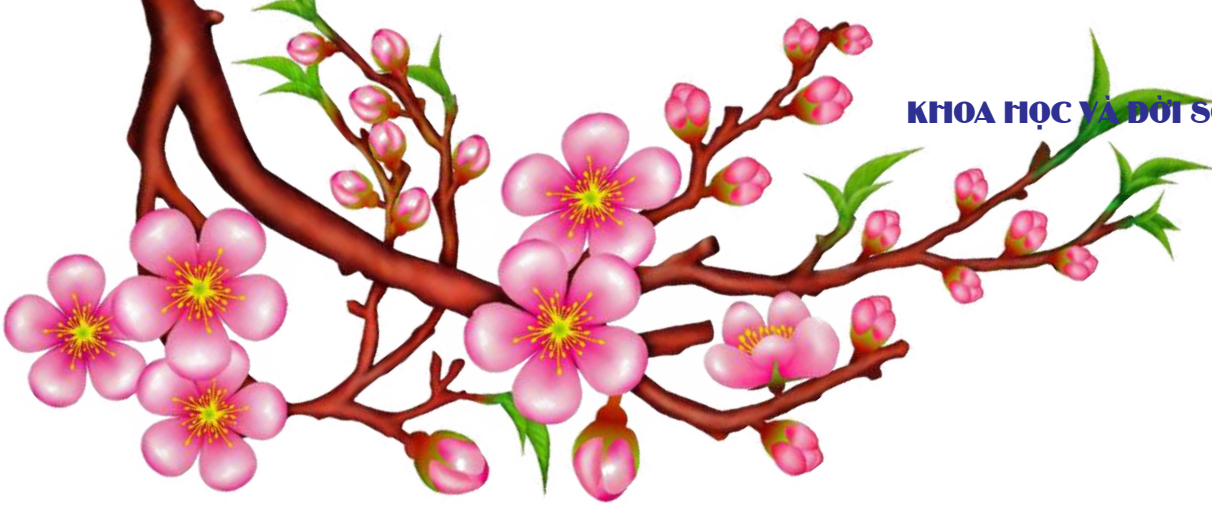
Đây là một trong những loại bệnh gây hại khá nghiêm trọng trên cây có múi nói chung và cây cam nói riêng do nấm fusarium gây hại tập trung ở rễ, nếu bị bệnh nặng thì cây sẽ chết. Sử dụng biện pháp phòng cho hiệu quả cao nhất bằng cách ủ phân chuồng với chế phẩm có nấm đối kháng Trichoderma như đã hướng dẫn ở trên. Hàng năm, bón thêm chế phẩm có Trichoderma này vào đất xung quanh bộ rễ cam để tiêu diệt nấm

bệnh trong đất. Khi bị bệnh có thể sử dụng một số loại thuốc bảo vệ thực vật theo khuyến cáo, tuy nhiên hiệu quả trừ bệnh sẽ không cao.

Thu hoạch

Thu hoạch khi vỏ quả chuyển từ màu xanh sang màu vàng (khoảng 20 - 30 diện tích vỏ quả) và đảm bảo thời gian cách ly khi sử dụng thuốc BVTV và phân bón vô cơ. Cần thu hoạch đúng thời vụ để tạo cho cây phân hóa mầm hoa tốt cho vụ sau. Trên đây là một số tiến bộ kỹ thuật mới cần áp dụng vào canh tác cam đảm bảo ATVSTP, hy vọng người sản xuất áp dụng để tăng năng suất, hiệu quả, chất lượng và đặc biệt sản phẩm đảm bảo an toàn cho người sử dụng./.

L.T.N.D



ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THÀNH QUẢ VÀ THÁCH THỨC CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ

NGUYỄN BỘI NHIÊN

Sự phát triển của công nghệ thông tin (CNTT) đóng vai trò ngày càng quan trọng trong ngành Y tế với những hiệu ích nổi bật như CNTT giúp cán bộ y tế nâng cao kiến thức chuyên môn, CNTT giúp tự động hóa các phương tiện chẩn đoán và điều trị, CNTT hỗ trợ đắc lực trong thực hành y khoa, CNTT giúp tăng cường chức năng quản lý cơ sở y tế,... Ở tỉnh Quảng Trị, việc triển khai ứng dụng CNTT trong toàn ngành y tế trong thời gian qua đã tích cực góp phần vào sự phát triển chung của ngành.

Ứng dụng CNTT thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả chuyên môn, đặc biệt là trong thực tiễn khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế, đồng thời từng bước cải tiến năng lực cung cấp thông tin trên lĩnh vực y tế tới người dân và doanh nghiệp dựa trên hệ thống thông tin điện tử của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc được vận hành và duy trì hoạt động liên tục, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin tại Văn phòng Sở Y tế cũng như tại các đơn vị, tạo môi trường làm việc điện tử đảm bảo sự nhanh chóng và tính chính xác giúp tiết kiệm thời gian và giảm chi phí.

Đến năm 2017, Sở Y tế tỉnh Quảng Trị đã thực hiện trực tuyến trên một cửa điện tử các thủ tục hành chính gồm 8 thủ tục trong lĩnh vực khám chữa bệnh, 7 thủ tục trong lĩnh vực dược và mỹ phẩm, 5 thủ tục ở lĩnh vực kiểm dịch y tế, 5 thủ tục của lĩnh vực thực phẩm và dinh dưỡng. Thực hiện trực tuyến các thủ tục hành chính, Sở Y tế triển khai đồng bộ hệ thống gửi và nhận văn bản qua Internet phù hợp với quy trình nghiệp vụ và yêu cầu kỹ thuật của mỗi cơ quan, đơn vị trực thuộc nên tạo được tính thống nhất, sẵn sàng trong việc gửi-nhận văn bản điện tử. Bên cạnh đó, trang thông tin điện tử www.dohquangtri.gov.vn

của Sở Y tế hoạt động thường xuyên, phục vụ sự chỉ đạo và điều hành của lãnh đạo Sở, đồng thời cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Trong nội bộ của ngành, đến nay, 100% cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế sử dụng hệ thống văn phòng điện tử để gửi và nhận văn bản qua Internet tại địa chỉ www.dohquangtri.gov.vn với tỷ lệ văn bản gửi qua Internet

chính viễn thông là VNPT Quảng Trị triển khai hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ www.motcuadientu.quangtri.gov.vn từ năm 2016, hiện nay, Sở Y tế đã cung cấp 15/25 dịch vụ công trực tuyến trên hệ thống Internet đối với hai lĩnh vực y và dược. Với hệ thống phần mềm quản lý hệ điều trị được xây dựng hoàn thành trong năm 2015 và năm 2016, Sở Y tế đã và đang sử dụng 3 hệ cơ sở dữ liệu khác

nau do 3 nhà cung cấp phần mềm thực hiện. Đặc biệt, ngày 16/2/2016, Sở Y tế tỉnh Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch số 07/SYT-KH về việc triển khai ứng dụng CNTT tại các đơn vị điều trị nhằm mục tiêu triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Quyết định số 324/QĐ-BHXH ngày 2/3/2016 ban hành Công tiếp nhận dữ liệu hệ thống thông tin Giám định bảo hiểm y tế phiên bản 1.0 và Quyết định số 917/QĐ-BHXH ngày 20/6/2016 ban hành Công tiếp nhận dữ

liệu hệ thống thông tin Giám định bảo hiểm y tế phiên bản 2.0 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Quyết định số 5084/QĐ-BYT ngày 30/11/2015, Quyết định số 1122/QĐ-BYT ngày 31/3/2016 và Quyết định số 3465/QĐ-BYT ngày 8/7/2016 ban hành bộ mã danh mục dùng chung áp dụng trong khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế của Bộ Y tế. Trên cơ



Công nghệ thông tin giúp ứng dụng tốt máy chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền trong lĩnh vực tim mạch can thiệp. Ảnh: Bội Nhiên

giữa các đơn vị đạt trên 95% (trừ những văn bản mật hoặc tuyệt mật). Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp, Công Thông tin điện tử được Sở Y tế đưa lên hệ thống Internet từ năm 2011 tại địa chỉ www.dohquangtri.gov.vn đáp ứng tốt nhu cầu cập nhật tin tức, sự kiện của ngành y tế. Phối hợp đơn vị bưu

sở đó, Sở Y tế tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo tất cả các đơn vị trong toàn ngành triển khai ứng dụng CNTT và các đơn vị điều trị có hợp đồng với Bảo hiểm Xã hội triển khai ứng dụng phần mềm quản lý hệ điều trị, đồng thời ban hành Quyết định số 855/QĐ-SYT ngày 23/9/2016 về việc ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT tại các đơn vị y tế trên toàn tỉnh.

Để đạt được các mục tiêu đề ra của việc triển khai ứng dụng CNTT qua từng giai đoạn, ngành y tế tỉnh Quảng Trị đã quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật CNTT, đạt tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành bình quân ước trên 35% vào năm 2017. Trong đó, tỷ lệ này ở hệ dự phòng là 75%, các bệnh viện là 20%, các Trạm Y tế là 30%- tương ứng mỗi trạm y tế xã có 2 hoặc 3 máy vi tính hoạt động bình thường và có kết nối mạng. Đến năm 2017, 92.8% máy vi tính ở các đơn vị y tế công lập của tỉnh có kết nối Internet và 100% đơn vị sử dụng mạng nội bộ-LAN kết nối Internet qua các đường truyền tốc độ cao với 16 máy chủ chủ yếu được trang bị tại các Bệnh viện/Trung tâm Y tế. Về nhân lực ứng dụng CNTT, 13/35 đơn vị của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị có 15 cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ Cao đẳng trở lên... Những nỗ lực này tạo điều kiện giúp ngành y tế ứng dụng CNTT để đối phó với dịch bệnh bằng các phần mềm chuyên môn về kiểm soát dịch bệnh-quản lý hóa chất, kiểm soát bệnh truyền nhiễm-vaccine, sức khỏe-nghề nghiệp và tai nạn thương tích, sức khỏe-môi trường, y tế lao động, trao đổi thông tin phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch y tế quốc tế trong hệ y tế dự phòng; ứng dụng CNTT để khai thác tốt hiệu ích của nhiều thiết bị y tế hiện đại đã tăng hiệu quả chẩn đoán và khám chữa bệnh của hệ điều trị như máy chụp mạch máu

kỹ thuật số xóa nền trong lĩnh vực tim mạch can thiệp (DSA), máy xét nghiệm tự động, X-quang kỹ thuật số, máy siêu âm 3D và 4D, máy chụp cắt lớp vi tính (CT), máy chụp cộng hưởng từ (MRI), hệ thống máy lọc máu liên tục, máy CT 80 dãy và 160 lớp cắt; ứng dụng CNTT trong giảng dạy và đào tạo ở Trường Cao đẳng Y tế; ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính và quản lý, điều hành ngành y tế. Nhờ đó, ngành y tế tỉnh Quảng Trị đã thực hiện tốt các nhiệm vụ dự phòng dịch bệnh, đặc biệt là ngăn chặn thành công các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới nổi như SARS, cúm A/H5N1, dịch bệnh tay-chân-miệng, dịch bệnh do virus Zika, Ebola, Mers-CoV; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, nhất là các bệnh lý tim mạch, thận-tiết niệu, ung bướu; hoàn thiện văn phòng điện tử của Sở Y tế theo xu hướng phát triển y tế điện tử.

Tuy nhiên, thực tế triển khai ứng dụng CNTT của ngành y tế tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Đó là: Nguồn nhân lực chuyên ngành CNTT chưa được chuẩn bị kịp thời cả về số lượng và chất lượng. Đầu tư cho CNTT chưa đạt mức cần thiết và chưa tương xứng với lợi ích mà CNTT mang lại. Việc quản lý Nhà nước về CNTT đang phân tán và thiếu hiệu quả. Việc ứng dụng CNTT vẫn còn mang tính hình thức, chưa thiết thực và gây lãng phí. Thiếu một kiến trúc, hệ thống chuẩn và một mô hình tham chiếu để xây dựng một hệ thống CNTT thống nhất. Kết cấu hạ tầng mạng thông tin còn thiếu đồng bộ so với yêu cầu phát triển chung. Việc ứng dụng phần mềm quản lý hệ điều trị tại các đơn vị chủ yếu được các bác sỹ giao điều dưỡng viên thực hiện. Hoạt động tuyên truyền, quảng bá về việc ứng dụng dịch vụ công ở mức độ 3 đến người dân và các doanh nghiệp chưa

được chú trọng. Nhiều cơ quan, đơn vị trong ngành y tế chưa coi trọng việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đầy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT ngắn hạn và dài hạn tại cơ quan, đơn vị mình. Những hạn chế này đặt ra với ngành y tế tỉnh Quảng Trị những thách thức về CNTT đòi hỏi phải nhanh chóng vượt qua bằng những giải pháp cụ thể như bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và kỹ

(bao gồm cả hạ tầng mạng và trang thiết bị CNTT), các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu, hướng dẫn và triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn và an ninh thông tin của các đơn vị. Xây dựng trung tâm dữ liệu (Data Center) và hệ thống bảo mật. Nâng cấp hệ thống Văn phòng điện tử của Sở Y tế nhằm phục vụ tốt hơn công tác quản lý công văn, quản lý nhân sự, quản lý các cơ sở



Công nghệ thông tin hỗ trợ chẩn đoán bệnh lý tim mạch. Ảnh: Bội Nhiên

năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức ở các đơn vị, đặc biệt là cán bộ chuyên trách CNTT; bổ sung cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ tối thiểu là Cao đẳng ở các đơn vị đang thiếu; xây dựng và triển khai Đề án Bệnh án điện tử của ngành y tế tỉnh Quảng Trị. Trên cơ sở đó, trong năm 2017, Sở Y tế tỉnh Quảng Trị tiếp tục: Xây dựng, phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật

khám chữa bệnh, quản lý các cơ sở kinh doanh thuốc và thực phẩm. Xây dựng phần mềm quản lý đấu thầu thuốc nhằm hỗ trợ công tác đấu thầu thuốc và vật tư y tế tại Sở Y tế. Xây dựng hệ thống bệnh án điện tử và quản lý hồ sơ y tế của người dân trong toàn tỉnh. Nền tảng thực hiện các nội dung này là mô hình quản lý và quy chế khai thác thông tin từ bệnh án điện tử được Sở Y tế xây dựng

và ban hành cùng với quy trình thực hiện phần mềm quản lý đấu thầu thuốc. Các giải pháp đã được Sở Y tế triển khai nhằm đạt mục tiêu đề ra là đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, qua các hội nghị và hội thảo,... để nâng cao hiểu biết, nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về lợi ích của việc xây dựng và khai thác các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực y tế như văn phòng điện tử, bệnh án điện tử, một cửa điện tử và phần mềm đấu thầu thuốc; khuyến khích các đơn vị đầu tư xây dựng các hệ thống phần mềm quản lý tại đơn vị dựa trên các ứng dụng CNTT hướng tới tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý cũng như công tác chuyên môn; khuyến khích các đơn vị đầu tư, triển khai các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn an ninh thông tin của các đơn vị bằng cách cử cán bộ phụ trách CNTT tham gia các lớp đào tạo kiến thức và kỹ năng quản trị mạng, phân tích thiết kế hệ thống, bảo mật do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

Vượt lên những thách thức cơ bản trong ứng dụng CNTT, toàn ngành y tế tỉnh Quảng Trị đã có bước chuyển biến tích cực mới trong năm 2017 với nỗ lực phát triển y tế điện tử: Hoàn thành số hóa 10 thủ tục hành chính công còn lại thuộc lĩnh vực kiểm dịch y tế và an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng và đưa tất cả các thủ tục hành chính công của Sở Y tế lên hệ thống một cửa điện tử của tỉnh. 100% văn bản (trừ văn bản mật) của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc (trừ văn bản đi của Trạm Y tế xã do không được trang cấp máy quét) được gửi và nhận qua hệ thống Internet. 100% hồ sơ nhân sự của cán bộ trong toàn ngành được cập nhật thường xuyên và định kỳ. 100% các cơ sở kinh doanh thuốc và khám chữa bệnh tư nhân được quản

lý hồ sơ trực tuyến. Công tác đấu thầu thuốc được hỗ trợ bởi phần mềm quản lý. Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế để đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin của người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao. Xây dựng bộ chuẩn dữ liệu đầu ra của các loại bệnh án và cập nhật dữ liệu hồ sơ bệnh án lên hệ thống Data Center tại Văn phòng Sở Y tế. Hoàn thiện và mở rộng hệ thống phần mềm quản lý hệ điều trị. 80% đơn vị y tế công lập được bố trí cán bộ chuyên trách CNTT. Gần 100% cán bộ, công chức, viên chức y tế biết sử dụng và khai thác phần mềm ứng dụng của ngành y tế trong công tác chuyên môn...

Ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động đã giúp các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành y tế của tỉnh Quảng Trị tăng tốc độ xử lý công việc và giảm chi phí hoạt động. Các dịch vụ công cơ bản trực tuyến ở mức độ 3 của ngành y tế tỉnh Quảng Trị đã đáp ứng được nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp ở mọi lúc, mọi nơi và trên nhiều phương tiện khác nhau. Từ đó, CNTT góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của lãnh đạo ngành y tế cũng như tăng cường năng lực dự phòng dịch bệnh và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh, góp phần giảm tình trạng quá tải ở bệnh viện tuyến trên, đồng thời góp phần đưa ngành y tế tỉnh Quảng Trị phát triển, bắt kịp sự tiến bộ của nền y tế nước nhà trong xu thế không thể đảo ngược của Cách mạng Công nghiệp 4.0.

N.B.N

ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT MỚI TRONG SẢN XUẤT CAM ĐẢM BẢO AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

LÊ THỊ NGỌC DIỆP

Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Quảng Trị

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp của tỉnh Quảng Trị có sự tăng trưởng liên tục; giá trị sản xuất toàn ngành năm sau cao hơn năm trước; năng suất cây trồng, vật nuôi từng bước được nâng lên; đã hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp, mang lại giá trị cao; một số sản phẩm nông sản đã xuất khẩu sang một số nước như tiêu, cà phê, cao su, tinh bột sắn... Tuy nhiên, ngành Nông nghiệp tỉnh nhà vẫn chưa tạo được nhiều đột phá; tính cạnh tranh về chất lượng hàng hoá còn thấp; những đặc sản vùng miền của tỉnh chưa có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Nhằm chuyển từ nông nghiệp lấy số lượng làm mục tiêu sang sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và phát triển bền vững; ứng dụng khoa học công nghệ, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; Ngày 20/4/2017, Tỉnh uỷ Quảng Trị đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về *Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh*

Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Đồng thời nhằm khai thác tiềm năng lợi thế của các vùng miền, từng bước tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Đề án số 1095/a/ĐA-UBND về *"Phát triển một số cây con chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng 2025"*, theo đó trong 08 loại cây trồng con nuôi chủ lực thì cây cam được xác định là một trong những loại cây ăn quả chủ lực của tỉnh. Mặc dù diện tích cam trên địa bàn tỉnh không nhiều, nhưng đây là loại cây trồng mang lại hiệu quả cao cho người sản xuất; được người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh ưa chuộng. Đặc biệt một số giống cam như cam Vân du, cam Xã Đoài, cam Valencia (V2), Quýt PQ1... tỏ ra thích nghi trên một số vùng đồi của tỉnh Quảng Trị.

Diện tích cam được mở rộng ngày càng nhiều trên cả nước nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng, điều này phù hợp chung với xu thế tiêu dùng ngày càng cao của người Việt Nam, do đây là

loại trái cây có chứa nhiều vitamin C, có thể thanh lọc cơ thể, giải độc, giúp tăng sức đề kháng cho sức khỏe con người, đặc biệt cam là thực phẩm rất tốt cho trẻ em.

Tuy nhiên, hiện nay người sản xuất chủ yếu trồng theo kinh nghiệm truyền thống. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trồng cam còn hạn chế, do vậy cây dễ phát sinh sâu bệnh dẫn đến việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy trình nên năng suất, chất lượng cam không cao, nguy cơ sản phẩm không

ứng dụng đồng bộ nhiều biện pháp từ khâu chọn đất, chọn giống, quy trình canh tác, chế độ chăm sóc, tưới nước cho đến sử dụng hoá chất thuốc bảo vệ thực vật hợp lý, cụ thể như sau:

Chọn đất trồng cam

Cây cam có thể trồng ở nhiều loại đất từ đất phù sa cổ, đất đồi mới khai hoang, đất phù sa, đất bồi... Loại đất phù hợp nhất là đất thịt, nhiều mùn, thoát nước tốt, mực nước ngầm dưới 1m. Tầng đất canh tác dày khoảng 0,8 - 1m, độ pH từ 5 – 7 , chất hữu cơ từ



Giống cam V2 được trồng thành công ở Quảng Trị. Ảnh: Nongnghiep.vn

đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) là rất lớn.

Để nâng cao năng suất, chất lượng, mẫu mã và tạo ra được sản phẩm đảm bảo ATVSTP, người sản xuất cần áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, GlobalGAP... trong đó

2% trở lên, hàm lượng N, P, K tổng số đạt mức trung bình: N > 0,1%, P2O5 > 0,08%, K2O > 0,5%; hàm lượng các nguyên tố vi lượng (Cu, Zn, Fe, B, Mo) cần đạt ở mức tối thiểu, kim loại nặng cần đạt yêu cầu theo quy định tại QCVN số 03-MT:2015/BTNMT vì vậy đất trồng

cam cần kiểm nghiệm chất lượng đất để lựa chọn vùng trồng cam cho phù hợp.

Chọn Giống

Chọn giống tốt và sạch bệnh sẽ giúp cây sinh trưởng khỏe trong giai đoạn kiến thiết cơ bản, tăng sức đề kháng đối với sâu bệnh, cho trái có phẩm chất ngon. Để có giống đạt chất lượng, nên mua giống từ những cơ sở được cấp phép sản xuất và cung ứng giống cây ăn quả. Cây giống phải khỏe, mập không mang mầm mống bệnh, có bộ rễ khỏe, đường kính thân cây cách vị trí ghép 3cm lớn hơn 0,5cm, chiều cao trên 30cm đối với cây ghép, với cây chiết đường kính thân lớn hơn 0,8 - 1cm. Đối với vùng đồi nên chọn giống cây ghép để có khả năng chịu hạn tốt hơn.

Mật độ: tùy theo giống để lựa chọn mật độ cho phù hợp, cần trồng ở mật độ thích hợp (Mật độ chung cho cây cam là 4 x 5 m) để tạo độ thông thoáng cho vườn cam nhằm hạn chế sâu bệnh tấn công, trú ẩn.

Áp dụng quy trình bón phân giúp tăng độ ngọt cho cam

Lượng phân vô cơ bón theo khuyến cáo đối với quy trình của từng giống cam, tuy nhiên phải đảm bảo cân đối giữa yếu tố đạm, lân, kali; bổ sung phân vi lượng (Bo, Cu, Zn, Mn, Mg...) bằng cách phun thêm phân bón lá chuyên dùng cho cây ăn quả để tăng năng suất và chất lượng cam. Tuy nhiên để đảm bảo ATVSTP cho quả cam cần chú ý không lạm dụng phân vô cơ, đặc biệt là phân đạm, phân bón lá. Cần ngưng sử dụng các loại phân này trước khi thu hoạch 15 ngày.

Để tăng độ ngọt cho cam thì bón đủ kali theo khuyến cáo và cần chú ý bón kali vào cuối giai đoạn nuôi quả. Bón kali nên chia thành 3 đợt như sau: bón 40% trước khi ra hoa, bón 20% sau

khi đậu quả, bón 40% còn lại trước khi thu hoạch 1-1,5 tháng.

Phân bón hữu cơ giữ vai trò quan trọng trong canh tác cam, bởi vì ngoài việc giúp tăng độ phì cho đất, tăng khả năng giữ nước, giữ phân, thúc đẩy phát triển hệ vi sinh vật đất, ổn định năng suất cây trồng còn giúp tăng độ ngọt cho cam. Đặc biệt trong giai đoạn kinh doanh nếu những năm mưa nhiều thì cần tăng lượng phân hữu cơ lên 30 - 40% để hạn chế giảm độ ngọt cho quả cam. Lượng phân hữu cơ bón lót phải đảm bảo 50 - 60kg/hố, hàng năm phải bổ sung 30 - 40kg/cây. Phân hữu cơ nên được ủ với chế phẩm trichoderma trước khi bón 1 - 1,5 tháng để giúp diệt các loại nấm có hại trong đất gây bệnh thối rễ vàng lá cây cam.

Cây cam rất cần vôi. Vôi bón lót trước khi trồng, số lượng tùy theo độ chua của đất, thông thường khoảng 300 - 400kg/ha, hàng năm nên bón thêm vôi cho cây cam vào trước mùa mưa số lượng khoảng 250 - 300kg/ha, để hạn chế nấm bệnh trong đất phát triển như bệnh vàng lá, thối rễ, chảy mủ thân. Bón vôi còn giúp vi khuẩn có lợi trong đất phát triển, giúp chất hữu cơ phân hủy nhanh hơn, giúp giữ chất mùn không bị rửa trôi.

Tỉa cành, tạo tán

Sau khi trồng cây đã ổn định tiến hành cắt cành ngọn để tạo tán cho cây phát triển thành 3 - 4 cành cấp I theo 4 hướng, từ mỗi cành cấp I lại để 3 - 4 cành cấp II... Các cành vượt cũng thường xuyên cắt tỉa (chú ý cắt sát thân cành để tạo mô sẹo). Giai đoạn kinh doanh cần thường xuyên tỉa cành, những cành già cỗi sau một thời gian cho quả cũng cần cũng cần tỉa quả để quả phát triển đồng đều. Những cành già cỗi sau một thời gian cho quả cũng cần chặt bỏ nuôi

những cành non mới cho quả trong những năm tiếp theo.

Sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt cho cam

Có các phương pháp tưới nước hiện nay cho cam đó là tưới rãnh, tưới tràn, tưới phun mưa và tưới nhỏ giọt. Trong các phương pháp tưới trên thì tưới nhỏ giọt là một giải pháp hữu hiệu, có tính đột phá cho vùng khô hạn, thiếu nguồn nước. Có thể tưới phân vô cơ cho cây qua hệ thống tưới nhỏ giọt để tiết kiệm công lao động. Sử dụng hệ thống này sẽ giảm được lượng nước tưới rất nhiều, giảm chi phí công tưới, công bón phân; mặt khác còn giúp tăng năng suất, giảm sâu bệnh hại, giúp tăng thu nhập cho hộ gia đình, hơn thế nữa giúp giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường do phân bón gây ra. Sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt có thể giảm được 20 - 30% chi phí sản xuất, tăng 10 - 20% năng suất quả cam và 20% lợi nhuận cho người trồng cam.

Ứng dụng tiến bộ mới trong quản lý sâu bệnh hại

Các cây có múi thường bị nhiều loài dịch hại nguy hiểm, là nguyên nhân quan trọng làm giảm năng suất và chất lượng. Về sâu hại, đáng chú ý là sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh, rệp, bọ trĩ, ruồi đục quả. Về bệnh có các bệnh thán thư, ghẻ, loét vi khuẩn, nứt thân xì mũ, vàng lá gân xanh, vàng lá thối rễ. Nhóm nhện hại gồm các loài nhện đỏ, nhện trắng, nhện... trong đó các loại dịch hại khó phòng trị đó là vàng lá gân xanh, ruồi đục quả, bệnh vàng lá thối rễ.

Nguyên tắc phòng bệnh là chính, trừ là giải pháp tình thế. Khi phải sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thì cần ưu tiên sử dụng thuốc thảo mộc, thuốc sinh học, thuốc ít độc cho người và động vật máu nóng. Sử dụng thuốc theo nguyên

tắc 4 đúng và đảm bảo thời gian cách ly theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Đối với bệnh greening (vàng lá gân xanh)

Để hạn chế bệnh này, tốt nhất nên sử dụng cây giống sạch bệnh; trồng xen ổi trong vườn cam để xua đuổi rầy chổng cánh (tác nhân truyền bệnh vàng lá gân xanh); trồng cây chắn gió để hạn chế sự xâm nhập rầy chổng cánh vào vườn. Khi trong vườn có cây bị bệnh cần sử dụng thuốc hóa học an toàn, hợp lý để tiêu diệt rầy chổng cánh, hạn chế nguy cơ truyền bệnh.

- Ruồi đục quả

Ruồi đục trái hay còn gọi là ong đục quả. Biện pháp hiệu quả nhất và đảm bảo ATVSTP là dùng bẫy bả để diệt. Đặt bẫy để tiêu diệt con trưởng thành. Dùng các loại thuốc: Vizubon-D hoặc Sofri Protein 10 DD sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Thời gian đặt bẫy, phun bả: Thực hiện liên tục trong suốt vụ trái cây khoảng từ tháng 3 đến tháng 7 hàng năm, cho đến khi ruồi vào bẫy giảm 80 - 90% thì mới dừng đặt bẫy. Duy trì việc châm thuốc vào bẫy 10 - 15 ngày 1 lần. Sử dụng biện pháp này có hiệu quả cao khi những vườn cam trong vùng đều được đặt bẫy.

- Bệnh xì gôm chảy nhựa mũ

Bệnh xì gôm chảy nhựa mũ ở thân cây cam do chủng nấm *Phytophthora sp.* gây ra, bệnh thường phát sinh và phát triển mạnh trên những vườn cây ăn quả già cỗi, kém chăm sóc, dinh dưỡng không cân đối, đất thiếu hữu cơ, cây còi cọc chậm phát triển, cây trồng với mật độ quá dày thiếu ánh sáng, vườn thoát nước kém.

(Xem tiếp trang 78)

Cứ ba năm một lần, vào ngày mồng bốn và mồng năm, tháng Giêng âm lịch, tại ngã ba Gia Độ, thuộc làng Gia Độ, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị lại diễn ra Lễ hội đua thuyền truyền thống đông vui, náo nhiệt và không kém phần linh thiêng giữa hơi thở nồng nàn của mùa Xuân đón Tết cổ truyền còn đọng lại muôn nơi

Lễ hội đua thuyền ở làng Gia Độ

LÊ VĂN HÀ

Gia Độ là một ngôi làng cổ có tên từ đợt di dân lần thứ hai vào Quảng Trị trong sách “Ô Châu cận lục” của Dương Văn An. Trải bao thăng trầm lịch sử, làng Gia Độ vẫn đứng vững và tồn tại như ngày hôm nay với ruộng đồng thẳng cánh cò bay, bao la trù phú, khí hậu ôn hòa cả bốn mùa xuân, hạ, thu, đông bởi địa hình sông nước. Gia Độ có vị trí địa lý giáp làng An Giạ ở phía Nam, phía Đông giáp làng Giáo Liêm, phía Tây và Tây Bắc giáp sông Thạch Hãn và sông Hiếu. Ngã ba Gia Độ chính là đoạn sông vòng cung qua làng Gia Độ, nó được hợp lưu bởi con sông Thạch Hãn và sông Hiếu trước khi cùng đổ ra biển Cửa Việt. Ca dao Quảng Trị có câu rằng:

“Đây về Gia Độ mấy đò

*Nói cùng anh biết, anh cho mượn
tiền”.*

Đã khái quát con đường về Gia Độ hẳn nhiên là cách trở bởi ngôi làng này có đến ba bến đò ngang từ ba phía. Qua sông Thạch Hãn thì có bến Lập Thạch (Thuộc xã Triệu Lễ, nay là phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà) từ phía Tây. Đến từ phía Bắc có bến đò Nam-Bắc Cửa Việt và từ phía Đông là bến đò Triệu Phước.

Tuy nhiên, hiện tại thì các bến đò này đã được thay thế bằng những cây cầu hiện đại. Như thế, làng Gia Độ gần như được bao bọc ba bên, bốn bề bởi sông nước. Là một ngã ba sông, nên ngã ba Gia Độ rộng mênh mông, nước sâu thăm thẳm, leo lẻo một màu xanh đầy vẻ huyền bí nên khiến người chèo đò luôn cảm thấy mơ hồ một nỗi ngại ngần, sợ hãi nào đó. Trong thực tế của quá khứ, không ít trường hợp đắm đò, chết đuối thương tâm khiến con người nơi đây phải làm lễ vật cúng “Hà Bá” và tổ chức đua thuyền nhằm mục đích cầu an để được phúc nhiều, họa ít như một nhu cầu của tâm linh. Chính vì thế, đua thuyền ở làng Gia Độ là một lễ hội, chứ không đơn thuần chỉ có phần hội như những nơi khác..

Bây giờ Lễ hội đua thuyền ở làng Gia Độ vẫn được tổ chức theo nghi thức truyền thống, nhưng giá trị tích cực của nó đã được nâng cao hơn nhiều do đổi mới trong nhận thức. Lễ hội đua thuyền gồm hai giải chính: Giải Cúng diễn ra vào ngày mồng bốn Tết và Giải Phá diễn ra vào ngày mồng năm Tết do một ban tổ chức điều hành gồm các vị tộc trưởng, bậc cao niên và đại diện của UBND xã Triệu Độ.

Vào khoảng từ 1 đến 3 giờ sáng mùng 4 Tết, các vị bô lão chuẩn bị lễ vật gồm trà, trà, hương, hoa, quả, rượu, thịt lợn đến tại một cái rạp đã được dựng sẵn ở miếu Dinh Ông, thiết lập bàn thờ Tổ quốc, dựng hương án để hành Lễ cầu an. Ban hành lễ gồm người đọc văn chúc, một người xướng lễ. Mục đích của Lễ cầu an chính là cầu cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng phong túc, con người được vui xuân hưởng lộc mà trực tiếp là để nghinh thỉnh các vị thần về chấp nhận, chứng kiến và phù hộ cho hội đua thuyền của làng được thuận lợi, tăng cường sức khỏe cho trai tráng của làng.

Vào ngày mùng năm, khi trời hửng sáng, bốn đoàn thuyền của hội đua gồm

Bước vào phần hội, điểm đua là một bến đò trước miếu Dinh Ông, vòng đua có cự ly dài 1km. Bốn đoàn phải chèo thuyền chạy ba vòng, sáu tao, tức chạy theo hình số 8 qua ba chiếc vè cắm ở trên sông (mỗi vòng tạo thành tạo 2 tao hình số 8). Khi Ban Tổ chức dứt ba hồi, chín đui trống lệnh, bốn đoàn thuyền lập tức xuất phát. Ngã ba sông Gia Độ trở nên sôi động bởi song nước cuộn lên từ những mái chèo trong tay các chàng trai cuộn cuộn bấp thịt; tiếng reo hò cổ vũ của người xem đông nghịt trên bờ, tiếng vỗ tay tán thưởng của nam thanh, nữ tú trong sắc sỡ sắc màu sinh động của trang phục đón Tết càng làm tăng thêm sinh khí mùa xuân tươi trẻ của một vùng đất.

Đoàn về nhất sẽ được thưởng một lá cờ Tổ quốc kèm theo hiện vật hoặc tiền (cho mỗi giải). Tuy rằng, giá trị vật chất của giải không lớn nhưng mang một ý nghĩa tinh thần rất đáng trân trọng.

Lễ hội đua thuyền ở làng Gia Độ là một hoạt động Văn hóa-Thể thao mang tính truyền thống, nó không chỉ thể hiện khát vọng bình yên của con người trong cuộc sống mà còn là khát vọng nâng

cao sức khỏe, sự linh hoạt khéo léo và cả trí tuệ để xây dựng quê hương; đồng thời cũng là dịp để dịp để con người vui chơi, giải trí sau những tháng ngày vất vả lao động, trai gái có điều kiện tỏ tình trong ánh xuân hồng của những ngày đầu năm mới.

Nguồn: dulich.quangtri.gov.vn



Lễ hội đua thuyền truyền thống hàng năm vào những ngày đầu xuân mới.
Ảnh: dulich.quangtri.com

những thanh niên mạnh khỏe, thạo nghề sông nước với từng mâm lễ vật riêng chèo thuyền ra chính giữa ngã ba sông Gia Độ thả hương cúng thần Hà Bá với mong muốn được thần phù hộ cho đoàn mình dẻo dai, sức khỏe, an toàn trên sông nước và giành được chiến thắng trong cuộc đua.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân ta; nhà lãnh đạo xuất sắc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc ta. Người không chỉ là nhà tư tưởng, nhà lý luận mà còn là kiến trúc sư lỗi lạc của nền hành chính nhà nước Việt Nam.

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRÍ ÁNH

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Trị

Hẳn chúng ta không ai quên trong cuộc họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc sau tháng 8/1945, Người nêu rõ mục tiêu của Nhà nước là: “1. Làm cho dân có ăn; 2. Làm cho dân có chỗ ở; 3. Làm cho dân có học hành”. Người còn nói: “*Chúng ta đấu tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng chẳng làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ*”⁽¹⁾. Bởi vậy, hoạt động của nền hành chính nhà nước trước hết phải

phục vụ cho: Độc lập - Tự do – Hạnh phúc. Đây cũng là tiêu ngữ cho mọi văn bản hành chính của nhà nước ta trong hơn 73 năm qua.

Về mặt học thuật, hành chính nhà nước là hệ thống các yếu tố hợp thành về tổ chức (bộ máy, con người, nguồn lực công) và cơ chế hoạt động để thực thi quyền hành pháp của nhà nước theo qui định pháp luật. Theo đó, một nền hành chính nhà nước cần phải hội đủ các yếu tố sau: *Thứ nhất*, hệ thống thể chế

hành chính bao gồm Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh và các văn bản qui phạm về tổ chức, hoạt động của hành chính nhà nước và tài phán hành chính; *Thứ hai*, cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành của bộ máy hành chính nhà nước các cấp, các ngành phù hợp với yêu cầu thực hiện quyền hành pháp; *Thứ ba*, đội ngũ cán bộ, công chức hành chính được đảm bảo về số lượng và chất lượng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của nền hành chính và cuối cùng là nguồn

phần vận hành tốt hơn nền hành chính do dân vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Năm 1947, trong cuốn sách “Sửa đổi lề lối làm việc” để huấn luyện về lề lối làm việc của cán bộ, một trong những điều Bác viết: **Bất kỳ việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân.** Trước khi đi xa, trong bản Di chúc thiêng liêng, Bác căn dặn: Mỗi đảng viên, cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách



Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ sáu, khóa XII.
Ảnh: dangcongsan.vn

lực tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm yêu cầu thực thi công vụ của các cơ quan và công chức hành chính.

Tuy nhiên trong khuôn khổ của bài viết chỉ nêu một vài cảm nhận về phong cách của Bác và chúng ta làm gì để góp

mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Người cán bộ, công chức không có phạm sự nào khác ngoài phạm sự



Đồng chí Nguyễn Đức Chính, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị phát biểu tại buổi làm việc với Đoàn công tác Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ. Ảnh: Tinhuyquangtri.vn

phục vụ nhân dân, vì nhân dân mà làm việc. Tư tưởng phục vụ nhân dân là tư tưởng cốt lõi trong đạo đức, nhân cách của Bác. Với địa vị là công bộc của dân, Bác luôn nhắc nhở người cán bộ công chức phải yêu dân, kính dân. Người nói: Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta. Người kịch liệt lên án những cán bộ công chức miệng thì nói dân chủ làm việc thì theo lối quan chủ, miệng thì nói phụng sự quần chúng nhưng họ lại làm trái ngược với lợi ích của quần chúng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người mà lời nói đi đôi với hành động, lý luận đi đôi với thực tiễn, nói là để mà làm, không những phải tìm hiểu thế giới mà còn phải cải tạo thế giới. Nói đi đôi với làm là nguyên tắc đạo đức của Người. Người khuyên chúng ta: “Nói miệng, ai

cũng nói được. Ta cần phải thực hành”.⁽¹⁾ Đó chính là phong cách của Bác.

Phong cách này được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” nêu các nội dung cơ bản của các phong cách đó với những đặc trưng giá trị, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh, gắn liền với tư tưởng, đạo đức của Người; thể hiện của một nhân cách lớn, siêu việt, trí tuệ lỗi lạc, đạo đức trong sáng, nhân văn.

Phong cách Hồ Chí Minh là phong cách của một vĩ nhân, một chiến sỹ cộng sản lỗi lạc, một nhà văn hóa lớn của nhân loại; một phong cách vừa dân

tộc vừa hiện đại, vừa khoa học vừa cách mạng, vừa cao cả vừa thiết thực, có thể học tập và noi theo.

Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về cải cách hành chính có nhiều việc phải làm nhưng trước hết cần phải khẳng định và giữ vững tính chất nhà nước của dân, do dân, vì dân của nền hành chính pháp quyền nước ta.

Với tinh thần đó, cải cách hành chính là để góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy vai trò tham gia quản lý, tư vấn, giám sát, phản biện xã hội trong hệ thống chính trị, nhằm cải thiện quan hệ giữa cơ quan, công chức nhà nước với công dân ở một số lĩnh vực hành chính công theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ trên cơ sở bình đẳng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghét cay, ghét đắng thái độ của một số cán bộ, đảng viên “Coi khinh dân gian, nói phô, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng”. Năm 1947, trong bài nói chuyện với cán bộ tỉnh Thanh Hóa, Bác căn dặn: “Đối với nhân dân, phải nhớ Đảng làm việc cho dân, Đảng mạnh hay yếu là ở dân. Phải hiểu nguyện vọng của dân, sự cực khổ của dân, hiểu tâm lý của dân, học sáng kiến của dân. Muốn cho dân phục, phải được dân tin, muốn cho dân tin thì phải thanh khiết”. Người lại nói: “Nhiệm vụ của đoàn thể là phụng sự nhân dân. Nghĩa là làm đầy tớ cho dân. Đã phụng sự nhân dân thì phải phụng sự cho ra trò. Nghĩa là việc gì có lợi cho dân thì phải làm cho kỳ được. Việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh. Không học hỏi dân thì không lãnh đạo được dân. Có biết làm học trò dân, mới làm được thầy học dân”⁽²⁾. Người khẳng định “Nơi nào công việc kém, là vì cán bộ cách xa dân chúng, không cùng

dân bàn bạc, không giải thích”. “Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”⁽³⁾.

Để gần dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra nguyên tắc “Việc gì cũng phải học hỏi và bàn bạc với dân chúng, giải thích cho dân chúng”. “Tin vào dân chúng. Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết...”⁽⁴⁾. Tuy nhiên, trong dân chúng thì có người “tiên tiến”, người “chùng chùng” và cũng có người nhận thức chưa đến, thậm chí còn “lạc hậu”. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng “phải biết lắng nghe, phân tích những ý kiến, sáng kiến của nhân dân để từ đó kiểm định chủ trương, chính sách, pháp luật và việc làm của cán bộ, đảng viên, tìm ra cái hay để phát triển và cái dở để sửa chữa. Có tâm với dân thì sẽ làm tốt điều đó. “Nước mình mình cứu, dân mình mình yêu”.⁽⁵⁾ Để gần dân, có nhiều cách nhưng hay nhất là đến với dân. Theo các nguồn sử liệu, chỉ trong vòng 10 năm (1959 đến năm 1969), Bác Hồ đã có hơn 700 đến với người dân để thăm hỏi, nói chuyện, hoặc cùng lao động sản xuất.

Có lần Bác nói chuyện với dân, thấy trời nắng, một cán bộ địa phương mang ô đến che nắng cho Bác, Bác bảo: “Dân chịu được thì Bác cũng chịu được. Chú cứ làm như Bác là ông quan ngày xưa”. Bác thường căn dặn các đồng chí bảo vệ: “các chú làm gì thì làm, chứ không được biến Bác thành một người đặc biệt, xa cách với dân”. Bác nói “Trên đời không có gì quý bằng nhân dân”. Cũng vì yêu quý nhân dân nên Người coi nỗi đau của nhân dân cũng là nỗi đau của mình và chùng nào trong xã hội còn có những người bất hạnh, thì chùng

đó Người vẫn cảm thấy có phần trách nhiệm của mình. Xuất phát từ tình yêu và trách nhiệm to lớn đối với dân, Bác đòi hỏi các cán bộ, đảng viên phải có hiểu với dân, phải là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Viết lại những điều mà chắc mọi người đã thuộc, đã biết chỉ với một hàm ý, một thông điệp: gần dân là tiêu chuẩn, là phẩm chất của cán bộ, đảng viên và những là công bộc của dân.

Vấn đề thứ hai trong cải cách hành chính là phải kiện toàn hệ thống chính trị để hỗ trợ cho cải cách hành chính.

Trong những năm qua, Đảng ta đã ban hành và thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước được sắp xếp, kiện toàn; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần vào thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới.

Tuy nhiên, cho đến nay tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, kém hiệu lực, hiệu quả. Số người hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước ở các đơn vị sự nghiệp công và người hoạt động không chuyên trách cấp xã ngày càng nhiều.

Từ tình hình đó, BCH Trung ương Đảng (khóa XII) đề ra mục tiêu: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã

hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương. ⁽⁶⁾

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân ta đang thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Bác Hồ về lề lối làm việc, cải cách hành chính hướng tới xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Vấn đề đặt ra là mỗi người trên cương vị công tác phải toàn tâm, toàn ý phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, để mãi mãi xứng đáng là công bộc của nhân dân.

Đó là cách tốt nhất để tư tưởng của Người mãi mãi trường tồn.

N.T.A

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995, t.7, tr274

(2) (3) (4) (5). Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4; t.5

(6) Nghị quyết số 18-NQ/TW BCH Trung ương Đảng khóa XII

ĐẢNG LÀ MÙA XUÂN MÙA XUÂN LÀ ĐẢNG

HOÀNG BÍCH HÀ

Đảng là mùa Xuân, mùa Xuân là Đảng, đó sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng cũng là sự lựa chọn mang tính quy luật, tính lịch sử, để rồi từ đó “*Đảng đã cho ta sáng mắt, sáng lòng*”, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì lý tưởng “*không có gì quý hơn độc lập tự do*”, đem lại mùa Xuân bất tận cho dân tộc.

Đã 87 mùa xuân đi qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu, nhân dân ta đã vùng lên giành lại nền độc lập, tự do, đưa đất nước ta thoát khỏi “*đêm trường nô lệ*”. Đó là vào ngày

2 tháng 9 năm 1945 Bác Hồ đã đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng và Bác Hồ đã chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua biết bao thác ghềnh “*Ném mật nếm gai*”, đưa cách mạng Việt Nam từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và đã làm nên một Điện Biên “*Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*”. Cả dân tộc Việt Nam còn



nhớ như in Mùa Xuân năm 1968 với lời thơ chúc Tết bất hủ, đồng thời cũng là lời tiên tri của Bác *“Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!”* đã tạo nên một bước ngoặt lịch sử để Mùa Xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa dân tộc ta bước vào một mùa Xuân bất tận. Từ đó đến nay, các kỳ Đại hội toàn quốc của Đảng thường được tổ chức vào mùa Xuân. Sau mỗi kỳ Đại hội, Đảng ta lại đem đến cho dân tộc những mùa Xuân ấm no hạnh phúc ngày càng đậm chồi nảy lộc. Một mùa Xuân mới đã về. Với bản lĩnh chính trị được rèn luyện qua 87 mùa Xuân mà đặc biệt là thành công của đại hội XII của Đảng, thì sức sáng tạo sẽ luôn tươi mới như “chồi non, lộc biếc”, tin rằng Đảng ta sẽ lãnh đạo đất nước vượt qua thử thách, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đến bến bờ vinh quang. Với những trang sử vàng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ trong suốt 87 năm qua, nhân dân ta đều có quyền tự hào với một niềm tin mãnh liệt: Chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới đem lại những mùa Xuân cho đất nước, sức Xuân của lòng người. Đúng như Bác Hồ đã khẳng định: *“Ngoài lợi ích của nhân dân, của dân tộc, Đảng không có lợi ích gì khác!”* hay *“Đảng ta là đạo đức, là văn minh, là thống nhất, độc lập, là hòa bình, ấm no...”*. Lời dạy ấy đến nay vẫn còn nguyên giá trị đối với Đảng và trở thành lẽ sống, lời tuyên thệ của tất cả những người đảng viên chân chính dâng lên Đảng và Bác Hồ kính yêu mỗi khi Tết đến, Xuân về. Có lẽ đây là một sự tình cờ nhưng sự tình cờ ấy đã đem lại một niềm tự hào riêng có đối với dân tộc Việt Nam. “Mùa xuân với Đảng, Đảng với mùa xuân” đã trở thành một cặp song

sinh mãi mãi cùng không gian, thời gian và tấm lòng, tình cảm mến yêu, trân trọng, cảm phục của mỗi một người con dân nước Việt đối với Đảng. Có lẽ trên thế giới này chưa ở đâu và chưa có dân tộc nào khi nhắc đến, nói đến Đảng cảm quyền của mình lại có một sự trân trọng và tự hào, yêu quý Đảng như dân tộc Việt Nam, đó là hai tiếng “Đảng ta”. Đó là một sự khẳng định những gì đáng trân trọng nhất, quý mến nhất, gần gũi, tin cậy nhất mà nhân dân, đất nước giành riêng cho Đảng của mình. Sau khi đất nước hòa bình thống nhất cả dân tộc Việt Nam đã *“rũ bùn đứng dậy sáng lòa”*. Để giành được những thắng lợi to lớn, toàn diện trên các lĩnh vực như vậy là nhờ trong suốt 87 năm qua, dưới sự dìu dắt, rèn luyện của Bác Hồ kính yêu và thực tiễn lãnh đạo của Đảng, Đảng đã làm cho “Đảng Ta” thực sự là Đảng của giai cấp, dân tộc, thực sự là Đảng của *“Muôn vạn tấm lòng niềm tin”* như nhà thơ Tố Hữu đã khẳng định.

Mừng Xuân, mừng Đảng, kỷ niệm 87 năm ngày thành lập Đảng, toàn dân, toàn quân thành kính dâng lên Đảng, những tình cảm tốt đẹp nhất của mình. Chúc Đảng mãi mãi là mùa xuân, mong Đảng tổ chức thực hiện tốt nhất cuộc vận động xây dựng chính đốn Đảng đúng với tinh thần *“xây dựng Đảng là then chốt”* để Đảng ta thực sự trở thành một Đảng cách mạng chân chính. Để Đảng mãi mãi là “Đảng Ta” của giai cấp, dân tộc trên con đường đi tới, thực hiện thắng lợi mục tiêu *“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”* mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn và đã lãnh đạo dân tộc phấn đấu không ngừng mới đạt được như hôm nay.

H.B.H

Nghĩ về bánh chưng, bánh tét

Nếp đậu lá chuối lá dong...
 Lạt mềm uốn lượn...
 Là xong vuông, tròn
 Màu xanh...
 Màu của nước non
 Mấy nghìn năm...
 Với cháu con vua Hùng
 Bánh tét tròn...
 Vuông bánh chưng...
 Tượng trưng trời đất...
 Gói dâng tặng đời
 Trải bao biến đổi thế thời
 Bánh chưng, bánh tét...

Lòng người nhắc nhau
 Ở ăn có trước, có sau
 Tình làng, nghĩa nước
 Sống sao vẹn tròn
 Bánh chưng vuông, bánh tét tròn
 Hai miền sum họp...
 Nước non rạng ngời
 Giao thừa...
 Xuân chuyển đất trời
 Việt Nam
 Đất nước đời đời thịnh hưng.

HOÀNG BÍCH HÀ

H.B.H





Thơ tứ tuyệt

Một mẫu mực của sự cô đọng, hàm súc

VÕ VĂN LUYẾN

Nhiều định nghĩa về thơ: “*Thơ là tinh hoa, là thể chất cô đọng của trí tuệ và tình cảm*” (Thanh Tịnh), “*là biểu hiện tinh chất của cuộc sống*” (Tố Hữu), “*là lọc lấy tinh chất*” (Xuân Diệu), “*là cái lõi của cuộc sống*” (Lưu Trọng Lư). Có bao nhiêu cách định nghĩa có bấy nhiêu cách đánh giá có khác nhau đôi chút về dùng từ nhưng ý thì thống nhất làm một: sự cô đọng, hàm súc là một đặc điểm cơ bản nhất của thơ tứ tuyệt.

Sự cô đọng, hàm súc với thơ tứ tuyệt không chỉ là một yêu cầu nghệ thuật chung nhất mà có dấu hiệu riêng của nó. Nói như Xuân Diệu, “*tứ tuyệt là một thể thơ rất khó, phải tập trung, hàm súc và cần có một sáng tạo gì như là một sự bất ngờ, một uẩn khúc trong bốn câu*” (Xuân Diệu - *Đạo có mài mới sắc*, NXB Văn học, 1993).

Một bài tứ tuyệt cổ điển 20, 28 từ, hiện đại nhiều hơn nhưng cũng chỉ giới hạn trong bốn câu (hay bốn dòng). Hình thức ngắn gọn của loại “*thơ cầm tay*” (Chế Lan Viên) như tứ tuyệt phản ánh một mô hình lý tưởng. Đó là mô hình của sự ngắn gọn để hàm súc. Nó phải biết dừng đúng lúc, đúng chỗ (tri sở chỉ) để còn lại dư ba. Chế Lan Viên đi thẳng vào vấn đề “*Thơ là cô đúc*”, “*thơ đòi cô*

đúc để rồi trong một phút nở ra như một tiếng sét”. Trong cô đúc, có vấn đề đúc chữ. Đúc chữ không có nghĩa là làm cho chữ nằm bẹp trên trang giấy mà làm cho chữ linh hoạt sống động, tựa quây, kêu vang. Người xưa cho rằng đúc chữ sao cho gột hết dấu vết cố ý chủ quan của con người mới hay. Tô Đông Pha nói thơ cần “*ngụ ý*”, không cần “*lưu ý*” để lại dấu vết của ý. Cô đúc chính là sự thấu triệt tinh thần “*quí hồ tinh, bất quí hồ đa*”. Tức là tiết kiệm ngôn ngữ đến mức tối đa, nói cốt để kêu gọi hơn là tham vọng diễn tả trọn vẹn đối tượng. Tiết kiệm theo kiểu lọc lấy tinh chất ngôn ngữ, loại bỏ những xác chữ không cần thiết, nghĩa là trọng “*chất*” hơn “*lượng*”. Chất mà trữ phát được nhiều năng lượng còn hơn lượng nhiều nhưng kém chất. Sự cô đọng này cũng thể hiện “*tính hiện đại*”, vì chú trọng “*lượng thông tin*”. Sự cô đọng trong bốn câu đòi hỏi thấu tóm “*cái thần*” của sự vật, sự việc.

Ngô Quân Miện có câu thơ “*ngắn lại câu thơ, dài sợi tóc*”, muốn cho thơ cô đọng phải nhiều gian nan vất vả. Trong tiểu thuyết **Bác sĩ Faust**, Thomas Mann đã mượn lời của nhân vật Lèveccum nói lên nhận định của mình về nghệ thuật “*chỉ có cái gì cô đọng lại đến giới hạn cái khoảnh khắc... thì đó mới là chân thực và*

nghiêm túc". Nhà lý luận âm nhạc hiện đại chủ nghĩa Adorano nói nghệ thuật là "*những biên bản*", "*sự ghi lại những va chạm*", vì thế phải làm sao cho cô đọng nhất, vì trong tình trạng cô đọng ngắn gọn và cụ thể của từng giây phút trong quan hệ "*ghi chép*" đối với đối tượng xuất hiện một tính cụ thể mới "*tính vật chất*". Thơ tứ tuyệt chính là đạt được sự cô đọng đáng mong ước đó.

Truyền thống "*cô đọng*" trong thơ bác học của Việt Nam có lẽ đã và đang là thơ tứ tuyệt. Một Trần Dần thử nghiệm "*thơ Mini*" một câu, kiểu như "*mưa rơi không cần phiên dịch*". Cũng một cách "*lạ hoá*" nhưng không mới, bởi đây chưa phải là một cách kiến tạo nghĩa gây được hứng thú thường thức cho nhiều người. Một Thái Bá Tân "*tập nhiễm*" với những bài thơ dịch loại ba câu để sau đó, tác giả có cả tập hàng trăm bài thơ ba câu do mình sáng tác, đáng để cho ta suy nghĩ kiểu như:

Tôi đi nhật tụng âm thanh cuộc đời
Xếp lại thành thơ
Như công nhân nhà in sắp chữ.
Anh nhắm mắt tìm em
Nhưng em tan
Như nước mưa nhoè trên cửa kính.
Cây tầm gửi
Sống bám vào cây đa già
Và xanh như không có chuyện gì xảy ra.
Tôi khum tay thành chiếc tổ
Để nâng niu tình yêu
Tình yêu chui qua kẽ tay.

Nhìn ra thể Hai Ku - một loại thơ ba câu của Nhật Bản, cô đọng hàm súc mà lại rất khái quát:

Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô

Mùa thu!

Tả mùa thu chỉ bằng một hình ảnh "*nai vàng*" với "*lá vàng*" là đủ. Cô đọng đến như thế, không thể nói nhà thơ Hai Ku kém nhà thơ tứ tuyệt ở đây được. Tuy nhiên, đã trở thành máu thịt đường như những nhà thơ Việt hiện đại vẫn thích hợp "*khẩu vị*" tứ tuyệt nhiều hơn.

Thơ tứ tuyệt lên ngôi bằng sự hưởng ứng mạnh mẽ trong thực tế tất phải có lý do sâu xa mà chính bản thân tứ tuyệt mới là lời giải đáp. Có lẽ nhiều người vẫn thường nói đến khoảnh khắc đầy phát hiện của thơ tứ tuyệt nhưng gần gũi nên tính chất tượng trưng của nó không thuần lý khô khan. Tính triết lý, vì thế, không cần có một quá trình chiêm nghiệm trước và sau đó, mà tác giả lẫn người đọc như cùng phát hiện và hứng thú vì ngay lập tức thức nhận như kiểu "*O ré ka*" của Acسیمet. Cũng cần nói thêm rằng khoảnh - khắc - tứ - tuyệt được nhìn bằng con mắt sáng tạo nghệ thuật, nghĩa là có những sự vật hiện tượng ai cũng "*biết tuốt*". Nhưng vào bàn tay tài năng của nhà thơ nó lại biến hoá muôn hình vạn dạng như một bước nhảy từ ảo qua thực, từ thực qua ảo.

Hừng đông chính là cái hôn cuối cùng
Của người đàn ông sau mười hai giờ
hòa trộn

Cặp môi hồng dính vào cặp môi đen gỡ
dần ra êm ái...

Sau cái hôn cuối cùng còn để lại những
giọt sương

(*Không đề - Phùng Khắc Bắc*)

Cô đọng để hàm súc "*người làm thơ biết dùng im lặng; tức là biết viết một cách hàm súc*". Như đã nói, hàm súc đi với dư ba, chữ hết nhưng ý tình chưa hết. Theo quan điểm mỹ học

phương Đông, lời nói hữu hạn không thể nào diễn đạt được hết cái chân lý vô cùng, tĩnh mà động, vừa hằng thường, vừa bất biến, huyền diệu khó nắm bắt. Vì thế, cái nguyên lý thuộc về bản chất của thơ đặc biệt thơ ngắn như tứ tuyệt, là hàm súc, “*hàm súc là vẻ phác hơn là vẽ hết, là kêu gọi hơn là phô bày*”.

Hàm súc không đơn giản là ngắn gọn, bởi vì ngắn gọn nhiều khi không nói được điều gì cả, nhưng muốn ngắn gọn mà bật ra một điều gì đấy mới đạt đến sự hàm súc. Vì thế, cái nhìn của tứ tuyệt là cái nhìn của **Cái Biết** (gần với thấu thị trực giác) hơn là thị giác, “*gọn mà không rỗng*” (Nguyễn Đức Đạt); nói “*ngắn gọn là chị em của thiên tài*” là được hiểu theo cách đó. Bản thân sự hàm súc, cô đọng cũng đẩy thơ tứ tuyệt đến sự khái quát nghệ thuật cao độ. Tứ tuyệt hiện đại tuy có phần văn xuôi hoá trong quan niệm chơi trói ngôn ngữ, song tính chất hàm súc cô đọng không mất đi. Có điều các nhà thơ tứ tuyệt hiện đại quan tâm đến sự cô đọng hàm súc về ý hơn về lời.

Thuở bé tôi mê chim và chán các bài hình học

Thơ phải vô định vô hình bát ngát bay... bay... bay

Nào biết đâu chim viễn du theo đội hình tam giác

Bài toán tôi làm dở ở trường, chim giải đáp giữa trời mây

(*Đội hình chim viễn du - Chế Lan Viên*)

Có lẽ nhờ vào tính triết lý (do ý đem lại) mà thơ tứ tuyệt vẫn giữ được sự đọng và hàm súc cần thiết và chứng tỏ sự phát triển của nó trong thời đại.

Thơ cực ngắn hiện đại có không ít loại thơ một câu (thơ Mini của Trần Dần), thơ hai câu (gọi từ ca dao và đang thể nghiệm trong sáng tác hoặc

cổ kết theo kiểu lục bát rời), thơ ba câu (Hai Ku) và những biến thể của tứ tuyệt, nhưng theo thiên ý chúng tôi, tứ tuyệt là một trong những mô hình lý tưởng bậc nhất của sự cô đọng, hàm súc trong hài hoà cân đối như cuộc sống được “*đúc khuôn*” vào trong thơ theo cách “*kiến trúc thời gian thành hạt muối*” (Chế Lan Viên). Có lẽ vì thế mà thể thơ tứ tuyệt so với các thể thơ bác học cổ điển khác, nó có sức sống bền bỉ và lan toả đến ngày hôm nay. Cái lỗi làm nên giá trị thơ tứ tuyệt không phải là ngắn mà ở sự cô đọng hàm súc này (tất nhiên muốn cô đọng hàm súc thì phải ngắn). Ngắn gọn phải có tư tưởng. Đó là yêu cầu thời đại. Để hiểu vì sao thơ tứ tuyệt sống được, ấy là nhờ cái tứ của sự phát hiện độc đáo, sự trải nghiệm sâu sắc. Đó là cách lựa chọn để triết lý. Người ta đọc thơ tứ tuyệt rút ra nhiều bài học cho cuộc đời, bởi con mắt thơ tứ tuyệt “*từ chân trời một người nhìn ra tất cả*” (P. Eluard).

V.V.L

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Aristote - *Nghệ thuật thơ ca*, Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1964.

[2] Bùi Công Hùng - *Góp phần tìm hiểu nghệ thuật thơ ca*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983.

[3] Bùi Văn Nguyên - Hà Minh Đức - *Thơ ca Việt Nam - hình thức và thể loại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983.

[4] Bùi Văn Nguyên - Hà Minh Đức - *Các thể thơ ca và sự phát triển của hình thức thơ ca trong văn học Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1968.



Đặc sản ngày Tết

ĐOÀN PHƯƠNG NAM

Còn cách tết khá xa đã thấy bạn lo chụp hình, rao bán trên facebook, zalo, rồi Twitter bao nhiêu thứ: tôm khô lụi, khô cá lóc, cá kèo... Cái màu đỏ của tôm phơi đủ nắng dù bị giấu kỹ trong mớ bọc ny lông nhùng nhằng cũng đủ khiến nước miếng rệu xuống khi tưởng tượng rằng “em” ấy sẽ nằm chung với mớ dưa củ kiệu chua chua ngọt ngọt. Mon men hỏi thăm, bạn mới nói rằng: “Mua từ bây giờ thì giá là xxx/kg. Vì có giảm trừ gia cảnh ở xa nên không tính tiền cước phí”. Trả lời comment “mắc quá trời vậy cưng” của tôi là một câu lạnh lùng không kém: “Gần tết có trả tiền nhiều hơn nữa cũng không có đâu nghe. Tôm này là tôm tự nhiên nha, nhà tự làm, lựa chọn từng con một và phải chọn cái nắng thật nóng cho “êm”. Lúc rày mưa dữ quá. Tôm có khi bắt lên giấy đành ạch rồi mà không có nắng cũng chịu...”.

Nghe bạn nói mà tưởng cái tết đang ở sát bên mình. Ở đâu thì không biết chứ ở Cà Mau món ngon ngày tết thường là phải do trong nhà làm lấy. Tự nhà làm để đãi khách, tự nhà làm để cho bà con cô bác, người quen thân thiết. Cái chất hào sảng từ thuở “mang gươm

mở cõi” sẵn sàng cho và cho những thứ tốt nhất mình có được chưa bị bào mòn theo thời gian. Cũng mấy con cá đồng trê, sặc, lóc; cũng mấy con tôm mà biển dâng tặng... lớp thì làm mắm, lớp phơi khô vậy mà ai cũng cố gắng chế biến riêng “theo cách của mình” để ai đến nhà cũng phải ăn cho chặt căng cái bụng. Khách càng no, càng say, người miền Nam như cũng thấy mát trong lòng và nghĩ rằng đó sẽ là một sự khởi đầu cho năm mới “ăn nên làm ra”.

Hồi nhỏ, cứ mỗi lần thấy gió chướng lao xao ngoài ngõ, là trong nhà đã bắt đầu lo tính toán chuyện nọ chuyện kia cho ngày Tết. Từ khi loài người mới phơi thai trên trái đất, giống cái là phải lo dự trữ nguồn thực phẩm là nhiệm vụ lâu đời trao lại. Thế nên năm nào mẹ với chế cũng ngồi ước lượng lượng thực phẩm sẽ tiêu thụ hết trong 3 ngày Tết rồi cảm ràm với nhau: “Tao nói là bạn nó nhiều lắm mà, cứ làm dư đi cho thoải mái...”. Osho triết lý rằng, con người chỉ cần nên sợ một thứ duy nhất là nỗi sợ. Bởi nỗi sợ này khiến người ta không thể vượt qua chính mình, sống thật với chính mình và tận hưởng cuộc sống hiện tại an nhiên,



Những món ăn ngon trong ngày tết ở miền Nam. Ảnh: <https://www.vntrip.vn>

hạnh phúc. Thế nhưng đến xứ mình, hình như ngày Tết ai cũng có nỗi sợ: “sợ khách đến nhà không no căng bụng, sợ khách đến nhà không có món ngon để thưởng thức”. Một nỗi sợ dễ thương chỉ xuất phát từ những con người rất hào sảng!

Nhớ lúc mới đi làm còn lơ ngơ, lóng ngóng, đi ăn, đi nhậu ở đâu tôi cũng được kêu đi theo bởi sinh ra trong một gia đình người Bắc di cư vào Nam, nhiều món ngon của Nam bộ chưa thể nào nếm trải qua hết được. Có 1 hũ mắm ong non, các chú cũng kêu đến thưởng thức hoặc có dẫn chút Mũi để tôi biết thế nào là đóng đậy sông, đậy hàng khơi, thế nào là “những mẩu cuối cùng còn sót lại của khô cá đường” của ngày hội cá đường đã đi vào quá vãng, là những ngày ngồi ăn cơm nguội với ba khía, những hôm ăn tiết canh cua biển, nướng bồi khô giầu trong bồ lúa, ăn thịt chuột nướng trong lon... với lời dặn: “Mấy món này mới đúng chánh gốc dân

Nam Bộ nghen con. Mua bậy bạ ở chợ, bậy không biết ăn không đúng cách, sau này tả sai trượt quớt”.

Người ta hay nói rằng, so với người miền Bắc, miền Trung, người miền Nam ăn uống đơn giản, có gì ăn nấy. Thực ra cũng không hẳn thế, người miền Nam ăn uống không cầu kỳ nhưng phải đúng kiểu. Tỷ dụ như ăn ba khía là phải ăn với cơm nguội và thậm chí là bốc cơm bằng tay mới tận hưởng hết sự thú vị của món ngon, ăn lẩu mắm phải có tới mấy chục loại rau để nhúng, khi nào thì nên uống rượu đế, cá lóc nướng chui thì ăn ở đâu và với người nào... và quan trọng nhất là ăn trong một không gian đầy áp sự rộn ràng. Thế nên mới có sự phân biệt rất rõ ràng giữa “cá thiệt” và “cá giả”. Ăn uống hàng ngày thì qua loa cho qua bữa cũng được nhưng ngày Tết có bạn bè đến nhất thiết phải đãi “cá thiệt” dù là cá khô, cá nướng, cá hấp hay cá luộc mẻ. “Cá giả” là cá nuôi trong các ao, hồ và được cho ăn bằng bột bắp, cám...

còn “cá thiệt” là loại cá cũng sống trong ao, hồ, sông bằng cuộc đời rất phóng khoáng, tự kiếm cây cỏ, ấu trùng, rồi chiến đấu với các loài nhuyễn thể khác để lớn lên, ung dung phóng lên cao để thường thức khí trời. Tự do là thế nên thịt cá săn chắc, ngon ngọt.

Tôi từng nghĩ rằng, cũng “công thức” như thế, cũng tôm, cá và nắng gió của đất nước này thì nơi nào cũng chế biến thành đặc sản được. Hí hửng ra chợ đem về bao nguyên liệu tươi sống, phơi mấy nắng mấy sương, tôm, cá cũng ôm nhau héo hon lại hết. Hèn chi người ta hay nhớ món ăn cũ bởi vị hương xưa được tẩm ướp trong ký ức có người thương.

Hơn 10 năm đi làm, tôi đã nhận bao nhiêu ký tôm đất khô, bao nhiêu hũ ba khía làm sẵn, bao nhiêu khô khoai,

khô lóc, khô kèo... chắc sẽ không bao giờ ghi sổ ra hết được. Để đôi khi một trận gió thoảng qua lại ước ao đó là bắc để thấy mình bé dại như ngày nào hí hửng cầm quà Tết đem về nhà.

Ngày xưa, mỗi lần người già nghe mùi gió là biết Tết còn gần hay xa. Bây giờ thì người trẻ nhìn hình trên các trang mạng xã hội cũng đoán được còn bao lâu nữa tới Tết. Bây giờ khi không còn thấy từng lớp sây khô bị gió đem đi thổi tung khắp mọi nơi mới biết mình đã qua quãng thời gian ngọt ngào biết mấy. Thế nên mỗi khi bạn bè hỏi tôi rằng, món gì ngon nhất ở Cà Mau thường được ăn vào ngày Tết, tôi đều trả lời ngọt xót rằng: “Tất cả tấm lòng, tình cảm đặt vào đấy rồi thì món nào cũng trở thành đặc sản”.

Đ.P.N



Năm mới
hạnh phúc bình an đến
Ngày xuân
vinh hoa phú quý về

KÍNH MỜI CỘNG TÁC
ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - SỐ 2/2018

Đặc san Khoa học và Công nghệ Quảng Trị số 2/2018 dự kiến xuất bản vào tháng 5/2018 với nội dung tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm 2018, đặc biệt kỷ niệm Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5, ngày Sở hữu trí tuệ 26/4... Tuyên truyền các hoạt động và thành tựu KH&CN trong tỉnh, trong nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động liên quan khác,... Giới thiệu, quảng cáo các thành tựu hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trân trọng kính mời các cộng tác viên tham gia gửi bài viết, hình ảnh và các thông tin liên quan đến nội dung trên (Số chữ trong bài khoảng 3.000 từ trở lại).

Liên hệ gửi về địa chỉ:

Đặc san Khoa học và Công nghệ

204 Hùng Vương, TP. Đông Hà, Quảng Trị

ĐT: 0233 3857 030

E-Mail: dacsan.khcn.kt@gmail.com

Trân trọng cảm ơn!

BBT ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỬA HÀNG XĂNG DẦU THÀNH CÔNG

Địa chỉ: 52 Lý Thường Kiệt, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Chúc Mừng Năm Mới

Mau Quat 8

2
0
1
8

XĂNG DẦU THÀNH CÔNG

Địa chỉ: 52 Lý Thường Kiệt, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị



2018

HAPPY NEW YEAR

MẬU TUẤT

Chúc Mừng Năm Mới
Happy New Year



*Công ty Cổ Phần Khoáng sản Quảng Trị
là bạn đồng hành tin cậy của các đối tác và khách hàng*



QMC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUẢNG TRỊ

QUANG TRI MINERAL JOINT STOCK COMPANY

Add: Vinh Linh - Quang Tri * Tel: 02333.820028 * Fax: 02333.621848 * Web: www.qmc-titanium.com

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN

Địa chỉ: 204 Hùng Vương - Đông Hà - Quảng Trị; Điện thoại: (0233) 3850392

Chúc mừng năm mới

1. Tư vấn, xây dựng cơ sở dữ liệu KH&CN, Trang thông tin, Cổng thông tin điện tử về KH&CN; xây dựng thư viện điện tử, thư viện số; số hóa tài liệu;
2. Xây dựng, phát triển, chuyển giao phần mềm đóng gói; Phần mềm chuyên ngành; Giải pháp mạng và truyền thông;
3. Tư vấn và triển khai xây dựng dự án, kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển CNTT;
4. Tư vấn, hỗ trợ về đánh giá công nghệ,

chuyển giao công nghệ;

5. Tư vấn và đại diện pháp lý trong việc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ;
6. Cung cấp thông tin về các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
7. Tư vấn, hỗ trợ làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu, mã số, mã vạch cho các sản phẩm.
8. Đào tạo, bồi dưỡng và thi chứng chỉ ứng dụng CNTT "Chuẩn kỹ năng CNTT" theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.



DỊCH VỤ THÔNG TIN KH&CN

Thông tin khoa học và công nghệ là nhân tố thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển, phục vụ hữu ích trong công tác lãnh đạo và quản lý. Do đó, dịch vụ cung cấp thông tin KH&CN của Trung tâm sẽ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cho đối tác:

- Cơ sở dữ liệu chuyên gia KH&CN

DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ CHUYỂN GIAO

Nghiên cứu, xây dựng, phát triển, chuyển giao phần mềm đóng gói; Phần mềm chuyên ngành; Giải pháp mạng và truyền thông; Tư vấn và triển khai xây dựng dự án, kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển CNTT, Liên kết đào tạo.

- Dịch vụ xây dựng, chuyển giao phần mềm

DỊCH VỤ CHẾ BẢN, IN ẤN

Với đội ngũ cán bộ, kỹ thuật viên có trình độ và giàu kinh nghiệm, Trung tâm nhận thiết kế, chế bản, in ấn các ấn phẩm thông tin chuyên sâu về mọi lĩnh vực cho các đơn vị và cá nhân có nhu cầu trong cả nước.

- Thiết kế ấn phẩm: thông tin

